



Trên Đường Hoằng Pháp Của Phật Tổ Gotama

(Tóm Lược Sự Tích Và Những Cuộc Du Hành Của Phật Tổ Thích Ca)

Trùng Quang Nguyễn Văn Hiểu

Mục Lục

Lời giới thiệu

Lời tựa

I/ Sự tích của Phật Tổ Gotama (Cồ Đàm)

II/ Trên Đường Hoằng Pháp Của Phật Tổ Gotama

A. Từ Buddha Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng) đến vườn Isipatana (Lộc Giả)

- B. Từ Isipatana (Lộc Giả) đến thành Bénarès (Ba La Nại)*
- C. Từ Bénarès trở lại Buddha Gaya*
- D. Từ Uruvela đến thành Rajagaha (Vương Xá)*
- E. Từ Rajagaha sang Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ)*
- F. Từ Kapilavastu sang qua thành Savatthi (Xá Vệ)*
- G. Từ Savatthi trở lại Rajagaha*
- H. Từ Rajagaha trở lại Savatthi (Xá Vệ)*
- I. Từ Savatthi sang qua Kosambi*
- J. Từ Kosambi trở lại Savatthi (Ca Tỳ La Vệ)*
- K. Từ Savatthi sang qua Rajagaha*
- L. Từ Rajagaha Đức Phật trở lại Savatthi*
- M. Đức Phật ngự đến Vesali*
- N. Đức Phật sang qua thành Rajagaha*
- O. Đức Phật sang qua thành Vesali*
- P. Đức Phật từ giả Vesali đi Kusinara*

Lời Giới Thiệu

Đối với người Tây Phương ở những thế kỷ trước, Đức Phật Thích Ca là một nhân vật huyền thoại và những câu chuyện về Phật giáo là hoang đường. Đến cuối thế kỷ thứ 19, những cuộc khai quật khảo cổ đã tìm

thấy được những di tích và thạch trụ do Hoàng Đế A Dục dựng lên, 218 năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, có ghi khắc nhiều chi tiết liên quan đến nhân vật lịch sử này. Những chi tiết trong kinh sách đã được minh chứng bởi những di tích khảo cổ học.

Là Phật tử chúng ta không thể không tìm hiểu về cuộc đời Đức Phật để tỏ lòng kính mộ, để học hỏi gương lành và để đền đáp công ơn. Có tìm hiểu, chúng ta mới cảm thấy thương kính vô cùng một con người như tất cả chúng ta, đã sinh ra dưới một cội cây, đã tự lực Giác ngộ dưới một cội cây (Bồ đề) và viên tịch dưới bóng một cội cây khác. Hầu hết cuộc đời của Ngài trải qua trong cảnh thiên nhiên và trong làng mạc mặc dầu có đủ điều kiện để sống trong cung vàng điện ngọc hay trong những ngôi chùa nguy nga lộng lẫy. Bốn mươi lăm năm Hoàng Pháp là bốn mươi lăm năm nhiệt thành tích cực để cứu độ, dẫn dắt chúng sanh ra khỏi vòng đau khổ luân hồi. Đêm chỉ nghỉ 4 tiếng, ngày không ngừng, châu du thuyết giảng, đến giờ phút cuối mặc dầu hơi tàn, sức kiệt, vẫn cố gắng cứu độ người Đạo sĩ xa lạ cuối cùng. Thật là một đời hy sinh đầy cảm động.

Để tưởng nhớ đến đấng cha lành, nhân ngày Đại lễ VESAK 2540, kỷ niệm ba biến cố trong đại Đản sanh,

Thành đạo và Nhập Niết bàn của Phật Tổ Thích Ca, chúng tôi xin phép tái bản quyển "Trên đường hoằng pháp của Phật tổ GOTAMA" do Cụ Trùng Quang Nguyễn Văn Hiếu, cố Hội trưởng Tổng hội Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam, biên soạn năm 1959 tại Kỳ Viên Tự, Sài Gòn.

Xin đa tạ quý Phật tử đã đóng góp công đức và tịnh tài để hoàn thành quyển sách này nhất là vợ chồng đạo hữu Ngô Ngọc Minh, Bà Đinh thị Oanh, Bà Dương thị Bạch Tuyết và các Thiện tín ở chùa Phật bảo đã dày công đánh máy điện toán, sắp xếp và in lại thành sách.

Xin thành tâm kính dâng quả phúc thanh cao do sự pháp thí này đến các bậc Ân Sư Thầy Tổ, Cửu Huyền Thất Tổ, các vị Cư sĩ tiền bối, các Chư thiên và Long thần Hộ pháp, các chúng sanh trong ba giới bốn loài, xin cho tất cả đều được an vui hạnh phúc trong hào quang của Chánh Pháp.

Ban Hoằng Pháp Phật giáo Nguyên Thủy

Tỳ kheo ĐỨC MINH

Dương Lịch 1997 Phật Lịch 2540

Lời Tựa

Các bậc Vĩ nhân Đông phương làm việc chi cũng chỉ vì mưu cầu lợi ích cho nhân quần xã hội mà hành động. Danh thơm tiếng tốt lưu lại muôn đời, đối với các Ngài, giá trị không cao quý bằng tinh thần phục vụ nhân loại. Bởi thế các bậc Hiền triết Á châu như Đức Phật Thích Ca, Đức Khổng tử, Đức Lão tử không để lại một trang lịch sử nào.

Đời sống của Đức Phật Gotama (Thích Ca), trải qua 80 năm trong vòng thế kỷ thứ 6 trước Gia tô, mà được vang dội đến nay là nhờ thuyết khẩu truyền của giới Tăng già. Những tài liệu lịch sử ấy được khởi chép, một cách đơn sơ và rời rạc trong nhiều bộ kinh, trên lá Bối đa, lối 100 năm trước kỷ nguyên Gia tô.

Đôi ba trăm năm sau, hàng cư sĩ dựa theo đó viết ra nhiều sử tích khác nhau; mỗi nơi tùy theo phong tục tín ngưỡng, tô điểm thêm nhiều màu sắc huyền bí thần thoại, làm cho Đức Phật, một nhân vật lịch sử, trở thành một vị thần linh trù tượng trong giới siêu hình.

Tài liệu về lịch sử Đức Phật, trong Tam tạng Pali, được xác thực chứng minh bởi những di tích và thạch trụ, do Hoàng Đế A Dục dựng lên, 218 năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, được sở Khảo Cổ Ấn Độ tìm

ra. Chúng tôi thu nhặt các tài liệu rời rạc trong kinh, trong các bài giảng của Đại Đức Narada Maha Thera, trong bút ký của một vài nhà Sư Việt Nam có dịp đi chiêm bái Phật Tích tại Ấn Độ và trong những sách khảo cứu của các nhà học Phật Âu châu và sắp xếp theo thứ tự, để căn cứ theo đó phỏng lập lại các cuộc hành trình của Đức Phật, trong 45 năm Hoằng Pháp, trên lưu vực sông Hằng và miền kế cận Hy Mã Lạp Sơn.

Để phát họa con đường gian truân cực khổ của một bậc Hiền triết đầy nhân nại, trọn kiếp hy sinh cho đời, chúng tôi căn cứ nơi các địa điểm ghi chép trong kinh sách và sắp đặt theo vị trí địa dư gần xa của các kinh thành mà xưa kia Đức Phật đã để chân đến. Về thời gian, chúng tôi cũng phỏng lập một ký sự đại lược, liên hệ với những hoạt động của Đức Phật và những việc đã tuần tự xảy ra trên đường châu du của Ngài; trong Tam tạng chẳng có ghi chép năm, tháng, ngày, giờ nào Đức Phật ngự nơi đây hoặc sang nơi khác.

Chúng tôi đặt ra những câu hỏi để tiện bề nhấn mạnh vào một vài điểm cần thiết và nhất là lưu ý các bạn thanh niên Phật tử về những đoạn đáng ghi nhớ cùng nhận định cho rõ rệt, hầu lập tâm phục vụ Phật Pháp một cách sáng suốt.

Chúng tôi thấy cần phải cởi mở những thắc mắc và hoài nghi của các bạn thanh niên về danh từ "Pháp Thân Thông", ám chỉ các phép lạ mà đôi khi Đức Phật phải dùng đến để cảm phục người ngoại đạo cũng như để cứu độ những kẻ lâm nạn. Đây không phải là một điều dị đoan, mà là một việc thông thường của các bậc đã tiến đến trình độ cao siêu và đã triệt thấu những bí ẩn của vũ trụ. Với phương pháp chỉ quán, Minh sát trong môn Thiền Định, mọi người có thể khai thông trực giác và đạt được các pháp môn nhiệm như: thấy xa ngàn dặm, nghe xa ngàn dặm, đọc tư tưởng người khác, tàng hình đổi dạng, đi trên không gian hoặc sử dụng theo ý muốn những nguyên tố tinh thần vật lý. Khoa học, tuy chưa tiến sâu vào lãnh vực tinh thần, nhưng cũng đã chế tạo những máy móc tối tân để thâm thanh, truyền hình, tàu bay, hỏa tiễn, v.v..., mà trước kia chẳng ai tin tưởng rằng loài người có thể tiến bộ đến mức hiện giờ. Cũng như thế ấy, khi chưa ai đạt được kết quả Thiền Định như Đức Phật và đệ tử của Ngài, hoặc như các bậc tu chứng trong đạo giáo khác, thì cũng không ai tin nơi các pháp thần thông, nhưng khi người nào đạt được khả năng sử dụng những tiềm lực sâu kín của vũ trụ, người ấy sẽ không lấy đó làm lạ.

Sau cùng chúng tôi mong được Chư Phật tử gần xa chỉ dạy những khuyết điểm hoặc những sai lầm, để chúng tôi sửa chữa lại cho quyển sách thêm phần hoàn bị.

Kỳ Viên Tự, Sài Gòn

21/11/1959

I/ Sự Tích Của Phật Tổ GOTAMA (CỒ ĐÀM)

1. Ai là Vị Giáo chủ của Đạo Phật?

Chính là Đức Phật Gotama (CỒ ĐÀM). Tôn hiệu người ta thường dùng là Phật Sakya Muni, âm trại qua giọng Việt Nam là Thích Ca Mâu Ni hay Thích Già Mâu Ni, nghĩa là Bậc Trí tuệ của dòng Thích Ca.

2. Phật là người như thế nào?

Đức Phật là người đã tiến hóa đến mức toàn thiện, toàn mỹ và tự tìm ra ánh sáng chân lý, thấu rõ định luật cấu hợp thiên nhiên của vạn vật, cho nên không còn bị ở dưới quyền chi phối của định luật ấy nữa, tức là được hoàn toàn giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Tự mình giải thoát rồi, Đức Phật còn một nghĩa vụ thiêng liêng là hướng dẫn chúng sinh theo Ngài đến

nơi an vui tuyệt đối, nơi không còn khổ, không còn sanh, già, đau, chết gọi là Niết bàn.

3. Phật phải là một vị Trời không?

Không, Phật cũng là người như chúng ta nhưng là một người độc nhất vô nhị, cả muôn triệu ức năm mới gặp được một người như thế.

4. Ngài tên họ là chi?

Tên của Ngài là Siddhattha (Sĩ Đạt Ta). Họ của Ngài là Gotama (Cồ Đàm).

5. Thân sinh của Ngài là ai?

Vua Suddhodana (Tịnh Phạn Vương) và Hoàng hậu Maya (Ma da). Hoàng hậu sanh Thái tử Siddhattha được bảy ngày rồi thăng hà; nhờ bà thứ hậu Mahapajapati hay Gotami là dì ruột săn sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành.

6. Dân chúng dưới quyền cai trị của Vua Suddhodana thuộc về dân nào, dòng nào?

Dân Ấn Độ, dòng Sakya (Thích Ca), thuộc giống Ariya da trắng ở Âu Châu và Á Châu, gần dân Latins (Ý), Germans (Đức) và Slaves (Tur Lạp Phu).

7. Nước của Vua Suddhodana ở đâu?

Đông Bắc Ấn Độ, dưới chân Hymalaya (Hy Mã Lạp Sơn), Kinh đô là Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ), trên bờ sông Robini, cách thành Bénarès 150 cây số về hướng Bắc.

8. Hoàng tử Siddhattha ra đời lúc nào?

Đúng bữa trăng tròn ngày thứ 6 tháng Vesakha (Nhằm tháng Năm dương lịch hoặc tháng Tư âm lịch, năm Tuất). Cách đây 2.618 năm trước kỷ nguyên Gia tô 623 năm (1.995 + 623).

9. Lúc Hoàng tử Siddhattha ra đời có điềm chi lạ?

Có. Chính các Thầy Bà la môn làm Quốc sư và chiêm tinh gia trong triều đã báo trước điềm lành; Hoàng tử Siddhattha sẽ trở thành một vị Đại Hoàng đế, thống trị các xứ. Bằng như Hoàng tử xuất gia tìm đạo. Ngài sẽ trở thành một vị Phật, một ánh sáng cho thế gian.

10. Còn điềm lành nào nữa chăng?

Còn. Thuở ấy một vị Đạo sĩ tên Asita, đương ẩn tu trên Hy Mã Lạp Sơn, đoán biết có quý nhân ra đời, liền hạ sơn đến thành Kapilavastu, xin ra mắt vị Hoàng tử sơ sinh. Vừa gặp Hoàng tử, vị Đạo sĩ ấy

cung kính cúi lạy và nói rằng một ngày kia Hoàng tử sẽ thành một Đấng Vô thượng Chánh giác và làm Thầy hướng dẫn Chư Thiên và nhân loại trên đường giải thoát. Rồi vị Đạo sĩ khóc lóc tức tưởi, buồn tủi phận già, không thể sống đến thời kỳ Hoàng tử đắc quả Phật để nhờ Ngài tế độ.

11. Khi nghe lời tiên tri của Đạo sĩ Asita, Vua Suddhodana có tỏ vẻ vui thích không?

Không. Trái lại vua cha tìm đủ mọi phương pháp để ngăn ngừa không cho Hoàng tử xuất gia bởi Ngài muốn cho con trở thành một vị Đế Vương hùng cường, trị vì thiên hạ.

12. Vua Suddhodana dùng phương pháp chi để cầm giữ Hoàng tử Siddhattha?

Khi Hoàng tử lớn lên, vua cha không cho lìa cung nội, ra lệnh nghiêm ngặt không ai được phép thổ lộ cho Hoàng tử thấy biết những sự buồn thảm, bệnh tật và những cảnh đau khổ, tử biệt trong đời. Ngày ngày, Hoàng tử sống giữa yến tiệc, ca xang; hết cuộc vui này đến trò vui khác, làm cho Hoàng tử say mê, không quan tâm lo nghĩ đến thế sự. Ngoài ra còn có nhiều danh sư chuyên dạy văn chương võ nghệ, rèn luyện cho Hoàng tử có đủ tài ba lỗi lạc.

Đến lúc trưởng thành, vua cha tạo cho Hoàng tử ba tòa cung điện thích hợp với ba mùa trong xứ: Mùa nóng, mùa lạnh và mùa mưa. Bên trong cung điện được trang hoàng cực kỳ sang trọng; bên ngoài có vườn thượng uyển rộng lớn bao la, cây cối sum sê, bông hoa đủ màu, hồ sen, suối nước và nhiều thắng cảnh vui đẹp làm cho Hoàng tử càng say mê cuộc đời vương giả trong cái tuổi xuân xanh mơ mộng.

13. Hoàng tử sống nơi ấy một mình trơ trọi hay sao?

Không. Để tránh cảnh đơn độc, không thích hợp với ý định của hoàng triều, vua cha chọn lựa giữa hàng công tôn, những trai tài đầy hy vọng về tương lai, hằng ngày vui sống bên cạnh Hoàng tử.

Đến khi vừa được 16 tuổi, Vua cha cưới cho Hoàng tử nàng Công chúa Yasodhara (Da Du Đà La), con vua Suppabuddha và Hoàng hậu Amita (Bà này là em ruột của Vua Suddhodana, tức là cô ruột của Hoàng tử) của xứ Devadaha ở kế cận, lại còn cấp cho một đoàn cung phi trẻ tuổi yêu kiều diễm lệ, rành nghề ca xang nhạc vũ.

14. Giữa đời sống cực kỳ vui sướng như thế ấy, có sao Hoàng tử lại nảy sinh tư tưởng chán đời?

Lúc dạo chơi trong vườn thượng uyển, tình cờ được mục kích bốn hiện tượng phi thường, Hoàng tử chợt tỉnh thấy rõ tình trạng khổ não của đời sống thế gian.

15. Bốn hiện tượng ấy như thế nào?

a) Một người già quăn quại dưới sự tàn phế suy nhược của xác thân.

b) Một người đau khổ vì bệnh lở loét cùng khắp thân thể.

c) Một tử thi sinh nhầy hôi thúi gớm nhảm.

d) Một vị Thầy tu.

16. Xin tường thuật bốn hiện tượng ấy?

a) Một ngày nọ, Hoàng tử đi dạo chơi trong vườn thượng uyển, bỗng gặp một ông già thân hình còn da bọc xương, khom lưng, chống gậy, hai chân run rẩy, bước tới nặng nhọc, tỏ vẻ người tàn tạ dưới sức nặng của tuổi già. Hoàng tử lấy làm ngạc nhiên (vì chưa từng thấy), kêu tên xa phu hỏi:

Kìa Channa (Xa Nặc), người gì kỳ lạ vậy?

- Channa trả lời: Tâu Hoàng tử, ấy là một người già.

Người ấy sinh ra với hình thể như vậy sao?

- Tâu lệnh Ngài, trước kia người ấy cũng tráng kiện, tươi tắn, khỏe mạnh như Ngài.

Còn nhiều người già như ông ấy chẳng?

- Tâu Ngài, có rất nhiều.

Tại sao ông này phải lâm vào tình trạng buồn thảm như vậy?

- Ấy là định luật thiên nhiên, dành chung cho nhân loại; hết lúc xuân thời tráng kiện, đến tuổi già yếu suy nhược, da nhăn, má hóp, mắt lờ, tai điếc, lưng mỏi, gối dùn.

Ta đây cũng sẽ già như vậy sao, Channa?

- Cũng vậy, tâu Ngài.

Câu trả lời của Channa đánh mạnh vào tâm trí của Hoàng tử, làm cho Ngài ngạc nhiên kinh sợ, lặng thinh suy nghĩ. Từ nhỏ đến lớn chưa từng gặp một thảm cảnh nào kêu gọi trạng huống bi quan của số phận loài người đến như thế, nên Hoàng tử buồn bã, bảo Channa quay xe trở về cung nội.

b) Một thời gian sau, cũng trong một cuộc du ngoạn trong vườn thượng uyển, Hoàng tử gặp một người bị ghẻ chóc, lở lói cùng mình, rên siết khổ sở.

Channa cũng giải thích cho Hoàng tử biết thân người là nơi phát sanh rất nhiều thứ bệnh tật và mọi người bất luận trẻ già, sang hèn, không ai tránh khỏi được.

Nghe qua, Hoàng tử phát ghê tởm cái xác thân và bắt đầu chán nản cuộc đời. Từ đó, Hoàng tử không còn vui thú dục tình, ngày đêm lo nghĩ tìm kiếm phương pháp diệt trừ sự già và sự đau.

c) Sau một thời gian nữa, Hoàng tử gặp một tử thi sinh nhầy nơi cạnh đường.

Lần này cũng nhờ Channa vạch rõ cho Hoàng tử thấy cái chết là mức cuối cùng của con người. Từ thường dân đến vua chúa, khi ra đời đều phải tiến lần đến chỗ chết, không ai tránh khỏi và cũng không ai biết được mình sẽ chết già hay chết trẻ.

Hoàng tử gạn hỏi Channa: Ta đây cũng sẽ chết hay sao?

- Tâu Ngài, trong hoàn vũ này, không một ai thoát khỏi tay tử thần. Nếu Ngài cho phép tôi nói sự thật, tôi xin tâu rằng: Một ngày kia, Ngài cũng sẽ chết như mọi người ở thế gian.

Lời quả quyết của Channa làm cho Hoàng tử không còn ngờ vực, liền hối quay xe trở về hoàng cung. Dem

hết tâm trí suy tưởng đến cái già, cái đau, cái chết, Hoàng tử kết luận: Ích lợi gì cái đời vinh quang oanh liệt của nhà vua, nếu những chuỗi ngày hạnh phúc chôn lâu son điện ngọc sẽ đưa ta đến chỗ già đau, chết? Ô hô! Đời người thật là khốn khổ, tìm đâu cho ra con đường diệt khổ? Từ đó không giờ khắc nào Hoàng tử xao lãng việc tìm kiếm con đường diệt khổ.

d) Mỗi một cả tinh thần trí não mà tìm cũng không ra lối thoát, Hoàng tử bảo Channa bỏ xe thơ thân trên những con đường xa xôi u tịch của vườn thượng uyển. Ngồi trên xe mà tâm trí vẫn chú vào đề mục giải thoát khỏi cảnh già, đau, chết. Bỗng nhiên, trước mắt Hoàng tử xuất hiện một Đạo sĩ du phương, phong độ uy nghiêm, sắc diện trầm tĩnh dưới bộ áo nâu sòng. Hoàng tử chột tỉnh, lĩnh hội điềm lạnh, biết rằng đây là con đường duy nhất phải trải qua để khám phá nguyên nhân trói cột con người trong chỗ già, đau, chết.

(Theo kinh sách, điềm ứng hiện này, cũng như ba điềm trước, do năng lực sâu kín của các pháp Ba la mật mà Hoàng tử đã thực hành trong nhiều kiếp, tự nhiên xuất hiện làm trợ duyên giúp Hoàng tử tự tỉnh xuất gia cho kịp thời. Theo một nguồn tài liệu khác, thì bốn cuộc gặp gỡ nói trên đã xảy ra trong khi Hoàng

tử xin phép vua cha đi dạo chơi ngoài bốn cửa thành. Thuyết này không hợp với bao nhiêu cố gắng của Vua Suddhodana để cầm giữ Hoàng tử trong cung nội vì sợ Hoàng tử gặp những khổ cảnh ngoài đời, chán nản đi tu).

Từ đó Hoàng tử nhất định xuất gia tìm đạo.

17. Hoàng tử hy sinh cả một đời sống vương giả được sao?

Trình độ tiến hóa của một vị Bồ tát đã hy sinh nhiều kiếp với chí nguyện độ đời, không thể tưởng tượng được. Ngài đã từng bố thí tài sản, vợ con, tai mắt, máu thịt và thân mạng, từ vô lượng kiếp để đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, thì sá chi ngôi vàng, điện ngọc, vợ đẹp, hầu sinh trong một tấn tuồng mà Ngài đã từng diễn đi, lập lại, trên con đường phiêu bạt giữa cõi luân hồi. Bởi thế Bồ tát Siddhattha dứt bỏ những nhân vật thương yêu một cách dễ dàng. Nếu gươm Trí tuệ của Ngài chưa sắc bén thì kiếp này chưa phải là kiếp chót để thành công đắc quả.

18. Trốn cha, lìa vợ, Hoàng tử há chẳng phải là người thất hiếu, bạc tình?

Không thể dựa nơi tình thương ích kỷ của cha đối với con, vợ đối với chồng, mà khép cho Hoàng tử cái tội thất hiếu, bạc tình.

Lòng Từ bi của một vị Bồ tát bao trùm cả muôn loài vạn vật. Tình thương bình đẳng mới gọi là chân thật và hy hữu. Và lại, Bồ tát chỉ tạm biệt gia đình một thời gian, khi thành công đắc quả trở về cứu độ gia đình quyến thuộc. Cũng chẳng vì sự vắng mặt tạm thời ấy mà cha già, vợ yếu, con thơ phải đói khổ, mà gọi Hoàng tử là người thất hiếu, bạc tình.

19. Hoàng tử trốn ra đi bằng cách nào?

Giữa đêm trăng tròn của ngày rằm tháng 6 năm Mẹo, trong lúc mọi người an giấc, Hoàng tử sẽ lén vào phòng nhìn vợ, xem con, rồi trở ra đánh thức Channa, bảo thắng ngựa Kanthaka (Kiền trắc), Thầy trò ra đi không ai hay biết.

20. Lúc ấy Hoàng tử Siddhattha được mấy tuổi?

Hoàng tử vừa được 29 tuổi.

21. Hoàng tử đi về hướng nào?

Hoàng tử đi về hướng Đông Nam, thẳng đến bên kia bờ sông Anoma, dừng ngựa lấy gươm cắt tóc, cởi

trang phục bên ngoài, giao cho Channa, bảo trở về Kapilavastu yêu cầu Vua cha và Công chúa Yasodhara an tâm để cho Ngài đi tìm đạo. Sau khi Channa lên ngựa trở về, Hoàng tử ở lại bờ sông Anoma bảy ngày, tĩnh tọa giữa cảnh u tịch, rất vui thích được tiến một bước đầu trên đường xuất gia. Rồi sau khi đổi y phục cho một người Đạo sĩ, Ngài lên đường lần bước đến Rajagaha (Vương Xá thành), kinh đô của xứ Magadha (Ma Kiệt Đà).

(Từ đây người ta gọi Hoàng tử là Sa môn Gotama, hay Bồ tát Siddhattha, trong lúc Ngài chưa thành Phật).

22. Bồ tát Siddhattha đến Rajagaha để làm gì?

Gần thành Rajagaha có hai Thầy Bà la môn tên Alara và Uddaka nổi danh là bậc Trí tuệ siêu phàm, nên Bồ tát đến đó để xin thọ giáo với hai vị danh sư ấy.

23. Hai Thầy Bà la môn ấy dạy những chi?

Hai Thầy dạy phải tâm gọi linh hồn bằng kinh kệ, cúng tế và mọi cách hành lễ để cầu xin Ân huệ của Thượng đế cho được giải thoát.

24. Sa môn Gotama có cho tôn chỉ ấy là chân chánh không?

Ban sơ Bồ tát cố gắng học tất cả giáo lý của hai vị Bà la môn và tinh tấn thực hành nhưng không thấy tiến được bước nào đến mục đích giải thoát.

25. Không được toại nguyện Bồ tát đi tìm đạo nơi đâu nữa?

Bồ tát còn đi thọ giáo với nhiều Đạo sĩ khác, trong vùng kế cận Rajagaha, học tu khổ hạnh để diệt trừ Ái dục Phiền não. Học xong Bồ tát vào ẩn dật trong một khu rừng tịch mịch, tại làng Uruvela và hết sức kiên nhẫn, giam mình trong mọi pháp hành thân hoại thể, cực kỳ khổ sở. Tiếng đồn Ngài là bậc Thánh nhân, nên có năm người đồng tu khổ hạnh như Ngài đến xem cho biết. Thấy tận mắt họ đem lòng kính phục, cho rằng Bồ tát Gotama thật là người có tinh thần cứng rắn và can đảm trong pháp khổ hạnh. Họ tin tưởng một ngày kia Bồ tát sẽ thành công đắc quả chẳng sai, nên xin ở lại đó, mong sẽ được làm môn đệ của Bồ tát.

26. Năm Thầy ấy tên chi?

Tên:

- Kondanna (Kiều Trần Như hay Hỏa Khí)
- Bhaddiya (Bạt Đề hay Tiểu Hiền)

- Vappa (Thực Lực hay Khởi Khí)
- Mahanama (Ma Nam hay Đại Danh)
- Assaji (Át Bệ hay Mã Sư hay Mã Thắng).

Thường gọi là nhóm năm Thầy Kiều Trần Như.

27. Bồ tát Gotama ở tại rừng Uruvela bao lâu?

Gần sáu năm. Sức lực càng ngày càng suy nhược, thân thể gầy còm, do sự nhịn ăn, thức đêm, thức ngày, mệt mỏi rú liệt nhưng không thôi chuyển. Một đêm nọ, Bồ tát đi kinh hành mặc tưởng, té quỵ chết giấc vì đã kiệt sức. Năm Thầy Kiều Trần Như tưởng Bồ tát đã chết nhưng một chập sau Ngài tỉnh lại.

28. Bồ tát còn tiếp tục tu khổ hạnh nữa không?

Không. Ngài đã thấy pháp khổ hạnh không đem lại thành công và giải thoát... Đã cố gắng liêu thân đến cùng, mà vẫn không đạt được mục đích, cũng không thấy tiến hóa về mặt tinh thần, Bồ tát nhất định bỏ lối hành xác và bắt đầu ăn uống trở lại như thường. Năm Thầy Kiều Trần Như thấy vậy cho rằng Bồ tát đã thôi chí ngã lòng, nên bỏ ra đi nơi khác, không còn tin tưởng nơi Ngài nữa.

29. Đã nói rằng Bồ tát là bậc Trí tuệ, sao cũng lầm lạc theo mê tín?

Chẳng phải vậy. Tin những điều chi mù mờ, vô căn cứ, không đúng với chân lý, mà vẫn cố tin, cố thực hành mới gọi là mê tín.

Sa môn Gotama là người thật tâm giải thoát, không bao giờ tin bướng, nghe càng, cũng chẳng hề đặt trọn tin tưởng nơi một Tôn giáo nào trước khi nghiên cứu và thực hành chu đáo. Nghe nơi đâu có danh sư, dầu đường xá xa xôi hiểm trở. Bồ tát cũng tìm đến học đạo và trong khi học, Ngài đem tất cả tinh thần nghị lực, kiên nhẫn suy tầm chân lý tận nơi huyền vi sâu kín, dùng Trí tuệ suy xét và thực nghiệm đạo pháp để nhận định chánh tà; như thế chẳng phải là mê tín. Bồ tát Siddhattha là người duy nhất đã cố công khảo cứu và thực hành tất cả đạo giáo trong thời kỳ Ngài đi tìm đạo. Nhờ chí kiên nhẫn mà Ngài không lầm lạc và cũng nhờ Trí tuệ xét đoán nên Ngài mới tìm ra chân lý.

30. Đến đâu cũng không được toại nguyện Bồ tát có thôi chí ngã lòng chẳng?

Không. Đã kinh nghiệm bao nhiêu pháp cầu khẩn, cúng tế, hành xác mà không đắc kỳ sở nguyện, bấy giờ

Bồ tát định tự vạch lấy con đường tiến hóa sáng kiến của mình. Bỏ khổ hạnh, Bồ tát áp dụng phương pháp thu thúc Lục căn, chế ngự dục vọng. Đồng thời nhờ cảnh cô độc, được tịnh tâm an trí, Bồ tát khai thông những kinh nghiệm sẵn có và làm phát triển những tiềm lực siêu việt bên trong.

Một đêm nọ, Bồ tát thấy triệu chứng sắp thành công đặc quả. Sáng ngày Bồ tát xuống sông Niranjara (Ni Liên) tắm rửa sạch sẽ, rồi thọ một bữa cơm sữa của nàng Sujata. Nàng này, trước kia có khăn vái với vị Thọ thần, xin được gặp một người chồng vừa ý và sanh được một trai đầu lòng. Lời khăn vái ấy đã thành tựu nên sắm một mâm cơm nấu sữa tươi đem ra cây cội thọ cúng trả lễ cho vị Thọ thần. Trông thấy Bồ tát đương ngồi trầm tư mặc tưởng dưới cội cây, nàng tưởng rằng vị Thọ thần ứng hiện nên thành tâm đem cơm dâng cúng cho Bồ tát.

Sau khi thọ thực, Bồ tát thấy trong mình khỏe mạnh phi thường. Trọn ngày đó Bồ tát ngồi bên bờ sông tham Thiền quán tưởng. Chiều lại, Ngài đến cội Bồ đề kề cận, ngồi xây mặt về hướng Đông và nhất nguyện không lìa khỏi nơi ấy trước khi đắc đạo quả.

Chính dưới cội Bồ đề này, Bồ tát Siddhattha chiến thắng vẻ vang trận giặc cuối cùng hết sức khó khăn.

31. Trận giặc thế nào mà gọi khó khăn?

a) Thất tình lục dục là những bả mụ thiên nhiên, hằng đưa con người đến sa đọa điêu linh. Bồ tát luôn luôn thu thúc, đè nén, không để cho các tật ấy chi phối nên trong thời gian xuất gia tìm đạo, những bả mụ cố hữu bên trong, tựa hồ như đã bị diệt tận gốc rễ; chẳng dè trong giai đoạn chủ yếu này, bao nhiêu thị dục và khuynh hướng về thế gian, bấy lâu đã ẩn khuất im bật trong tiềm thức, thỉnh linh lập lờ phản ứng, gây ra một bức tường chướng ngại kiên cố. Vì thế Bồ tát phải quyết liệt chiến đấu với Dục lậu Phiền não này (Kamāsava).

b) Sau mũi giặc thứ nhất xuất hiện một loạt ảo giác bộc lộ những háo thích về các lạc thú đã từng nếm trải, kích thích sự mền tiếc và mong ước được sống cho lâu dài, để tận hưởng mùi vị hương trần. Biết được sự tham sống là cội rễ, nhân sanh ra bản thân này và cũng là nguồn gốc của mọi sự khổ não dính liền với thân, Bồ tát gom thần lực Trí tuệ, tẩy trừ những trần cấu, đã lâu đời chồng chất, tích trữ trong tâm khảm

của Ngài. Đây gọi là Tái sinh lậu Phiền não (Bhavàsava).

c) Kế tiếp xuất hiện trong tâm Bồ tát một màn ảnh rất linh động: Nào là lộc cao, tước trọng, thanh danh, uy quyền, giàu sang, vinh hiển, ái tình, dục lạc, hạnh phúc, gia đình cho đến tất cả những thú vị, những vui sướng của người được đặc biệt ưu đãi trên thế gian như Bồ tát, đều liên tiếp biểu hiện những tranh cảnh rất cám dỗ, làm cho Bồ tát bị cảm kích, xiêu lòng, tấn thối lương nan. Đây gọi là Vô minh Lậu Phiền não (Avijjàsava). Chợt nhớ lại lời cương quyết thề nguyện "Thà chết hơn là từ bỏ mục đích giải thoát." Sa môn Gotama liền vận dụng tất cả tiềm lực Trí tuệ phi thường, hùng dũng chiến đấu và đã toàn thắng trận giặc lòng rất ghê tởm ác nghiệt.

Sau khi những dấu vết cuối cùng của ba pháp trầm luân bên trong đã được dứt khoát tẩy trừ thì sự vắng lặng sâu kín của Niết bàn đã tràn ngập cõi lòng, Bồ tát nâng Trí tuệ lên từ nấc Giác ngộ đến đỉnh Tuệ giác Viên minh tuyệt đối. Màn Vô minh đã bị xé tan, Ngài đạt được mục đích cứu cánh, chứng quả Toàn Giác thành một vị Vô thượng Chí Tôn, một Vị Phật.

32. Ngày giờ nào Bồ tát thành Phật và lúc ấy Ngài được mấy tuổi?

Trận chiến đấu cuối cùng để thắng mọi vi tế Phiền não bên trong vừa chấm dứt thì trời vừa sụp tối, trăng rằm tháng Vesakha lộ mọc, rạng tỏ chân trời. Chính trong đêm trăng tròn tháng Vesakha ấy, Bồ tát Siddhattha đã chứng quả vị Chánh Đẳng Chánh giác nhằm năm Dậu, ngày thứ tư kể tới nay được 2.583 năm (1995 + 623 - 35). Lúc ấy Ngài được 35 tuổi.

33. Xin giải rõ thế nào gọi là đắc quả Vị Phật?

Nhờ trau dồi Trí tuệ sắc bén, do pháp Thiên định Minh sát, Bồ tát tận diệt gốc rễ Phiền não vi tế trong tiềm thức, không còn một chướng ngại nào che án, nên tâm thần thanh thoát, sáng suốt càng sáng suốt thêm. Thắng được trận giặc lòng rồi, trong canh một Bồ tát dùng Tuệ giác soi thấy trong mỗi kiếp luân hồi, từ gần đến xa, Ngài đã sanh nơi đâu, làm chúng sanh ở cảnh giới nào, cha, mẹ, vợ, con là ai. Tuệ giác thấu rõ tiền kiếp của mình gọi là Túc Mạng Minh (Pubbenivasanusatinãna).

Qua canh hai, Bồ tát dùng Tuệ giác soi cùng khắp ba giới bốn loài thấy chúng sanh bị trầm luân trong sáu nẻo luân hồi (Trời, Người, Súc sanh, A tu la, Ngạ quỷ,

Địa ngục) do sự gây nhân tạo nghiệp (Nhân quả báo ứng). Tuệ giác này gọi là Thiên Nhân Minh (Cutuppatanàna).

Qua canh ba, Bồ tát dùng Tuệ giác quan sát đời sống của chúng sanh thấu rõ pháp Tứ Đế (Catu àriyasacca) là bốn điều chân thật về:

- Cái Khổ trong Đời
- Nhân sanh Khổ
- Sự Diệt Khổ
- Phương pháp Diệt Khổ.

Tuệ giác này gọi là Asavakkhayànàna (Lậu Tận Minh).

Đắc được ba cái Tuệ giác nói trên, Bồ tát thấu rõ cái định luật cấu tạo sáu loại chúng sanh trong ba cõi: (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới) nên không còn dính mắc trong định luật ấy tức là hoàn toàn giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Từ đây Bồ tát đã chứng quả Vị Phật cũng gọi là đạo quả Niết bàn Vô sanh Bất diệt.

34. Bồ tát Gotama thành Phật rồi, còn ở trong rừng Uruvela bao nhiêu ngày?

Từ nay không còn dùng hai chữ Bồ tát nữa bởi Bồ tát (Bodhisatta) có nghĩa là chúng sanh có Trí tuệ. Khi chúng sanh ấy đã thành Phật rồi ta phải dùng danh từ Phật Gotama (Buddha Gotama) hay Phật Thích Ca Mâu Ni (Buddha Sakya Muni).

Trong lịch sử có chỗ nói rằng: Đức Phật ở lại rừng Uruvela bảy tuần nhật (49 ngày), có chỗ nói Ngài ở bốn tuần (28 ngày).

a) Sau khi đạt được chân lý rồi, Đức Phật nhập Đại định trọn bảy ngày dưới cội Bồ đề. Qua bữa thứ tám Ngài đến tĩnh tọa dưới cây Ajapala (cây dừng) gần đó để suy nghĩ về đạo quả mà Ngài đã chứng ngộ. Ngài thấy chân lý đem lại hạnh phúc tối cao nhưng rất khó đạt. Chỉ có bậc Minh triết, đại hùng đại lực mới tu chứng được. Nhân loại đương xao xuyên theo bản năng chỉ biết vui thú trong vòng trần tục, nên không thể nhận thức được luật Tuần hườn, luật Nhân quả: khó hấp thụ được giáo lý của Như Lai, bởi giáo lý ấy bắt buộc phải xa lánh thế sự, thẳng phục dục vọng luyến ái mới tiến được trên đường giải thoát.

b) Nghĩ như thế Đức Phật do dự rồi xét lại thấy cần phải đem đạo pháp ra chỉ dạy cho người đời bằng một đường lối rõ rệt và giản dị, để tùy căn cơ và duyên

nghiệp, mỗi người có thể thấu rõ được ít nhiều chân lý. Chỉ có phương pháp ấy mới phổ độ được chúng sanh và để cho họ có quyền bình đẳng tự do trên đường tu học. Đó là ý định của Đức Phật về phương cách Hoằng pháp độ sanh.

35. Nghe rằng Đức Phật có một kẻ cừ địch đeo theo phá khuấy, nhiều hại, kẻ đó là ai?

Người xưa hay dùng thí dụ, ngụ ngôn cùng nghĩa bóng cốt yếu để tô điểm thêm vẽ huyền bí cho những đoạn lịch sử của vị Giáo chủ. Nhiều kinh sách chứa đầy sử tích thần thoại, không thích hợp với đời nay lại còn làm cho thương tổn giá trị của nền đạo giáo cao siêu của Đức Phật. Người ta muốn che đậy những sự thật đã xảy ra, chẳng qua là sợ giảm uy tính và thanh danh của bậc Chí tôn. Vì đó người ta trù tượng một con quỷ để làm kẻ cừ địch của Đức Phật. Con quỷ ấy được đặt tên là Ma vương. Tùy trường hợp Ma vương có nhiều nghĩa:

- Ma vương là tượng trưng của thú tánh bản năng, tật xấu, khuynh hướng theo đời, mọi sự khổ não, phiền muộn, tham muốn.

- Ma vương là những gì cột trói con người trong vòng sanh tử luân hồi, trong biển khổ trầm luân.

- Ma vương là Tử thần, là chúa của cõi trời thứ sáu trong Dục giới gọi là cõi Tục tại biến hóa.

- Ma vương đóng vai trò tương trợ như Sa tăng bên Thiên chúa giáo. Đức Chúa Jêsus bị Sa tăng cám dỗ trong bãi sa mạc như thế nào, dưới cội Bồ đề, Đức Phật Gotama bị Ma vương cám dỗ muông tượng như thế ấy.

36. Lúc nào Đức Phật cảm thắng Ma vương?

Lúc hoàng hôn, trước giờ Thành đạo, Bồ tát Siddhattha chiến đấu để dẹp yên trận giặc lòng (Như đã ghi chép nơi câu giải số 30 đoạn a và b).

37. Xin cho biết Đức Phật cảm thắng Ma vương như thế nào?

Dưới tựa đề: "Đức Phật cảm thắng Ma vương" sách ghi rằng: Được báo tin nguy cấp, kẻ thù không dung thứ được là Sa môn Gotama sắp thành Phật, Ma vương cấp tốc huy động một ngàn người con và các tướng soái rần rộ kéo binh bao vây Bồ tát. Một đạo binh ghê tởm, chưa từng nghe, chưa từng thấy toàn là những quái vật kỳ hình, dị tướng, lưỡi dài, nanh nhọn, mắt lửa, nhóm không tay, nhóm cả ngàn tay, nhóm không đầu, nhóm cả ngàn đầu, đủ loại yêu quái, có lẽ

mang sọ người, lũ khác phun ra những rắn độc, nhóm thì xô đá, lăn cây, xạ tên, nhóm làm mưa, làm sấm sét, vận dụng toàn lực, cố hạ sát cho được vị Sa môn cô độc đương tĩnh tọa dưới cội Bồ đề. Ma vương chỉ huy đốc suất nhưng binh ma tướng quý chẳng hề va động tới chân lông của Bồ tát. Các pháp Ba la mật và lòng Từ bi Vô lượng của Ngài làm một hàng rào kiên cố, bảo vệ Ngài bình an vô sự. Tên bắn vào như mưa, mũi nào cũng tà đầu và trở thành những đóa hoa tươi đẹp nằm ngổn ngang chung quanh Ngài.

38. Lúc nào Đức Phật bị ba nàng con gái của Ma vương cám dỗ?

Để tô điểm câu giải 30 đoạn c) trên đây, người ta thuật rằng sau khi thất bại trong trận đột kích vị Sa môn Cồ Đàm, Ma vương sai ba người con gái đến cám dỗ Bồ tát, nghĩ rằng khí giới không thắng được vị Thầy tu cô độc, có lẽ bùa mê của sắc đẹp sẽ làm xiêu lòng vị này một cách dễ dàng. Ba nàng kiều mỹ tên Tanha (Ái dục), Arati (Tình yêu), Raga (Tham ái) vâng lệnh Cha đến trêu ghẹo Bồ tát. Sắc phục và trang điểm lộng lẫy, ba cô ca hát, múa nhảy, trêu chọc, rủ rê; người thì khêu chọc, người lại tỏ vẻ bẽn lẽn thẹn thùng. Bao nhiêu nghệ thuật khêu gợi dục tình chẳng hề làm rung động Bồ tát (Theo sách khác, ba nàng này đến quyến

rủ Đức Phật trong tuần lễ thứ năm sau khi Ngài đắc đạo).

39. Lúc nào Ma vương thỉnh Đức Phật nhập Niết bàn?

Chính lúc Đức Phật đang suy nghĩ thấy giáo lý của Ngài cao siêu, khó hiểu, khó hành, khó cho người đời hấp thụ được (Xem câu giải số 33 đoạn a). Lúc ấy Ma vương biết được tâm Phật đang băn khoăn về vấn đề Hoằng pháp, chen vào yêu cầu Ngài nhập Niết bàn an nghỉ, bởi chúng sanh ngu muội không thể cứu độ được. Ma vương lo sợ chúng sanh siêu thoát theo Phật, mà trần gian không còn ai để thống trị.

40. Lúc nào Trời Phạm Thiên đến thỉnh Đức Phật khai đạo cứu đời?

Kế tiếp thấy Đức Phật do dự (xem giải câu 33 đoạn b) Vua trời Phạm Thiên Brahma Sahampati xuống yêu cầu Phật Tổ mở rộng cửa Chân lý cho chúng sanh nhờ.

41. Sự thật rất giản dị mà người ta lại bày vẽ thêm nhiều chuyện phi thường, ắt cũng do một duyên cớ nào?

Trong đời thượng cổ, dân chúng xứ nào cũng tin tưởng nơi thần quyền, chuyện một họ bịa đặt ra mười,

truyền khẩu đời này qua đời khác, sau lại các nhà viết sách "Thánh nhân Liệt truyện" chỉ dựa theo tục truyền trong dân gian, rồi tùy thích tô điểm cho thích hợp với tín ngưỡng của thời đại. Chính các nhà viết sách ấy cũng đồng một khuynh hướng thần thoại của thời đại ấy. Chỉ có những cổ truyện do các vị Tỳ kheo, mắt thấy, tai nghe, viết để lại thì vẫn tất và giản dị nhưng bị xem như là khô khan thô thiển. Chính trong thời đại văn minh khoa học này cũng còn nhiều dân tộc giữ vững đức tin theo học thuyết thần quyền, yêu chuộng triết lý siêu hình hơn chứng cứ thiết thực.

42. Sau khi đã quyết định đem đạo giải thoát ra chỉ dạy cho chúng sanh, Đức Phật còn suy tính chi nữa?

Đức Phật còn tĩnh tọa dưới cội cây Ajapala và dưới nhiều cây cổ thụ khác trong vùng Uruvela thêm ba tuần lễ nữa để thưởng thức hạnh phúc tối đại của đạo quả Niết bàn và suy nghĩ về phương cách mở đạo. Trọn 28 ngày, nhờ tọa hưởng lạc thú giải thoát. Đức Phật không biết đói khát. Qua ngày thứ 29, Ngài định ra đi truyền đạo và mở lời tuyên minh rằng: "Từ nay cửa Chân lý đã rộng mở, ai có tai cứ nghe lời thuyết giáo của Như Lai và trọn đời hành theo."

43. Trọn bốn tuần nhật không ăn uống, Đức Phật cũng ra đi được sao?

Vừa lúc ấy có một đoàn xe 500 cỗ từ xứ Ukala (nay thuộc địa phận tỉnh Grandjâm), thuộc miền Nam, chở hàng hóa lên miền Bắc như Bayà, Rajagaha, Vésali vừa đến địa phận làng Uruvela, có nhiều xe bị trục trặc, cái thì sút bánh, cái thì bị lún cát, cái thì bị bò chúng không chịu đi tới, làm cho mọi người lo sợ, không biết điềm lành dữ. Hai người lái buôn, chủ của đoàn xe tên Tapussa (Sa Lê Phú Ba) và Bhallika (Bắc Lê Ca) nhảy xuống rào bước xem coi có việc chi bất thường chẳng. Hai người chợt thấy Đức Phật đương tĩnh tọa dưới cội cây Tàràyana, hào quang tỏa sáng như mặt trời ban mai, họ định tỉnh tỉnh thần và nói với nhau: Đây là một vị Thánh nhân và giờ này có lẽ Ngài cũng sắp thọ trai, vậy chúng ta nên đem vật thực cúng dường cho Ngài. Tapussa và Bhallika trở lại xe lấy món thực phẩm nấu mật và mía róc, đến gần mọp lạy dưới chân Đức Phật và sau khi đi ba vòng quanh Đức Phật, đứng chắp tay cung kính bạch: Xin Đức Thế Tôn xuống phước thọ nhận vật thực chúng tôi đem đến dâng cúng cho Ngài.

44. Đức Phật thọ lãnh vật thực bằng cách nào?

Các vị Phật chẳng hề đưa tay ra thọ nhận vật thực của thí chủ cúng dường. Đức Phật tự hỏi phải làm thế nào để giữ cho đúng phong cách của Bạc Chánh giác. Liên khi ấy Tứ đại Thiên vương hiện đến dâng cho Ngài một cái bình bát bằng đá. Hai người lái buôn liền đem vật thực vào bát dâng lên cho Đức Phật (Nội vấn đề "Bình bát" các nhà lịch sử cũng thu thập nhiều thuyết hoang đường, thấy không bổ ích nên xin miễn thuật).

45. Sau khi thọ thực rồi, Đức Phật có nói chi với hai chàng lái buôn không?

Đức Phật có ban ít lời khích lệ để nâng đỡ tinh thần sùng mộ của hai người và tặng một bài kệ hộ thân, gồm những lời ca tụng tán dương Ân đức của các vị Trời ở bốn phương tám hướng nhất là Tứ Đại Thiên vương và Ngọc Hoàng Đế Thích thường hộ trì bốn châu thiên hạ. Kệ ấy có năng lực đem lại sự an lành cho họ và đoàn tùy tùng và sự may mắn trên bước thương trường.

46. Hai người lái buôn ấy nghĩ sao?

Hai người rất thỏa thích, liền xin qui y với Đức Phật và cầu xin Ngài ban cho một vật kỷ niệm để tôn thờ.

47. Đức Phật có làm vừa lòng họ không?

Đức Phật hoan hỷ cho họ qui y theo Ngài và cho họ ít sợi tóc và rẽ móng tay làm kỷ niệm.

48. Sự qui y của hai người thiện nam đầu tiên này có ý nghĩa chi khác không?

Hai vị thương gia Tapussa và Bhallika này là hai người tâm đạo sâu sắc, thấy Đức Phật biết Ngài là bậc Thánh nhân, phát tâm trong sạch dâng vật thực cho Ngài (sau buổi đắc đạo) và xin làm thiện nam đầu tiên trong Phật giáo. Hành động của họ khác hơn nàng phú gia Sujata là người có đức tin thiên bạc, tương Bồ tát là vị Thọ thần, dâng bát cơm sữa cho Ngài (trước giờ Thành đạo) để trả lễ cho một lời khẩn vái bông lông. Hai sự cúng dường có giá trị khác nhau. Đức tin nào căn cứ nơi bằng chứng thiết thực mới gọi là Chánh tín. Hai người thiện nam đầu tiên này là tượng trưng của đức tin chân chánh. Rường cột trung kiên của Phật giáo là hạng Tín đồ biết phân biệt chánh tà, biết nhận định chân giả.

49. Hai ông Tapussa và Bhallika làm gì với tóc và móng tay của Đức Phật?

Hai người này cầm đầu đoàn thương đội, đi từ Nam lên Bắc, từ Bắc xuống Nam, và nhiều khi mượn thuyền vượt biển sang qua các xứ hải ngoại. Đi đến

đâu họ đem vật kỷ niệm ấy ra chiêm bái và gây ảnh hưởng tốt đẹp cho sự truyền bá Phật Pháp. Sau lại hai người lái buôn đến kinh doanh lập nghiệp tại Miến Điện, xây tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật tại thành Rangoon (Ngưỡng Quảng). Vua Miến Điện cũng như các vị Vua xứ kế cận, nhờ sự loan truyền tin tức của hai ông Tapussa và Bhallika, sang tận Ấn Độ ra mắt Đức Phật, thọ giáo qui y, đem lời giáo huấn của Đức Thế Tôn về khuyên dạy dân chúng và bắt đầu tham dự vào công việc kiến trúc đền thờ Xá Lợi tóc và móng tay, tiếp sức với hai vị cư sĩ đầu tiên khuyếch đại Thánh tháp, đến nay đền thờ ấy trở thành một kỳ quan vô giá tại trung tâm kinh đô Miến Điện gọi là Shwedagon.

II/ TRÊN ĐƯỜNG HOÀNG PHÁP CỦA PHẬT TỔ GOTAMA

A. Từ Buddha Gaya (Bồ đề đạo tràng) đến vườn Isipatana (Lộc Giả)

50. Sau cuộc gặp gỡ hai vị thương gia, Đức Phật định đi truyền đạo cho ai trước nhất?

Đức Phật rời khỏi rừng Uruvela đi về hướng Tây Bắc đến rừng Isipatana (Lộc Giả), hiện giờ là Sarnath cách Bénarès tám cây số để tìm năm Thầy Kondanna (Kiều

Trần Như), là năm người đồng tu khổ hạnh cùng Ngài và đã rời bỏ Ngài khi thấy Ngài không còn tu pháp hành xác nữa.

51. Tại sao Đức Phật không trở về Kapilavastu, truyền đạo cho Vua cha trước nhất?

Vừa khi đắc đạo Đức Phật đã nhớ Cha Mẹ và hai vị Đạo sĩ Alara và Uddaka. Ngài thấy duyên kỳ của Vua cha và quyền thuộc của Ngài chưa đến, nên chưa vội trở về quê hương. Ngài biết hai ông Alara và Uddaka đã từ trần: Ông thứ nhất vừa được một tuần nhựt, ông thứ nhì trong ba ngày vừa qua. Người đầu tiên được Đức Phật tế độ là Hoàng hậu Maya. Tại Buddha Gaya còn một tháp kỷ niệm ghi dấu chỗ Hoàng hậu Maya từ cung trời xuống thọ giáo với con Bà (Theo một nguồn lịch sử khác, Hoàng hậu Maya được Đức Phật tế độ bảy năm sau).

52. Trên đường đi từ chỗ đắc đạo quả (Buddha Gaya) đến vườn Isipatana (Lộc Giả), Đức Phật có gặp ai không?

Trên khoảng đường 10 cây số, từ Buddha Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng) tới thành phố Gaya, Đức Phật gặp một Thầy Bà la môn tên Upaka. Ông này thấy dung mạo

của Đức Phật rất phong nhã và trầm tĩnh, đứng lại kêu hỏi:

- "Thầy của Ngài là ai? "

Đức Phật trả lời:

- "Ta không có Thầy và cũng không ai bằng Ta; Ta là một vị Phật."

Ông Upaka ngạc nhiên nói lớn lên:

- "Không lẽ Ngài quá quắt đến đòi tự xưng là một bậc Thánh nhân nữa sao?"

Đức Phật đáp lời:

- "Chính ta đây là bậc Thánh nhân, bậc Thầy Tối thượng của Thế gian."

Đạo sĩ Upaka càng ngạc nhiên hỏi rằng:

- "Không lẽ Ngài quá quắt đến đòi tự xưng là một Đấng Toàn thắng? "

Đức Phật liền đáp:

- "Thật vậy, Ta là Đấng Toàn thắng, thắng tất cả những thị dục trụy lạc suy đồi."

Tới đây Thầy Bà la môn trở giọng:

- "Thầy đi đâu mà hỏi hả vậy?"

- "Ta đi đến Bénarès (Ba La Nại), đem giáo lý mới ra giảng để thức tỉnh người đời trong giấc mê mộng."

- "Tốt lắm, tốt lắm, Thầy cứ đi đi, nói rồi Đạo sĩ Upaka đi thẳng về hướng Nam, Đức Phật trực chỉ về hướng Bắc."

53. Đến rừng Isipatana (Lộc Giả), các vị Đạo sĩ khổ hạnh có vui lòng tiếp rước Đức Phật chăng?

Các vị Đạo sĩ không muốn tiếp rước Đức Phật vì họ không còn tin tưởng nơi Ngài. Nhưng tướng hảo quang minh của Ngài làm cho các Thầy phải xúc động, cảm giác hân hoan, khiến họ phải nghiêng mình chào hỏi và cung kính nghe Ngài thuyết giáo.

54. Lần mở đạo đầu tiên này kêu là chi?

Danh từ thường dùng trong Phật giáo là "Ngày Đức Gotama chuyển Pháp luân." Đây có thể gọi là lễ khai mạc của nền Giáo pháp đạo đức cho thế gian, hay là lễ đặt nền tảng của định luật công bình vĩnh viễn, hoặc là ngày "Bánh xe Pháp bắt đầu luân chuyển trên thế gian."

55. Đức Phật dạy những chi mà gọi là Chuyển Pháp luân?

Đức Phật đặt nền tảng của đạo. Khởi đầu Đức Phật dạy phải xa lánh hai điều thái quá:

1. Chẳng nên say đắm theo cuộc đời vui sướng, khoái lạc vì đó là đường lối thấp hèn, thô bỉ, phàm tục, không xứng đáng, vô ích, không đưa đến chỗ giải thoát.

2. Chẳng nên sống một cuộc đời kham khổ, hành thân hoại thể, làm cho hao mòn sức khỏe vì đó là đường khổ hạnh, vô ích, không đem lại kết quả tốt đẹp.

Như Lai đã tránh hai cực đoan ấy và nhờ đi trên đường trung đạo, không lợi dưỡng, không hành xác, nên Như Lai tìm được sự an tịnh, sự hiểu biết, sự sáng suốt. Như Lai được hoàn toàn giải thoát khỏi nẻo sanh, già, đau, chết. Như Lai đã chứng đạo quả Niết bàn.

Như Lai đã tìm ra bốn điều xác thật (Tứ Diệu Đế: Catu àyasacca):

a) Khổ Diệu Đế: Dukkha Ariyasacca

b) Tập Diệu Đế: Samudaya Ariyasacca

c) Diệt Diệu Đế: Nirodha Ariyasacca

d) Đạo Diệu Đế: Magga Ariyasacca

a) Khổ Diệu Đế: Dukkha Ariyasacca

Đây là sự xác thật cao thượng về cái khổ: Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; hiệp với nhân vật mà mình không ưa là khổ; xa lìa nhân vật mà mình yêu mến là khổ. Tóm lại đời sống là khổ.

b) Tập Diệu Đế: Samudaya Ariyasacca

Đây là sự xác thật cao thượng về khởi nguyên của cái khổ: Sự khao khát được sinh tồn mãi mãi, hằng đem lại sự tái sinh này đến sự tái sinh khác với bao nhiêu sự vui thích, Ái dục, mong tìm kiếm đây đó vật vừa lòng đẹp ý. Tóm lại tất cả những khát vọng vui sướng, khát vọng sống còn, khát vọng thay đổi triền miên là nguyên nhân đem lại sự khổ.

c) Diệt Diệu Đế: Nirodha Ariyasacca

Đây là sự xác thật cao thượng về sự diệt khổ: Dập tắt sự khao khát ấy bằng cách tiêu diệt hoàn toàn Ái dục, khai trừ Ái dục, từ bỏ, thoát ly Ái dục, không còn dư sót chút nào.

d) Đạo Diệu Đế: Magga Ariyasacca

Đây là sự xác thật cao thượng về con đường diệt khổ: Ấy là Bát Thánh Đạo (Atthangikà Magga), con đường siêu việt có tám chi:

- Chánh Kiến (Sammà Ditthi)
- Chánh Tư Duy (Sammà Sankappa)
- Chánh Ngữ (Sammà Vãcã)
- Chánh Nghiệp (Sammà Kammanta)
- Chánh Mạng (Sammà Æjiva)
- Chánh Tin Tấn (Sammà Vãyãma)
- Chánh Niệm (Sammà Sati)
- Chánh Định (Sammà Samàdhi).

56. Pháp Tứ Đế là nền tảng của Phật giáo nhưng Đức Phật giải tóm tắt quá, liệu chúng sanh có hiểu được không? Vậy xin lược giải theo thông thường để thấy rõ đó là pháp căn yếu của người tu Phật.

Đức Phật dạy rằng đời sống là khổ. Sự đau khổ của con người có nhiều hình thức khác nhau; trước nhất là bốn đại khổ về xác thân: sanh, già, đau, chết. Ngoài những nỗi khổ không ai nhớ được từ lúc ở trong bụng mẹ đến ngày mở mắt chào đời, xác thân là nơi phát

sanh đủ thứ bệnh hoạn, không nhiều cũng ít; càng sống càng già, ngũ tạng lục phủ càng suy nhược, lụn bại, để rồi phải chết, phải tan rã. Không một chúng sanh nào không sợ chết. Sợ chết tức là muốn sống. Muốn sống nên luôn luôn phải đề phòng ngăn ngừa bệnh hoạn, để bảo tồn xác thân, săn sóc cho nó lâu già; nhưng càng cố gắng duy trì xác thân, càng thấy ta bất lực: đau nó vẫn đau, già nó vẫn già, chết nó vẫn chết.

Ngoài cái khổ của xác thân, con người còn nhiều cái khổ về tinh thần: sống chung chạ với kẻ mình không ưa thích, xa lìa những nhân vật thân yêu, muốn giàu sang, muốn có hạnh phúc, mà muốn không được; đó là khổ tinh thần. Trong khi khao khát món này vật nọ, cùng danh lợi quyền tước, phải khổ tâm lao trí, tìm ra mưu này chước nọ, lắm khi không chánh đáng, trái ngược với luân thường đạo lý với pháp luật. Đạt được mục đích rồi, chưa kịp toại hưởng hạnh phúc, đã phải lụy mình vì nó. Nếu mục đích ấy là chánh đáng, khi đạt được rồi, cũng phải khó khăn cực nhọc, tận tụy bảo tồn nó.

Kết cuộc đời người hẳn thật khổ nhiều vui ít. Vì bám vào cái vui ngắn ngủi khó kiếm ấy, mà người sang kẻ hèn đều quên hết nỗi khổ. Không thấy khổ nên mọi

người cho đời là sướng và luôn luôn muốn sống. Sống để hy vọng tìm đôi chút thú vui giữa muôn ngàn nỗi khổ.

Đó là Khổ Diệu Đế, cái khổ hiển nhiên không chối cãi được.

Muốn sống tức là tự cột trói mình vào guồng máy vô hình của bánh xe luân hồi. Dầu muốn dầu không, dầu tin hay không tin, bao nhiêu khát vọng danh lợi phù ba, bao nhiêu thèm thuồng hạnh phúc giả tạm; gọi chung là Ái dục, là nhân đem lại sự khổ.

Đây là Tập Diệu Đế, nguồn gốc hiển nhiên của cái khổ là Ái dục.

Đời sống của mỗi người luôn luôn bị xao xuyên, bị đau khổ, bị quấy nhiễu, không giờ khắc nào yên ổn, do nọc độc của Ái dục. Muốn dập tắt cái tham tâm vô độ ấy, chỉ có cách xa lìa thế sự, dứt bỏ cái khổ của đời. Người nào tự thấy không chịu đựng nổi với cái khổ ấy thì cứ trút bỏ nó đi. Đang cơn đau gặp thuốc điều trị, còn muốn gì nữa, còn chờ gì nữa?

Diệt Diệu Đế tức là diệt Ái dục.

Khổ bệnh đã tiết lộ, căn bệnh đã khám phá, phương pháp giải độc đã tìm ra, bây giờ tới lúc phục dược để

trừ căn. Lương dược này không ai bán, cũng không
tồn kém chi cả. Nó là một thứ thuốc đạo đức, có tám
vị:

- Chánh Kiến (Sammà Ditthi): Hiểu biết chân chánh,
ngay thẳng, đúng đắn, xác thật, đề tìm chân lý.

- Chánh Tư Duy (Sammà Sankappa): Quyết định đúng
đắn, ý chí cương quyết, suy xét tường tận, để bước lên
con đường giải thoát, lập hạnh Từ bi hỷ xả, không lo
nghĩ đến oán thù nhiều hại chúng sanh.

- Chánh Ngữ (Sammà Vàcà): Dùng lời nói chánh trực,
chân thật, nhất định, không nói dối, không nói hành,
không nói lời thô lỗ, không nói chuyện vô ích.

- Chánh Nghiệp (Sammà Kammanta): Làm mọi việc
lành, tránh mọi điều ác, không sát sanh, không trộm
cắp, không tà dâm.

- Chánh Mạng (Sammà Àjiva): Nuôi mạng bằng
những phương pháp chân chánh; tránh nghề hung ác
như đồ tể, thợ săn, bán thuốc độc, bán khí giới.

- Chánh Tin Tấn (Sammà Vàyàma): Sốt sắng dập tắt
khuyh hướng xấu xa sẵn có hoặc sắp có, tăng cường
khuyh hướng tốt đẹp đã có hoặc sắp có.

- Chánh Niệm (Sammà Sati): Phải làm chủ lấy mình, lanh trí, ghi nhớ và luôn luôn biết mình, chú ý đến hành động, cảm giác, tư tưởng của mình.

- Chánh Định (Sammà Samàdhi): Thực hành Thiền định, từ thấp lên cao, để rèn luyện tâm trí, khai thông trực giác.

Đây là Đạo Diệu Đế, con đường đi đến nơi diệt tận những thống khổ, tức là Niết bàn.

57. Buổi lễ khai đạo có đem lại kết quả chi cho năm Thầy Kiều Trần Như chăng?

Năm Thầy nhìn nhận Đức Phật là đấng Tuệ để soi sáng thế gian và xin thọ giáo làm đệ tử. Đức Phật liền thân nhận họ vào hàng Thanh văn đầu tiên trong Giáo đoàn Tăng lữ và phán rằng: "Này chư môn đệ, đạo pháp đã được minh khai, từ nay các Thầy đã hoàn toàn là bậc Thánh nhân giải thoát mọi điều khổ não."

58. Vị nào được chứng quả trước nhất?

Ông Kondanna (Kiều Trần Như). Tuệ nhãn viên minh thấu rõ chân lý, ông đã chứng quả thứ tư, cùng tột trong hành Tứ Thánh gọi là Đại A la hán.

Bốn vị sau, lần lượt cũng đồng chứng quả như ông, sau khi Đức Phật thuyết ba lượt pháp Tứ Đế cho các Thầy nhận thức rõ rệt.

59. Ngoài mục đích tế độ năm Thầy Kiều Trần Như, Đức Phật còn có ý định chi khác chăng?

Đức Phật nhắm vào hai mục đích: Khai đạo và thành lập Giáo hội Tăng già. Sau khi chuyển Pháp luân, Đức Phật thân nhận năm vị đệ tử A la hán vào hàng Tỳ kheo (Bhikkhu) để chung lo việc Hoằng pháp của Ngài.

Từ nay trong Phật giáo có ba ngôi chí tôn:

Ngôi Phật chính là Đức Phật vị Giáo chủ sáng lập đạo Phật.

Ngôi Pháp là Giáo pháp của Ngài

Ngôi Tăng là Hàng Thanh văn trong bốn bậc Thánh:

- Tu đà hườn
- Tư đà hàm
- A na hàm
- A la hán

Ba ngôi ấy cũng gọi là Ngôi Tam bảo, rất quý báu, đáng cho chúng sanh nương nhờ để tìm đường giải thoát, đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường. Người nào gặp duyên may, phát tâm tín ngưỡng, dâng cúng vật thực, thuốc men, y bát, chỗ ở đến các Ngài thì sẽ được hưởng nhiều phước báu. Các Ngài đã hoàn toàn giải thoát, thân tâm trong sạch, không còn một bận trần nhơ, một tí tội lỗi, ví như phước điền để cho chúng sanh gieo trồng giống lành, dọn đường thẳng tiến đến Niết bàn.

60 Định nghĩa của các danh từ như Tỳ kheo, Thanh văn, Thánh Tăng, khác nhau thế nào?

a) Tỳ kheo (Bhikkhu) là Thầy tu chánh thức trong Phật giáo, thường ngày đi trì bình khát thực để nuôi mạng. Xin được món chi ăn món nấy, không được đòi hỏi cùng khen chê và mỗi ngày chỉ được phép ăn trước giờ Ngọ. Có hai hạng Tỳ kheo:

1. Trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, những người đã có tu hành nhiều kiếp, được duyên đầy quả đủ, khi nghe Đức Phật thuyết pháp liền chứng đạo quả Tứ Thánh, từ Tu đà hườn đến A la hán và những người có nhiều duyên lành, gần đến thời kỳ chứng đạo quả, phát tâm trong sạch xin xuất gia theo Phật, liền được Đức

Thế Tôn cho xuất gia. Lúc ấy chưa có điều luật. Đức Phật chỉ nói: "Vào đây Thầy Tỳ kheo, để thực nghiệm đời sống phạm hạnh hầu diệt tận nguồn khổ." Liên khi ấy người xin xuất gia, nhiều ít chẳng hạn, dầu là người cư sĩ hay ngoại đạo giàu sang hay nghèo hèn, mất hẳn sắc tướng trần tục của họ, trở thành vị Tỳ kheo xuất gia từ lâu. Các vị này có cái biệt danh là Ehi Bhikkhu: Thiện lai Tỳ kheo.

2. Sau lại số người xin vào đạo rất đông và có nhiều người không đủ điều kiện, Đức Phật phải chế định ra qui tắc gắt gao: Người muốn xuất gia ít nhất phải đúng 20 tuổi, phải có cha mẹ cho phép, phải là người có đầy đủ sức khỏe, không bệnh hoạn, truyền nhiễm như phong cùi, ho lao, v.v..., không thiếu nợ nần, không bị án tiệt, không trốn xâu lậu thuế và phải trải qua một thời gian tập sự, ít nhất là 4 tháng học Giới luật, trau dồi hạnh kiểm phải được một Thầy Tỳ kheo kỳ cựu ít nhất 10 năm kinh nghiệm, thông suốt kinh luật đứng ra bảo đảm và trình diện, để chịu khảo thí trước một Giáo hội có từ 10 vị Tỳ kheo sắp lên thông hiệu Phật Pháp. Khi được Ban Giám khảo chấp nhận thì vị Thầy tu liền được đặt vào một địa vị cao thượng. Địa vị ấy luôn luôn phải biểu hiện bằng cử chỉ, hạnh kiểm, hành động, lời nói, tư tưởng cao đẹp hơn người thế tục.

Trong Phật giáo còn hạng Sa di (Samanera) là những đạo tiểu từ 7 tuổi sắp lên, được các vị Trụ trì thu nhận vào học kinh luật, chờ đúng tuổi xuất gia Tỳ kheo.

b) Thanh văn là những Thầy Tỳ kheo hoặc Sa di chỉ nghe lời thuyết pháp của Đức Phật mà chứng ngộ được Chân lý, đắc đạo quả Tứ Thánh.

c) Thánh Tăng là các vị Tỳ kheo đã vào dòng Thánh như Chư Thanh văn nói trên.

B. Từ Isipatana (Lộc Giả) đến thành Bénarès (Ba La Nại)

61. Độ được năm Thầy Kiều Trần Như rồi, Đức Phật đi đâu?

Từ rừng Lộc Giả, Đức Phật và năm Thầy Kiều Trần Như sang qua thành Bénarès, cách đó 8 cây số về hướng Nam. Đến nơi có một Thầy Bà la môn xin xuất gia vào hàng Tỳ kheo để phục vụ Đức Phật. Ông ấy tên Naradatta, con của người chị ruột và học trò kế nghiệp của Đạo sĩ Asita.

Ba mươi lăm năm trước về trước, lúc Bồ tát Siddhattha ra đời, có ứng hiện điềm lành. Đạo sĩ Asita cùng một chú tiểu là cháu của ông đương tu trên núi

Hy Mã Lạp Sơn, đoán biết có quế nhân xuất hiện, nên hai cậu cháu hạ san tìm đến thành Kapilavastu, xin ra mắt Hoàng tử để xem tướng cho tương tận. Xem rồi Đạo sĩ Asita cho Đức Vua Suddhodanna biết rằng Hoàng tử lớn lên sẽ xuất gia tu hành đến quả vị Phật. Xét lại thấy tuổi ông đã già không thể sống đến thời kỳ Bồ tát Thành đạo, để nhờ Ngài tế độ, ông tủi phận than khóc. Trở về núi, trước khi qua đời, Đạo sĩ Asita khuyên cháu lo trau giồi Thiền định và dọn mình chờ ngày thọ giáo với Đức Phật. Ông Naradatta đoán biết Đức Phật sẽ đến Bénarès, nên chực đón Ngài. Được nghe giáo lý của Đức Thế Tôn, ông Naradatta liền ngộ đạo, chứng quả A la hán. Ông lấy pháp danh là Maha Kàtyàyana. Về sau ông là một sứ đồ quan trọng giúp Đức Phật rất đắc lực; chính ông lãnh sứ mạng đem Phật Pháp đi truyền bá về miền Tây và Bắc Ấn Độ, tận xứ Pamirs (Nga và A Phú Hãn).

62. Đức Phật còn độ được ai nữa chẳng?

Trong một trường hợp khác thường, Đức Phật độ một gã thanh niên danh tiếng, tên Yasa (Cũng gọi Yasas hay Yosada), con duy nhất của một nhà triệu phú tại Bénarès. Gã thanh niên này sống một cuộc đời đầy hạnh phúc, chẳng thua kém một vị Hoàng tử, trong một tòa lầu cực kỳ sang trọng, với một người vợ đẹp

và một nhóm hầu thiếp. Một đêm nọ, thức giấc, chàng dòm thấy những người yêu của chàng, đương say mê trong giấc điệp, nằm sóng sượt như những thân ma, chàng liền phát tâm ghê gớm, nhòm chán; rồi nghĩ đến cuộc đời, chỉ có cái dạng bề ngoài làm cho chàng mê đắm, quên tìm một lẽ sống cao thượng, khác thường, thích hợp với phẩm cách của người thiện trí thức. Suy tính đến đó, dường như có một mãnh lực vô hình thúc đẩy, chàng phải mau mau tẩu thoát khỏi nhà, để tìm hạnh phúc siêu việt vĩnh viễn. Chàng liền mở cửa xuống lầu ra đi. Trên bước đường vô định, chàng đến bờ sông Vànàrà; thấy nước cạn, cát phơi trắng trẻo, chàng bỏ dép, xắn quần lội qua sông, đến xóm Vàrànasi, thuộc về ngoại ô của thành Bénarès, ở giữa hai ngọn rạch Vãnãrã và Asĩ, rất thanh vắng lại có nước trong gió mát. Chính nơi đây là chỗ Đức Phật và 6 vị đồ đệ tạm trú dưới cội cây cổ thụ. Đi trờ tới chàng gặp Đức Phật và 6 vị A la hán đương ngồi tĩnh tọa, hào quang sáng rỡ. Chàng mừng gặp được Thánh Nhân, liền đến quỳ lạy đánh lễ và xin thọ giáo. Đức Phật biết duyên lành của chàng Yasa đã đến, nên cho xuất gia làm Thiện lai Tỳ kheo (Èhi Bhikkhu), rồi giảng đạo cho nghe; trong chốc lát Thầy Yasa chứng đạo quả A la hán.

Sáng ngày, thấy mất chàng, cả nhà tuôn ra đi kiếm cùng khắp mọi nơi. Cha mẹ chàng tới bờ sông Vãnã gặp đôi dép của chàng, lội qua sông thấy chàng đã xuất gia đầu Phật. Cha mẹ khóc lóc khuyên nhủ bảo trở về cọng hưởng gia tài đồ sộ, mà chàng là người kế nghiệp duy nhất. Đức Phật cho biết chàng Yasa đã đắc quả Thánh Nhân rồi, không còn sống chung với gia đình được nữa và thuyết pháp giảng đạo cho cha mẹ chàng nghe. Hai ông bà thức tỉnh xin quy y thọ giới làm người cận sự nam và cận sự nữ chánh thức trong Phật giáo. Vợ và hầu thiếp của chàng cũng đến xin quy y thọ giới và buộc lòng phải để cho chàng theo hầu Đức Phật.

Gia đình của Đại đức Yasa là người thiện nam tín nữ đầu tiên, chánh thức quy y Tam bảo và thọ trì Ngũ giới nghĩa là người xin nương nhờ nơi Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và nguyện trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

63. Tại sao ông Yasa, một thanh niên giàu có, hạnh phúc dồi dào, tương lai tốt đẹp, lại có tư tưởng và chí hướng khác thường như thế?

Theo lịch sử, ông Yasa là người đã tạo nên nhiều duyên lành trong tiền kiếp để làm nền tảng cho chí nguyện giải thoát, người như thế trong đời thật hy hữu. Ông là một trong 33 người đồng tâm đã làm nhiều công tác từ thiện, giúp khó trợ bần, tu kiêu bồi lộ, cất nhà nghỉ mát nơi các ngã ba đường, bố thí nước cho người đi đường, thí cơm, thí cháo cho người thiếu hụt. Khi mãn kiếp, 33 người ấy được siêu sanh về cõi trời, cộng hưởng hạnh phúc lâu dài. Người làm đầu chính là Vua trời Đế Thích Sakka.

Thuở Bồ tát Siddhattha ra đời, có hai vợ chồng vị triệu phú thương gia tại Bénarès, không con kế nghiệp, ông chồng buồn rầu. Bà vợ khuyên chồng đến cây đa cổ thụ, kế cận bên nhà, khẩn vái với vị Thọ thần cho bà sanh được một mụn con trai. Ông chồng nghe lời, sắm lễ vật đến gốc đa cầu khẩn và nguyện sẽ cất một ngôi chùa xứng đáng để thờ vị Thọ thần. Bà vợ nghe lời van vái quan trọng của chồng, sợ nếu ông Thọ thần làm lơ, thì chồng bị mắc lời thề oan uổng, nên bà lật đật thêm rằng nếu lời cầu khẩn của chồng bà không được kết quả, bà sẽ đốn cây đa.

Ông Thọ thần nghe vậy lo sợ, biết rằng đàn bà có đức tin, nhưng khi họ không được vừa lòng, họ cũng dám trả thù; mà ý muốn của hai ông bà triệu phú này lại

vượt khỏi quyền lực của mình; nếu lo không kham sẽ mất chỗ ở. Ông Thọ thần lật đặt lên cầu khản Vua trời Đế Thích. Trời Đế Thích bảo ông an tâm trở về. Chính lúc ấy, một trong 33 vị trời sắp mãn tuổi thọ, phải hạ sanh xuống trần. Trời Đế Thích khuyên bạn mình nên thọ sanh vào nhà vị triệu phú ở Bénarès. Ông này chối từ vì ông đã lập nguyện giải thoát trong kiếp chót ở thế gian; nếu sanh vào nhà giàu có, ắt khó bề xuất gia tu hành. Trời Đế Thích hứa sẽ giúp bạn trong lúc cần thiết, để hướng dẫn bạn tìm đường giải thoát. Ông liền chịu xuống làm con nhà triệu phú ở Bénarès, nên khi dứt tuổi thọ ở cung trời Đế Thích, ông hạ sanh làm con của vợ chồng ông Trưởng giả và được đặt tên là Yasa.

Lúc Đức Phật đến ngụ tại xóm Vārānasi, chính Trời Đế Thích đã thức tỉnh ông Yasa và giục ông nửa đêm thức giấc đi tìm Đức Thế Tôn. Nhờ vậy ông được nghe pháp và chứng Đạo quả A la hán.

64. Tại Bénarès còn ai xuất gia theo Phật nữa chăng?

Tin đồn một vị thanh niên triệu phú nửa đêm bỏ nhà đi tìm Đức Phật xin xuất gia và đắc quả A la hán, làm chấn động cả thành Bénarès. Năm mươi bốn (54) bạn thanh niên trí thức của ông Yasa, trong hàng Bà la

môn, công khanh, vương tôn, rủ nhau đến xin thọ giáo xuất gia theo Phật, tinh tấn thực hành Thiên định theo phương pháp dạy bảo của Đức Thế Tôn, lần lượt kể trước người sau đều chứng quả A la hán.

65. Tại sao các thanh niên trí thức ấy không chịu hưởng giàu sang, lại ly gia cắt ái một cách dễ dàng và chứng quả A la hán mau lẹ như thế?

Các bạn của ông Yasa cũng như ông là hạng người đã tu hành nhiều kiếp và đã tạo nhiều phúc hậu, nên được sanh trưởng trong gia đình giàu sang, lại sẵn có bẩm tính thông minh, thường suy xét thấy cuộc đời là giả tạm, hằng nuôi chí nguyện giải thoát. Gặp được Đức Phật làm Thầy hướng dẫn, các ông ly gia thoát tục một cách dễ dàng. Người sẵn có Trí tuệ, khác thường lại được Đấng Giác ngộ khai tâm truyền đạo, thì đường vào Niết bàn hẳn thật không xa, đối với bậc đại căn ấy.

66. Đức Phật có giao phó nhiệm vụ chi cho các vị đệ tử A la hán của Ngài chăng?

Sau 5 tháng khai đạo, kể luôn 3 tháng Kiết hạ (trụ lại một chỗ trong mùa mưa) tại Bénarès, tính ra Đức Phật đã độ được 60 vị đại đệ tử đắc quả A la hán, thông rõ giáo lý cao siêu mầu nhiệm về đạo giải thoát. Mùa

mưa vừa chấm dứt, Đức Phật nhóm 60 vị A la hán bảo phải tách ra đi riêng từ vị, cùng khắp mọi nơi, đem đạo giải thoát phổ cập trong dân gian.

67. Đức Phật nói chi với chư vị A la hán ấy?

"Này chư môn đệ, các Thầy đã hoàn toàn giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi; các Thầy nên khởi hành châu du từ xứ này sang xứ khác, đem giáo lý giải thoát truyền bá cho tất cả chúng sanh; vì lòng Từ bi đối với đời, mỗi Thầy tách ra đi mỗi nơi, ban bố an vui hạnh phúc, cứu độ chư Thiên và nhân loại. Nhiều người sẵn có tâm đạo và thiện ý, nếu họ không nghe được giáo lý giải thoát của Như Lai, họ sẽ sa đọa. Bằng nghe được họ sẽ thọ giáo với các Thầy và sẽ liễu ngộ được chân lý."

C. Từ Bénarès trở lại Buddha Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng)

68. Sau khi giao phó nhiệm vụ Hoằng pháp cho chư vị A la hán, Đức Phật đi đâu?

Sau khi các vị Thánh Tăng chia nhau mỗi vị đi mỗi hướng. Đức Phật lên đường trở lại rừng Uruvela (chỗ Ngài Thành đạo).

Chưa ra khỏi địa phận Bènarès, Đức Phật gặp một nhóm 30 thanh niên hơ hải chạy đến hỏi Ngài:

- "Bạch Sa môn, Ngài có gặp người phụ nữ nào đi về ngỏ này chẳng? Chúng tôi 30 anh em cùng đi du ngoạn với một người kỹ nữ theo ca hát giúp vui; lúc chúng tôi tắm sông, mãi vui chơi đùa giỡn với nhau, cô ấy trộm hết đồ trang sức và lén trốn mất dạng."

Đức Phật vui vẻ đáp lại:

- "Này các cậu, tại sao các cậu luống công đi tìm một người phụ nữ, mà các cậu không chịu khó tìm cho ra các cậu?"

Lời nói của Đức Phật làm rung động tâm hồn các gã thanh niên; họ chợt tỉnh hối hận và hân hoan thỉnh cầu Đức Phật giảng pháp cho nghe, rồi cả bọn thỏa thích xin xuất gia, theo hầu Đức Phật. Thầy trò vậy đoàn trực chỉ đến rừng Uruvela.

69. Đức Phật nói cách nào mà cảm hóa được dễ dàng 30 thanh niên đang truy lạc?

Những thanh niên này cũng là hạng người có tu hành nhiều kiếp, như ông Yasa và các bạn của ông. Những người sống vào thời kỳ Đức Phật ra đời, lại được gặp Đức Phật khai tâm điểm đạo là người đại căn thượng

trí, có nhiều duyên lành được tế độ. Đức Phật chỉ thốt một câu vắn tắt, mà họ đã thấu triệt được ý nghĩa kim ngôn và nhận thức chân lý; tìm sắc dục bên ngoài là tìm hạnh phúc thấp hèn, trụy lạc; tìm cái chân tâm siêu việt bên trong, ấy mới là tìm sự an lạc cao thượng của đạo giải thoát. Với bậc Trí tuệ, không cần phải nói nhiều; Đức Phật biết chỗ khai sáng của người, nên Ngài chỉ nhấn mạnh một vài lời, đủ cho họ tỉnh ngộ.

70. Đức Phật trở lại Uruvela với mục đích chi?

Đức Phật biết trong vùng Uruvela có nhóm Bà la môn quan trọng, thuộc phái Jatila thờ thần lửa; người cầm đầu là 3 anh em ruột, nổi tiếng là người kế nghiệp cho một vị Đạo sĩ tiền bối đại tài tên Kassapa. Ba vị đầu sư này chiếm một vùng rộng lớn, dọc theo bờ sông Ni Liên, ẩn dật dưới những chòi tranh với rất nhiều đệ tử và súc vật chuyên tu khổ hạnh, cúng tế phức tạp, thông suốt các khoa thần học, vũ trụ luận, lại rất giỏi về triết học văn chương (Sanskrit), nên được dân chúng cảm mộ sùng kính.

Muốn cảm hóa 3 nhóm này không phải là chuyện dễ, bởi Đức Phật chủ trương thuyết "Vô Ngã", trái ngược với chủ nghĩa "Hữu thần" của 3 anh em ông Kassapa. Bằng khuất phục được họ thì hẳn thật là một sự về

vang cho Phật giáo. Đức Phật tin tưởng nơi sứ mạng cứu thế của Ngài, nên Ngài trở lại Uruvela, khôn khéo đến xin tá túc với người anh cả. Ông Kassapa anh, vị Trưởng lão rất hiền từ, không thể từ chối được, nên cho Đức Phật vào ở với ông. Nhưng sau khi biết vị Sa môn trẻ tuổi này được dân chúng ở vùng lân cận sùng kính, ông đem lòng ngờ vực rằng Đức Phật là một người đối thủ nguy hiểm. Thấy không thể dùng lý thuyết để cảm hóa ông Kassapa, Đức Phật định phải dùng phép thần thông mới có thể thắng phục lòng ngã mạn cứng rắn của ông này. Nhờ Tha Tâm Thông nên lúc nào biết ông Kassapa cố ý muốn xua đuổi Ngài thì Ngài biến mất; khi biết, ông hối hận, Đức Phật hiện ra. Trong đêm khuya thanh vắng thường có Trời Phạm Thiên (Brahma) và Trời Đế Thích (Indra) đến viếng Đức Phật; hào quang của 2 vị Thiên Vương chiếu sáng rực rỡ cả một góc trời, ông Kassapa biết Đức Phật có khách quý, nhưng trong bụng vẫn định minh rằng Sa môn Cồ Đàm không thể sánh bằng ông. Khi ông Kassapa muốn dùng đồ đạc trong nhà như ghế ngồi, hoặc chén đĩa, hoặc đồ tế lễ thì đồ đạc ấy biến mất. Khi lấy củi đem ra chẻ để đốt lửa cúng thần, củi ấy lại cứng như đá, chẻ không bể. Khi muốn đốt lửa, lửa lại không cháy; khi múc rượu đổ vào lửa, rượu lại dính trong muống không rót ra; rồi thành linh trật tự trở lại

như xưa. Mỗi khi xảy ra những chuyện lạ thường phiền phức như thế ấy, các Thầy Bà la môn nghi cho Thầy Sa môn Gotama đứng xa dùng phép lạ phá khuấy nhưng họ vẫn thấy Thầy Cồ Đàm thản nhiên. Tuy vậy các Thầy cũng tự tin rằng các Thầy có pháp thuật cao siêu không ai bằng và họ là bậc Thánh nhân siêu quần trác tuyệt hơn Thầy Sa môn Gotama.

Đức Phật thấy cần phải dùng một phép thần thông khích động hơn nữa, nên Ngài xin ông Kassapa cho Ngài ngủ trong chòi đốt lửa cúng thần. Ông Kassapa thành thật khuyên Thầy Sa môn Gotama chớ nên dễ dãi vì nơi ấy có con rồng dữ tợn thường hay văng lai, mà ai ai cũng ghê sợ. Đức Phật cố nài nỉ xin cho được. Vào đến nơi quả thật con quái vật hiện ra dương oai với Đức Phật. Khói lửa bốc cháy rần rần, tuôn ra mây lỗ cửa, làm cho nhóm Bà la môn kinh hồn, xúm nhau đem gào chuyên nước chữa lửa. Kết cuộc Đức Phật cảm thảng được con ác thú ấy và nhốt nó trong bình bát, đem ra cho các Thầy Bà la môn xem. Tuy nhiên bọn Bà la môn cũng chưa chịu quy phục Đức Phật.

Kế đó một trận bão lụt làm cho nước sông Ni Liên tràn bờ và lôi cuốn các chòi tranh. Ông Kassapa lo sợ cho số phận của Thầy Sa môn Gotama, chèo thuyền đến tiếp cứu. Đến nơi thấy Đức Phật đương lặng lẽ đi

kinh hành trên dòng nước cuộn chảy như thác đổ. Chừng ấy ông Kassapa mới chịu nhìn nhận tài năng siêu việt của vị Sa môn trẻ tuổi và mọp lại dưới chân Đức Phật. Năm trăm đồ đệ của ông cũng đều qui phục. Trong lúc nhiệt tâm hoan hỷ, các vị tân Tín đồ khuân liêng tất cả y phục và vật dùng để thờ cúng thần lửa xuống sông Ni Liên. Hai ông Kassapa Em, ở vào phía hạ lưu, thấy đồ đạc thường dùng của anh mình trôi lên đên giữa dòng, hốt hoảng kéo hết 500 đồ đệ đến tiếp cứu. Đến nơi thấy anh mình và cả bọn đã xuất gia theo Phật, hai ông Kassapa Em và 500 Tín đồ cũng đồng xin thọ giáo làm Tỳ kheo.

D. Từ Uruvela đến thành Rajagaha (Vương Xá)

71. Thắng phục được ba anh em ông Kassapa rồi Đức Phật định đi đâu nữa?

Cả ngàn Thầy Bà la môn đã trở thành những vị Tỳ kheo khát sĩ du phương, vấn đề sinh sống cần phải giải quyết mau lẹ, bởi dân chúng ở các xóm chung quanh rừng Uruvela và trong thành Gaya kế cận không đủ sức cung cấp vật thực mỗi ngày. Đức Phật và đoàn tân khát sĩ lên đường nhắm hướng Đông Bắc trực chỉ đến thành Rajagaha (Vương Xá), kinh đô xứ Magadha (Ma Kiệt Đà) của vua Bimbisàra (Tần Bà Sa), là nơi

phong phú và dân cư đông đảo. Vãn lại 7 năm về trước, lúc mới xuất gia tìm đạo, Bồ tát Gotama đã được vua Bimbisàra hứa chia hai giang san, nếu Bồ tát chịu trở lại trong đời trị vì thiên hạ; nhưng Bồ tát từ khước. Thấy không thể cầm cọng vị Sa môn trẻ tuổi đương hăng hái tìm đạo, vua Tần Bà Sa yêu cầu Bồ tát, khi thành công đắc quả, xin trở lại tế độ. Ngày nay đã chứng quả Chánh giác rồi, Đức Phật phải tìm gặp Đức vua cho khỏi thất hứa. Đến nơi, Đức Phật và đoàn tùy tùng tạm trú ngoài thành, trong cụm rừng Yatthivana (Rừng tre cao lớn thường dùng để làm sào, nên gọi là Rừng sào).

Hay tin Đức Phật đến, vua Bimbisàra cùng bá quan trong triều, các thân hào phú gia, ra nghinh tiếp rất trọng thể và thỉnh Đức Phật cùng Chư Tăng vào đền thọ thực. Sau buổi trai tăng, vua Bimbisàra ngỏ ý dâng vườn thượng uyển "Trúc Viên" cho Đức Phật để tiện bề làm nơi Hoằng pháp, bèn lấy bình vàng đựng nước, rót trên tay Đức Phật và bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, Trẫm xin dâng cúng vườn Trúc Lâm đến Ngài và Chư Tăng." Đức Phật thọ nhận, rồi giảng đạo và phúc chúc cho Đức vua; sau cùng Ngài dùng lời dịu ngọt khuyến khích làm cho phần khởi đạo tâm của vua

Bimbisàra. Vua liền xin qui y làm thiện nam trong Phật giáo.

Lần đầu tiên Giáo đoàn Tăng lữ được làm chủ một vùng đất rộng lớn, nơi ngoại ô Vương Xá, tiện bề cho các Thầy Tỳ kheo du phương tạm trú và cho Tín đồ tới lui nghe pháp học đạo.

Đức Phật nhập hạ thứ nhì nơi vườn Trúc Lâm (Veluvana), trong mùa mưa sắp tới và trải qua thời gian Hoằng pháp Đức Thế Tôn thường trú ngụ nơi đây.

72. Tại Rajagaha (Vương Xá), Đức Phật còn thu phục được ai?

Tại Vương Xá, Đức Phật thu được hai vị Đại Đệ tử là ông Sariputa (Xá Lợi Phất) và ông Moggalàna (Mục Kiền Liên).

73. Xin cho biết tiểu sử của hai vị Đại Đệ tử ấy và nhân duyên đưa hai Ngài đến gặp Đức Phật?

Ông Upatissa thường kêu là Sariputa (tên của mẹ ông) và ông Kolita thường kêu là Moggalàna (tên của họ ông) đều sanh trưởng trong một làng kế cận kinh đô Vương Xá gọi là làng Nalanda. Hai ông là con nhà Bà la môn giàu có, lại là bạn đồng môn, tài năng xuất

chúng, học thức uyên thâm. Địa vị xã hội của hai thanh niên dành sẵn cho họ một tương lai rực rỡ. Một ngày nọ, hai anh em rủ nhau đi dự một cuộc lễ hành hương, có bày bố buôn bán một đám chợ phiên. Giữa lúc thiên hạ vui mừng ăn lễ, ông Sariputa lại nảy sinh trong trí một tư tưởng lạ thường: "Trong vòng 100 năm nữa, đám đông có mặt tại đây sẽ hóa ra người thiên cổ. Không nhận thức mình là người đang đi đến chỗ chết, nhóm người này thản nhiên vui say theo trò chơi thế sự; thật đáng thương, đáng buồn giùm cho họ." Nghĩ như vậy, ông Sariputa liền tỏ ý tưởng ấy cho bạn mình nghe. Ông Moggalàna cho biết rằng ông cũng đang suy nghĩ như thế và đang bối rối trước cảnh phù hoa của thế gian. Hai người bạn tâm đồng ý hiệp liền rủ nhau đến xin thọ giáo với Đạo sĩ Sanjaya, một trong sáu vị Lục sư danh tiếng đang tu luyện với 250 đồ đệ; trong khu rừng gần thành Vương Xá. Khi vào tu rồi, hai ông thấy học thuyết của Đạo sĩ Sanjaya không thích hợp với trình độ mình, nên định đi tìm một vị Minh sư cho xứng đáng và cam kết với nhau, khi một trong hai anh em người nào gặp được Minh sư, phải mau mau báo tin cho biết.

Vì sẵn có tiền duyên, nên chẳng bao lâu họ gặp Đức Phật.

74. Hai ông Sariputa và Moggalàna gặp Đức Phật trong trường hợp nào?

Trên đường đi Hoằng pháp, vị A la hán trẻ tuổi trong nhóm năm Thầy Kiều Trần Như là ông Assaji (Át bệ: Mã thắng) đến Vương Xá gặp Đức Phật tại Trúc Lâm, tạm trú nơi đó ít ngày. Một bữa nọ, sáng sớm Đại Đức Assaji vào thành Vương Xá khát thực. Tình cờ ông Đạo sĩ Sariputa đi tới gặp Đại Đức Assaji, thấy sắc diện của Ngài sáng rỡ, y phục chỉnh tề, đi đứng trang nghiêm. Ông Sariputa tự nói: "Hẳn thật đây mới là một vị Sa môn, nếu chưa đắc đạo quả Thánh nhân thì cũng là một bậc đương tiên vào dòng Thánh, chẳng sai vậy; ta nhất định phải đến gần Ngài để dò la cho tường tận." Đạo sĩ Sariputa chậm rãi theo sau, chờ cho Đại Đức Assaji khát thực xong, quay bước trở về, ông mới lại gần cung kính xá chào và hỏi:

"Bạch Ngài tinh thần của Ngài đầy vẻ trầm mặc, sắc diện trong trắng sáng rỡ; chẳng hay Ngài nương nơi sự hướng dẫn của ai, mà được giải thoát ra khỏi trần tục? Tôn sư của Ngài là ai? Ngài theo Giáo pháp của ai?"

- "Này ông bạn, Thầy của tôi là vị Đại Sa môn, thuộc dòng Sakya (Thích Ca) là người đã hoàn toàn giải thoát. Chính nhờ sự hướng dẫn của Ngài, mà tôi được

xuất gia thoát tục. Tôn sư của tôi là Đức Phật Gotama.”

- "Bạch Đại Đức, Tôn sư của Ngài nói những chi? Dạy điều chi? "

- "Này ông bạn, tôi chỉ là một đồ đệ sơ cơ, xuất gia chưa được bao lâu; tôi không thể trình bày trọn cả Giáo pháp của Thầy tôi cho ông bạn được; nhưng tôi có thể tỏ cho ông biết sơ lược phần chủ yếu thôi.”

"Bạch Ngài, như vậy cũng được; dầu Ngài nói ít, nói nhiều cũng không sao, tôi cần thấu rõ phần chủ yếu thôi.”

Đại Đức Assaji liền trả lời vắn tắt rằng:

"Các pháp đều sanh ra bởi một nhân;

Đức Thế Tôn đã chỉ cho thấy rõ nhân của nó.

Ngài cũng dạy cho biết sự diệt tắt của nó.

Chính đó là Giáo pháp của vị Đại Sa môn.”

Đại Đức Assaji vừa dứt lời, Tuệ nhãn của ông Đạo sĩ Sariputa liền bật sáng (chứng quả Tu đà hườn) thấu rõ chân lý; biết rằng cái chi sanh thì phải diệt. Ông liền nói: "Bạch Đại Đức, mặc dầu chân lý chỉ lược giải có

bấy nhiêu lời, nhưng Ngài cũng đã tuyệt diệt Phiền não, chúng được đạo quả chưa từng thấy, từ triệu ức kiếp.”

Sau khi từ tạ Đại Đức Assaji và biết Đức Phật đương ngự tại Trúc Lâm (Veluvana), ông Sariputa liền đi báo tin cho ông Moggalàna.

Thấy ông Sariputa từ xa tiến tới, ông Moggalàna mừng rỡ chào hỏi: "Mừng Sư huynh, hôm nay khí sắc của Sư huynh rất trầm tĩnh, khiết bạch khác thường, chắc hẳn Sư huynh đã tìm ra được con đường giải thoát rồi, phải chăng? "

- "Quả thật như vậy, đạo hữu.”

- "Vậy thì Sư huynh cho tiểu đệ biết với.”

Ông Sariputa thuật lại sự gặp gỡ giữa ông và Đại Đức Assaji, rồi đọc bốn câu kệ tóm lược phần cương lĩnh của đạo giải thoát cho ông Moggalàna nghe.

Vừa nghe qua Tuệ nhãn của ông Moggalàna bật mở (đắc Tu đà hườn) thấu rõ chân lý; biết rằng cái chi sanh thì phải diệt. Ông liền thốt lời: "Thưa Sư huynh, mặc dầu chân lý chỉ lược giải có bấy nhiêu nhưng Sư huynh đã diệt được Phiền não, thấu đáo tâm trạng chưa từng thấy, từ triệu ức kiếp. Vậy thì chúng ta mau

mau đi tìm Đức Thế Tôn, chính Ngài là Thầy của chúng ta.”

Ông Sariputa liền nói: "Này đạo hữu, còn 250 bạn đồng môn của chúng ta, phải tính sao với họ? Vì cảm mến chúng ta mà họ còn ẩn náu nơi đây. Vậy chúng ta nên cho họ biết ý định của chúng ta, để tự họ liệu lấy." Ông Moggalàna đồng ý, hai ông liền triệu tập 250 Đạo sĩ, thuật rõ đầu đuôi cho họ nghe, rồi ông Sariputa nói rằng: "Hai anh em chúng tôi nhất định đi tìm Đức Phật để xin làm đệ tử của Ngài..." Ông Sariputa chưa kịp dứt lời, cả 250 Đạo sĩ rộ lên xin đi theo. Họ nói: "Chúng tôi vì cảm mộ tài đức của hai Thầy mới ẩn náu lại đây, nay hai Thầy đi xuất gia dưới sự hướng dẫn của vị Đại Sa môn, xin hai Thầy hoan hỷ cho chúng tôi cùng theo với."

Ông Sariputa và Moggalàna đồng nói: "Vậy thì chớ đạo hữu, chờ anh em chúng tôi đi báo tin cho Thầy Sanjaya hay đã." Đến nơi hai ông trình bày ba lượt cho Đạo sĩ Sanjaya: "Bạch Thầy, chúng tôi định đi tìm Đức Phật để thọ giáo, học đạo với Ngài." Ông Sanjaya cũng ba lượt trả lời: "Khoan đã, hai bạn chẳng nên đi, ở lại đây ba anh em chúng ta chung lo cai quản giáo đoàn." Hai ông Sariputa và Moggalàna cùng 250 Đạo

sĩ nhất định đi tìm Đức Phật, đồng từ tạ Thầy Sanjaya ra đi. Ông này căm giận, đến đòi phải thổ huyết.

Từ xa Đức Thế Tôn thấy hai ông Sariputa và Moggalàna hướng dẫn 250 Đạo sĩ đến, Ngài kêu các Thầy Tỷ kheo mà nói rằng: "Kìa các Thầy, hai người đạo hữu Kolita và Upatissa đã đến. Trong hàng đệ tử của Như Lai, hai người ấy sẽ là một cặp hướng đạo và có duyên lành nhiều nhất."

75. Tài đức của hai ông Sariputa và Moggalàna ra thế nào?

Hai ông Sariputa và Moggalàna cùng đoàn tùy tùng vào đánh lễ Đức Phật và xin xuất gia. Đức Thế Tôn hoan hỷ thọ nhận làm đệ tử và ân cần chỉ dạy phương pháp tham Thiền quán tưởng. Sau một tuần nhựt, ông Moggalàna đắc Đạo quả A la hán. Qua tuần thứ hai, ông Sariputa cũng chứng quả A la hán. Đoàn tùy tùng của hai ông phải trải qua một thời gian tu học, rồi cũng lần lượt đắc đạo quả cả thảy.

Trong hàng đệ tử của Đức Phật chỉ có Đại đức Sariputa (hay Upatissa là bậc Trí tuệ viên thông tốt chúng. Đức Phật giảng pháp cao sâu đến đâu, Đại Đức Sariputa đều thấu hiểu cả; rồi lần lượt giải thích lại cho các Thầy Tỷ kheo nghe. (Trái lại trong nhiều thế

kỷ về sau, tác giả nhiều quyển sách lại liệt Đại Đức Xá Lợi Phất vào hạng thấp thỏi, Trí tuệ chậm chạp, không đủ sức hiểu giáo lý cao thâm nên Đức Phật chỉ thuyết riêng cho ông những pháp cạn cợt, gọi là pháp Tiểu thừa).

Đại Đức Moggalàna lại có một thiên tài đặc biệt về pháp thần thông. Ngài lên các tầng trời và xuống các cảnh Địa ngục một cách dễ dàng và giúp Đức Phật trong nhiều xứ mạng rất khó khăn.

Hai vị A la hán này gọi là Đại Đệ tử, bên mặt và bên trái của Đức Phật.

76. Đức Phật còn độ được vị Đại Đệ tử nào nữa, tại xứ Magadha chẳng?

Ngài còn độ được một vị Đại Đệ tử thứ ba tên Maha Kassapa (Đại Ca Diếp). Chẳng nên lầm lộn ông này với 3 anh em ông Kassapa trong nhóm Jatila, tại Uruvela.

77. Xin cho biết sơ lược sử tích của ông Maha Kassapa?

Ông Maha Kassapa là con của một triệu phú gia trong xứ Magadha. Tài sản, ruộng đất, tôi tớ của ông không thua kém sự nghiệp của Đức Vua Bimbisàra. Ông

Maha Kassapa là bậc Trí tuệ hiếm có trong đời. Vừa lớn lên, ông đã tỏ ra người không màng của cải, lại còn nhòm góm ái tình nhục dục. Vâng lời cha mẹ, ông buộc lòng phải cưới một người vợ rất xinh đẹp tại thành Vésali. Gặp cô này cũng đồng tánh nhòm ghét ái tình như ông nên hai vợ chồng sống chung nhau trọn 12 năm mà không gần gũi nhau. Hai vợ chồng ông Maha Kassapa cũng đồng có chí nguyện xuất gia tìm đạo giải thoát, nên hằng tập tánh ăn ở giản dị. Ngủ chung trong một căn phòng rộng lớn, trên hai cái sạp nhỏ thấp; một đêm nọ, ông chồng thấy một con rắn đen vô phòng, lại xâm xâm phóng ngay tới cánh tay của bà vợ đang bỏ thòng xuống đất trong lúc ngủ quên. Ông Maha Kassapa lật đật chạy lại kéo tay vợ lên giường. Giật mình thức dậy, bà vợ nghi chồng mình có tư tưởng không tốt. Hai vợ chồng mới nghĩ rằng nếu kéo dài sự sống chung như thế này, ắt có ngày sẽ nguy hại cho sự trinh khiết đã gìn giữ từ lâu, nên định tách ra mỗi người đi mỗi hướng, tìm nơi ẩn dật tu hành. Cha mẹ đã qua đời, vợ chồng ông Maha Kassapa giải quyết cuộc xuất gia rất dễ dàng. Hai ông bà phóng thích tôi trai tứ gái, bán hết gia tài sự nghiệp lấy tiền bố thí cho người nghèo khó, rồi chia tay nhau ra đi, mỗi người mỗi hướng tìm Thầy học đạo.

Khi Đức Phật đến Vương Xá, ông Maha Kassapa đến xin qui y thọ giáo chẳng bao lâu ông đắc quả A la hán và trở thành một vị Đại Đệ tử, tín cẩn nhất của Đức Bốn Sư. Sau lại bà vợ được xuất gia làm Tỳ kheo ni đắc quả A la hán. Kinh sách ghi rằng Đức Phật tặng y Ca Sa của Ngài cho Đại Đức Maha Kassapa và đối đãi ông như người bạn thân. Đại Đức Maha Kassapa có uy tín lớn, nên sau giờ Niết bàn của Đức Phật, Ngài đảm đương nhiều trọng nhiệm: chủ tọa lễ hỏa táng Đức Phật tại Kurinara và sau đó 100 ngày, chủ tọa Đại hội Thánh Tăng, kết tập Tam tạng lần đầu tiên tại Rajagaha (Vương Xá).

78. Tại xứ Magadha, Đức Phật còn thu nhận ai nữa?

Rất nhiều thanh niên, thuộc gia đình giàu sang trong xứ Magadha xin xuất gia theo Đức Phật.

79. Có sự phản đối của dân chúng không?

Có. Dân chúng cho rằng Đức Phật cảm hóa thanh niên, làm cho chồng xa vợ, cha mẹ xa con, tan nát gia đình, nên khi gặp các Thầy Tỳ kheo họ chê báng mỉa mai rất khó chịu:

Ông Sa môn đã đến trong kinh đô xứ Magadha (Ma Kiệt Đà). Ông đã cải hóa trọn cả đệ tử của Đạo sĩ Sanjaya.

"Chờ xem hôm nay ông còn cảm hóa ai nữa?"

Các Thầy Tỷ kheo nghe vậy cũng xầm xì bàn tán, rồi đem câu chuyện bạch lại cho Đức Phật nghe. Đức Phật phán: "Này các Thầy Tỷ kheo, dư luận xôn xao ấy không kéo dài đâu, trong vòng 7 ngày sẽ chấm dứt. Nếu có ai kiếm chuyện với các Thầy, các Thầy nên trả lời cho họ như vậy:

"Những trang hào kiệt, những bậc Vĩ nhân,

Cảm hóa vì đạo chân chánh,

Ai có thể oán trách cho đúng lý,

Những người cảm hóa vì đạo chân chánh chẳng?"

80. Rồi Đức Phật có làm chi cho các gia đình được thỏa mãn chẳng?

Người ta nóng lòng vì chồng con bỏ nhà đi tu; thật ra Đức Phật đâu có ép buộc ai phải xuất gia theo Ngài. Từ đó về sau Ngài đặt ra những điều kiện để hạn chế sự thâm nhận giới tử, với mục đích chủ yếu là bảo vệ quyền lợi và uy tín cho Giáo đoàn Tăng lữ:

- Những người có bệnh nan y, truyền nhiễm, kẻ sát nhân, kẻ có tiền án và những người mà sự xuất gia làm tổn hại quyền lợi kẻ khác như: những trẻ vị thành niên, những người tội tở, những quân nhân, những người trốn nợ, đều không được thu nhận vào hàng Tỳ kheo. Các thanh thiếu niên muốn xuất gia phải có cha mẹ cho phép và bảo đảm tánh hạnh.

Điều luật này đã làm vừa lòng mọi người.

81. Tại sao Đức Phật chưa định về Kapilavastu phổ độ thân quyến của Ngài?

Đến Magadha là một quốc gia cường thịnh, Đức Phật được Bimbisàra (Tần Bà Sa Vương) nhiệt thành sùng kính ủng hộ, nên Ngài thừa cơ hội thuận lời, phổ biến Giáo pháp sâu rộng trong dân gian, Tăng đồ và Tín đồ học thức và giàu có, càng ngày càng đông, thanh danh của Đức Phật lẫy lừng, nền tảng Phật giáo đã vững chắc, nhưng Ngài cũng chưa vội trở về Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ). Hành động của bậc Trí tuệ phải khác hơn thường tình thế gian: dưới cội Bồ đề tại Uruvela, trước khi đem đạo giải thoát ra truyền bá. Đức Phật đã định sẵn một lộ trình khai đạo đầy đủ. Nơi mục 50 chúng ta đã thấy người đầu tiên mà Ngài muốn tế độ là mẹ cha và các bậc ân nhân của Ngài và Ngài cũng

đã tự biết rằng duyên kỳ của Vua cha và quyền thuộc của Ngài chưa đến.

82. Vua Sudhodana (Tịnh Phạn) có hay con của Ngài thành Phật chưa?

Thanh danh của Đức Phật lẫy lừng tại xứ Magadha, dĩ nhiên đã vang dội đến Kapilavastu, nên đồng bào và quyền thuộc của Ngài nóng lòng trông đợi. Bá quan trong triều đệ sớ yêu cầu Đức vua phái khâm sai sang tận Rajagaha (Vương Xá) triệu thỉnh Đức Phật.

83. Ai lãnh sứ mạng đi thỉnh Đức Phật và kết quả ra sao?

Triều thần đề nghị giao trọng trách ấy cho ông Udayi, con của vị Lễ bộ Thượng Thơ. Người ta hy vọng nơi sự thành công mau chóng của ông Udayi, bởi ông này là bạn thân trong thưở thiếu thời của Hoàng tử Siddhattha.

Trong hoài không thấy ông Udayi trở về, Đức vua nóng lòng phái ông Channa (Sa Nặc) là người tâm phúc luôn luôn ở bên cạnh Hoàng tử trong các buổi dạo chơi và cũng là người đưa Hoàng tử trốn đi xuất gia. Ông Channa đi rồi cũng bật tin nhàn cá.

Hai vị khâm sai, kẻ đến trước người đến sau, chưa tỏ được lời nào, đã ngoan ngoãn vâng lời Đức Phật xuất gia làm Tỳ kheo. Mặc dù hai người đều không muốn xuất gia nhưng vì Đức vua đã ra lệnh phải hết lòng chiều chuộng Hoàng tử, nên họ tạm thời hứa chịu xuất gia cho vừa ý Đức Phật, tưởng rằng chẳng phải là một điều cam kết quan trọng; hơn nữa dòm quanh ngó quắt chẳng thấy thợ cạo lại cũng không sắm sẵn y bát, câu chuyện ắt còn trì hoãn, không dè sau khi Đức Phật kêu họ nói: "Lại đây, hỡi Thầy Tỳ kheo, Chánh Pháp đã truyền dạy, Thầy hãy sống theo Thánh nhân để diệt tận nguồn khổ." Vừa dứt lời, râu tóc họ sạch trụi, y phục trở thành ca sa màu vàng; họ đã hóa ra Thầy Thiện Lai Tỳ kheo (Ehi Bhikkhu) (*), giữa giáo đoàn Tăng chúng. Người trước gặp người sau cười với nhau rồi mạnh ai nấy lo tu, không còn nhớ thế sự luôn cả xứ mạng của mình.

Cách một thời gian sau, Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) phái liên tiếp 9 vị Đại thần qua thỉnh Đức Phật. Chín vị này và cả đoàn tùy tùng của họ, kẻ trước người sau, cũng xuất gia theo Phật và cũng quên sứ mạng của họ.

Thỉnh thoảng ông Udayi nhắc nhở người bạn cũ của mình, bảo phải về thăm Vua cha, Đức Phật vẫn làm thỉnh.

(*) Tục truyền rằng các vị Èhi Bhikkhu, trong tiền kiếp có dùng y bát cho Chư Phật và Tăng chúng, nên qua đời sau gặp Phật cho xuất gia khỏi lo sắm chi cả. Nên hiện giờ người ta đua nhau dâng y bát đến Chư Tăng để mong được làm Thiện Lai Tỳ kheo trong buổi vị lai. Nên thêm rằng phải dâng dao cạo mới đủ cho.

E. Từ Rajagaha (Vương Xá) sang Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ)

84. Đến bao lâu Đức Phật mới chịu về Kapilavastu?

Một ngày nọ, do sự thúc giục của ông Udayi, Đức Phật trước khi lên đường, xây mặt về quê hương, rãi tư tưởng lành, cầu chúc yên vui hạnh phúc cho Vua cha và đồng bào quyến thuộc. Xong, Ngài cùng đoàn Tăng chúng khởi hành, nhắm hướng Kapilavastu tiến bước. Nhắm mùa thu, khí trời mát mẻ, cuộc hành trình từ thành Rajagaha đến Kapilavastu, trải qua 60 ngày ròn rã, ngày đi đêm nghỉ.

Đến nơi Đức Phật và chư Tăng dừng bước tại vườn thượng uyển của Vua cha, tên vườn Nigrodha (Cây da), thuộc ngoại ô hoàng thành.

85. Vua cha có vui mừng tiếp rước Đức Phật chăng?

Vua Suddhodana (Tịnh Phạn) vẫn chưa tha thứ con Ngài vì thất vọng đau đớn, không thể nguôi lòng: Hoàng tử đã xuất gia thì còn ai xứng đáng nối nghiệp cho dòng Sakya (Thích Ca).

Hay Đức Phật về tới, Suddhodana (Tịnh Phạn) vương cũng gắng gượng thân hành ra đón với tư cách của một nhà vua và một người cha trên long xa bốn ngựa. Dọc đường Đức Vua gặp các vị Tỷ kheo mang bát đi khát thực trong thành, Ngài nghĩ tới con của Ngài là một vị Hoàng tử, mà ngày nay cũng phải đi xin ăn theo phố phường, như thế ấy thật là nhục nhã vô cùng. Ngài liền truyền lệnh xua đuổi các Thầy Tỷ kheo cho khỏi chướng mắt; rồi quay long xa trở vào hoàng cung, ôm ấp mỗi lo sợ cho rằng sự hồi loạn của con Ngài là một điều bất thường, sắp đem lại một trận bão tố, lôi cuốn dòng giống Sakya theo triều lưu thoát tục.

86. Đức Phật đối xử cách nào?

Đức Phật liền phái ông Udayi vào đền an ủi Vua cha và giải thích cho Ngài hiểu rằng trong đời rất khó mà được cái vinh hạnh là Cha của một Đấng Cứu thế, vẻ vang hơn làm Thượng hoàng của một vị Chuyển Luân vương.

Vua Suddhodana nghe được, bốt sầu truyền lệnh tổ chức một cuộc nghinh tiếp Đức Phật rất trọng thể.

87. Tại sao Đức Phật không thủ phận làm con để chờ Vua cha ra nghinh tiếp?

Đức Phật đã tiên đoán sẽ gặp nhiều sự khó khăn trong buổi tái ngộ hôm nay:

1) Dòng Sakya từ cổ chí kim đã nổi tiếng là một dòng tự cao, tự trọng, chẳng bao giờ chịu khuất phục một ai.

2) Dầu Ngài là Phật nhưng Ngài biết không dễ gì làm thần Thánh ở quê mình được, nhất là trước mặt Vua cha và những bậc Trưởng lão trong dòng họ là những người đã từng biết Ngài lúc còn nhỏ bé.

3) Một bậc Chánh đẳng Chánh giác không thể đứng dậy, cũng không thể nghiêng mình trước một người phạm tục nào, vì ngại rằng đầu người ấy sẽ bị bể ra làm bảy miếng, nếu họ chịu thọ lãnh cái vinh hạnh tối cao ấy. Như thế phải làm sao để giải quyết vấn đề nghi lễ, đầy hậu quả nguy khốn cho gia đình quyền thuộc của Ngài.

Đức Phật nhất định phải dùng một pháp thần thông để cảm phục dòng Sakya, trước giờ hội ngộ với Vua cha và hoàng thân trong triều. Ngài hóa ra một con đường

trên hư không; trên ấy Ngài đi kinh hành như đi trên mặt đất, giữa lúc Vua Suddhodana (Tịnh Phạn), bá quan văn võ và dân chúng rần rộ ra nghinh đón Ngài. Trước sự mâu nhiệm hy hữu ấy, mọi người ngưỡng mặt lên dòm một cách sung sướng, rồi chấp tay quì lạy, tỏ lòng tôn kính Đức Phật. Chính Vua cha Suddhodana (Tịnh Phạn) cũng quì lạy con của Ngài, thân tâm rất khoan khoái nhẹ nhàng và đặc chí được làm Cha của một Đấng Cứu Thế. Hoàng hậu Gotami vì thương nhớ Hoàng tử Siddhattha, ngày đêm rơi lụy đầm đề cho đến đui cả hai con mắt, nay hay tin Đức Phật trở về, lòng vui phấn khởi đến cực độ, khiến cho đôi mắt của Bà bật sáng trở lại như xưa.

88. Rước Đức Phật vào đền, Vua Suddhodana nói chi với con của Ngài?

Mối tình lạnh nhạt giữa cha con đã chấm dứt trong giờ phút phụ tử đoàn viên, nên hai bên thân mật trò chuyện. Đức Vua vẫn chưa hài lòng trước hoàn cảnh tương phản xôn xang giữa đời sống của con Ngài trước kia và hiện nay. Ngài phàn nàn sao con Ngài : đi chân không, ăn nằm vất vả, không tắm nước thơm, không mặc y phục thanh nhã, không đeo đồ trang sức, không dùng chén vàng mâm bạc, không người hộ vệ,

không âm nhạc ca vũ, cũng không có phi tần cung nữ hầu hạ.

Đức Phật vạch ra từ điểm, dùng lời ôn tồn lễ phép giải thích cho Vua cha thấy rõ rằng đời sống an vui của bậc Thánh nhân không còn dính líu đến các điều hoan hỷ của thế tục và bậc xuất gia đã sẵn có nhiều sự bồi đắp, nhiều đặt ân cao quý hơn.

Nghe vậy Đức Vua cũng tạm gọi là an tâm, xong Ngài vẫn cố chấp địa vị Đế Vương.

89. Vua Suddhodana cố chấp địa vị đế vương của Ngài bằng cách nào?

Vua Suddhodana không muốn cho con Ngài mỗi bữa mang bát đi xin ăn nơi dân chúng. Để tránh sự nhục nhã ấy, Vua cha thỉnh Đức Phật và chư Tăng mỗi ngày vào thọ thực trong hoàng cung.

90. Ý muốn của Vua Suddhodana có đem lại sự vừa lòng cho Ngài chăng?

Làm như thế chẳng khác nào lập đàn tràng nơi cung nội cho Đức Phật tha hồ cảm hóa thân nhân. Mỗi ngày Đức Phật có dịp hội kiến với quyền thuộc, nào là cha, mẹ nuôi, vợ con, em út, chú bác, bạn xưa, là những người đã đau khổ từ lúc Ngài trốn đi tìm đạo và luôn

luôn phiên trách Ngài ra đi không để một lời Từ biệt. Lần lần Đức Phật cởi mở sự hiểu lầm của quyền thuộc: "Vì tình thương lai láng đối với gia đình chủng tộc, Như Lai chỉ tạm biệt để tìm đường diệt khổ, hầu hướng dẫn mọi người tiến đến nơi an vui tuyệt đối. Ngày nay đạo đầy quả đủ, cũng vì lòng Từ bi vô lượng đối với toàn thể chúng sanh, mà Như Lai về đây thuyết minh chân lý cứu độ quyền thuộc giống nòi, ra khỏi sông mê biển khổ. Trong đời, Như Lai là người duy nhất đã tận tụy hy sinh, để đem lại hạnh phúc cho nhân quần xã hội."

Bao nhiêu sầu khổ phiền muộn chờ dịp tuôn ra để lên án người thất hiếu, bạc tình, lần lần bị tan rã dưới hiệu lực của lời biện minh rất chân chánh, càng lúc càng đem lại cho tâm hồn mọi người, những cảm xúc nhẹ nhàng khoan khoái. Ngoại trừ Đức vua, tất cả thân quyến của Đức Phật đều quì lạy xin thọ qui giới làm người cư sĩ: Ba vị Hoàng thúc, bà Dưỡng mẫu Gotami, Công chúa Yasodhara, Hoàng tử Rahula, Hoàng đệ Nanda, cùng anh em chú bác, tính ra trên ngàn người.

91. Có ai xin xuất gia theo Phật chăng?

Có nhiều người nhưng họ chờ lệnh của Đức vua.

92. Lệnh ấy ra sao?

Vua hạ chỉ cho phép gia đình nào có từ hai người con trai xấp lên, được cho xuất gia một người, theo Đức Phật. Ý Vua muốn có một nhóm người trong hàng vương tôn theo bên cạnh Đức Phật, để phô trương phương danh hoàng tộc. Mặt khác, Đức vua muốn bảo tồn dòng giống, trước nhất muốn giữ người con thứ của Ngài là Hoàng tử Nanda (con của bà Gotami) và cháu nội là Rahula, để duy trì cơ nghiệp của dòng Sakya.

93. Trước quyết định khôn khéo của Vua cha, Đức Phật nghĩ sao?

Biết rằng Vua cha còn nặng nghiệp trần chưa cảm hóa được, nhưng không vì đó mà bỏ qua cơ hội tế độ những người hữu duyên, trước nhất là em và con của Ngài. Sự xuất gia của Thái tử Rahula và Hoàng đệ Nanda là hai biến cố rất xúc động cho Vua Suddhodana, Đức Phật không vì tình thương chật hẹp của Cha mà không tuân tự đưa người hữu duyên lên đường Giác ngộ.

94. Hoàng tử Rahula được xuất gia trong trường hợp nào?

Thế thường người đời, nhất là hàng phụ nữ luôn luôn tin tưởng nơi sự thành công của mưu chước mình. Công chúa Yasodhara, thừa dịp ông chồng hồi loan, dạy con của bà là Thái tử Rahula một bài học tâm sự, rồi thừa lúc Đức Phật vào đền thọ thực xong xuôi, sắp trở ra về nơi tạm trú, bà xúi giục con bà chạy theo, thỏ thẻ xin cha truyền sự nghiệp lại. Ý của bà Công chúa dạy con xin ngôi Vua, nhưng sự khôn lanh của bà đâu có hơn Trí tuệ của bậc siêu phàm. Nghe con xin truyền sự nghiệp Đức Phật liền hoan hỷ nhận lời và vỗ về bảo: "Này con Rahula, con theo Như Lai đến vườn Nigrodha (Cây da), Như Lai sẽ truyền cho con cả một sự nghiệp tinh thần vĩ đại mà Như Lai đã dành sẵn cho con." Nghe lời hứa ngọt ngào của người Cha hiền từ, chưa từng gằn gỏi, ông Hoàng Rahula hớn hờ vui mừng, núp dưới bóng Từ bi mát mẻ của Đức cha lành, lúp xúp chạy theo bên cạnh, quên cả những lời căn dặn của mẹ. Về tới nơi tạm trú, Đức Phật liền giao phó cho hai ông Sariputa và Moggalàna làm lễ xuất gia cho Hoàng tử Rahula vào hàng Samanera (Sa di). Ông tiểu Sa di này lại vui sống bên cạnh Đức Phật, dường như có một năng lực gì huyền bí làm cho tâm hồn ông nhẹ nhàng, vui sướng, trong sạch tinh khiết, rất xứng đáng để tiếp thụ sự nghiệp tinh thần của Đức cha lành.

Công chúa Yasodhara, dĩ nhiên phải mang lấy hậu quả của mưu chước sắp đặt mà bà không tiện nói ra. Nhưng sau khi suy cùng nghĩ cạn, bà cho rằng việc xuất gia của con bà là phải, vì con phải theo cha, một người cha xứng đáng để bảo đảm tương lai cho con bà.

95. Còn số phận của Hoàng đệ Nanda ra sao?

Nói qua ông Hoàng tử trẻ trung tuấn tú Nanda, người duy nhất còn lại để nối nghiệp cho hoàng triều; ngày nọ nhằm ngày Hoàng tử sánh duyên cùng nàng Janapadakalyàna, một vị công nương mỹ miều tại thành Kapilavastu, luôn dịp Vua Suddhodana định phong con Ngài làm Đông cung Thái tử và cũng là ngày khánh thành cung điện để làm nơi động phòng hoa chúc, Đức Phật dùng mưu cảm hóa em Ngài một cách lý thú. Giữa lúc trong hoàng cung đương rộn rịp, cử hành ba đại lễ: Kết hôn, Phong tước và Khánh thành, Đức Phật từ khước không vào đền thọ thực, để cho em mình rảnh rang lo bề hạnh phúc tương lai.

Đúng giờ rước dâu, Đức Phật mang bát đi ngang trước hoàng thành. Hoàng tử Nanda, từ bên họ nhà gái vừa về tới cửa Ngọ môn với vị Tân nhân, chợt thấy Đức

Phật, liền bỏ nàg chạy đến rước bát, đem vào sắp đủ thức ăn mặn ngọt, trở ra dâng bát lại cho Đức Phật.

Đức Phật không thâu bát, chậm rãi quay bước trở về nơi vườn cây da. Vị lễ phép đối với bậc trưởng thượng, Hoàng tử Nanda lủi thủi ôm bát theo sau. Đến nơi, Đức Phật đem những lợi ích tối cao của đời sống xuất gia giải thích cho Hoàng đệ nghe, so sánh hạnh phúc chắc thật của bậc thoát ly trần tục với hạnh phúc giả tạm của kẻ bị cột trói trong gia đình và khuyên em nên noi gương của mình để tìm đạo quả Niết bàn. Ông Nanda, mặc dầu còn nặng mang khối tình, nhưng xét ra lời nói của bậc Chí tôn thật là đúng lý, ông liền chịu xuất gia.

Khổ cho ông Nanda, khi mang cái lột của vị Thầy tu rồi, ông ăn năn hối hận; không biết làm sao để trở về với vợ đẹp mới cưới?

Xa cách người yêu ông Nanda không thể nguôi được lòng thương nhớ, nhiều phen ông trốn ra khỏi chỗ cô tịch để trở về nhưng mấy lần đều bị bắt gặp.

Để trừ tận gốc cái bệnh tương tư của ông Nanda, Đức Phật đề nghị đưa ông ấy lên viếng các vị Thiên nữ tận cõi trời Đế thích. Nghe nói các vị Thiên nữ sắc đẹp tuyệt trần, ông Tỳ kheo Nanda, sẵn tính háo sắc, vui

vẽ chịu đi ngay. Đức Phật bảo ông nắm lấy chéo y ca sa của Ngài, rồi Ngài bay bổng lên hư không. Bay ngang qua một đám rừng, vừa bị một trận hỏa tai thiêu rụi. Đức Phật chỉ cho ông Nanda xem một con khỉ cái đang ngồi cú rử trên cành cây cháy đen, đã may mắn thoát chết, nhưng mình mẩy bị lửa tấp trụi lông, lở lói xem rất thảm thương. Kể trong nháy mắt, ông Nanda được đưa đến thế giới tự tại của Vua trời Đế Thích (Indra) để cho ông mặc tình thưởng thức vẻ đẹp vô song kiều diễm và cốt cách thần tiên của các vị Thiên nữ. Khi trở về ông Nanda thú nhận với Đức Phật rằng những phi tần mỹ lệ của Vua trời Đế Thích, sánh với vợ ông thì vợ ông chẳng khác nào con khỉ cái lúc nãy. Tư tưởng của ông từ đó hướng về các vị Hằng nga tiên nữ; ông nhận nại nương theo Đức Phật để tu hành, mong ngày kia được sanh về thiên cung làm bạn với các vị Thiên nữ duyên dáng đậm đà ấy. Trong giới xuất gia, lần lần ai ai cũng biết mục đích bí mật của ông Nanda, nên người ta gọi ông là "Vị tình lang của Thiên nữ" cho đến ngày ông cố gắng diệt được căn bệnh say đắm sắc đẹp hảo huyền và nhất thời của phụ nữ.

96. Sau sự xuất gia của hai ông Rahula và Nanda, Vua Suddhodana có phiền trách Đức Phật chăng?

Có phiền trách cũng việc đã rồi. Và lại Đức Phật chỉ nhắm mục đích cứu khổ, cũng khó mà đổ lỗi cho Ngài được:

1. Thái tử Rahula chạy theo xin Cha truyền sự nghiệp và khi được thỏa mãn, lại vui thích theo Cha.

2. Ông Hoàng đệ Nanda đã hóa ra người "Vị tình lang của Thiên nữ" thì mong gì cho ông trở lại với người vợ mà ông đã sánh như con khỉ cái.

Lúc Đức Phật vừa về tới Kapilavastu, Vua Suddhodana đã có cảm tưởng (85) rằng con Ngài sắp gây ra một phong trào xuất gia mãnh liệt cho dòng Sakya, nên ban đầu Ngài tỏ ra bất mãn, nhưng sau lại nhờ nghe được liên tiếp hai thời pháp của Đức Phật, Vua Suddhodana đã đắc được đạo quả Tu Đà Hườn và Tu Đà Hàm, Ngài thỏa thích dâng vườn Nigrodha (Cây Da) cho Đức Phật và Chư Tăng làm nơi Hoằng pháp độ sanh (*).

(*) Khi Vua Suddhodana sắp thăng hà Đức Phật trở về độ Vua cha đắc quả A la hán. Chính Đức Phật tắm rửa, tần liệm và lo việc hỏa táng cho Vua cha.

97. Còn ai trong dòng Sakya xin xuất gia theo Đức Phật nữa?

Năm trăm vị Vương tôn công tử, kẻ tâm đạo nhiệt thành, người vì bè bạn quyến rũ, ăn mặc sang trọng, kéo nhau đến ra mắt Đức Phật, xin Ngài giảng pháp cho nghe. Sau thời pháp, mọi người đều tình nguyện xin xuất gia. Sẵn có ông Upali (Ưu Bà Li), người thợ cạo của hoàng gia "Tháp tùng viếng Phật", họ liền cậy ông thế phát cho họ và hứa cho tất cả y phục trang sức để đền ơn ông, bởi các vật ấy hết còn giá trị đối với đời thoát tục. Tình cờ ông Upali trở nên người giàu có nhưng duyên lành của ông đã đến, ông không thọ nhận chỉ ước ao được Đức Phật thu ông vào hàng đệ tử của Ngài.

Trong lúc 500 vị Vương tôn công tử trở về từ già gia đình, ông Upali vào lạy Đức Phật xin xuất gia, Đức Phật liền thu nhận ông làm Thiện Lai Tỷ kheo (Èhi Bhikku). Vào sau và được xuất gia trước, nên các vị Vương tôn công tử phải kính nhường ông là Bạc cao hạ đàn anh.

98. Trong hàng Vương tôn công tử nói trên có ai là thân bằng quyến thuộc của Đức Phật không?

Có năm ông hoàng: hai người em chú bác của Đức Phật là ông Anuruddha (A Nậu Đa La) và ông Ananda (A Nan Đà) và người bà con cô cậu, anh ruột của

Công chúa Yasodhana, tên Devadatta (Đề Bà Đạt Đa).
Còn hai người nữa không biết tên chi.

(Theo nguồn lịch sử của thời đại sau, năm vị Hoàng thân nói trên và ông Upali đến xin xuất gia, lúc Đức Phật ngự tại làng Anupiya, trong xứ của vua Malla, thuộc về hướng Nam kinh đô Kapilavastu).

99. Đạo giáo của Đức Phật đã đem lại ảnh hưởng chi cho dòng Sakya?

Dòng Sakya toàn là những võ tướng vô địch, khi hấp thụ được Giáo pháp của Đức Phật, đều trở nên hiền từ đạo đức, thà chịu chết hơn dùng bạo lực, để tránh gây nghiệp báo.

F. Từ Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ) sang qua thành Savatthi (Xá Vệ)

100. Đức Phật ở Kapilavastu bao lâu rồi đi đâu nữa?

Sau 4 tháng ở quê nhà, Đức Phật từ giả Vua cha và quyến thuộc sang qua kinh thành Savatthi (Xá Vệ), xứ Kosala của Vua Pasénadi (Ba Tư Nặc), thuộc về hướng Tây thành Kapilavastu.

101. Tại thành Savatthi (Xá Vệ) Đức Phật được tiếp rước như thế nào?

Tại thành Savatthi, có một vị đại phú gia tên Anàthapindika (Cấp Cô Độc): người nuôi kẻ nghèo khó cô độc), sẵn chờ nghinh tiếp Đức Phật và dâng cho Ngài một ngôi chùa lộng lẫy, vừa tạo lập xong.

102. Tại sao ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) biết Đức Phật sắp đến mà lo tạo chỗ nghinh tiếp?

Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) đã có đến Rajagaha (Vương Xá) nhiều lượt giao thiệp buôn bán và có dịp nghe Đức Phật thuyết pháp tại vườn Veluvana (Trúc Lâm). Ông đắc được đạo quả Tu Đà Hườn thỏa thích xin qui y và thỉnh cầu Đức Phật đến Hoàng đưong Phật pháp tại Savatthi (Xá Vệ).

Đức Phật nhận lời, nhưng bảo ông Anàthapindika về kiếm sẵn một nơi thanh vắng, ngoài thành Savatthi, để khi Ngài và Chư Tăng đến chỗ an trú. Ông Anàthapindika về lựa được một hoa viên đẹp nhất, ở ngoại ô thành Xá Vệ. Hoa viên ấy thuộc về của ông Hoàng Jeta (Kỳ Đà). Ông này không muốn bán, lại đùa chơi với ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) rằng: nếu ông trải phủ vàng cùng khắp trên mặt đất của hoa viên tôi, tôi mới bán cho. Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) liền chịu mua với giá cả ấy. Lỡ lời ông Hoàng Jeta phải chịu bán nhưng với điều kiện là ông giữ lại

nguyên vẹn các thứ cây, nhất là những danh mộc cổ thụ, như xoài, đàn hương, để cho có bóng mát và bảo tồn thanh cảnh trang nghiêm, huyền mặc cho hoa viên mà ông đã công khó tạo ra... Nhân đó, sau khi ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) cất Tinh xá, rước Đức Phật và Chư Tăng về ở, người ta thường gọi là Jeta Vana (Kỳ Viên hay Huê Viên của ông Jeta) hoặc là Anàthapindika Vihāra (Cấp Cô Độc Tinh xá).

103 Tinh xá của ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) có chi đặc biệt không?

Tinh xá này là một thắng cảnh đẹp nhất giữa một cánh đồng phì nhiêu, nằm về hướng Tây Kapilavastu (Ca Tỳ La Vệ) và hướng Tây Nam núi Hy Mã Lạp Sơn, cách xa hai nơi ấy độ 150 cây số. Quanh năm tiết trời mát mẻ, cỏ hoa tươi đẹp, lại gần quê hương của Đức Phật, nên Ngài thường kiết hạ nơi đây (*). Đại Đức Sariputa được phái đến trước, chỉ vẽ cho ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) cách thức tạo lập Tinh xá. Giữa vườn là một biệt thất dành riêng cho Đức Phật, chung quanh có vườn hoa và ao sen, bốn mùa hương xông ngạt ngào. Năm trăm vị Tỳ kheo ở riêng, mỗi vị một tịnh thất, cất rải rác trong hoa viên; ngoài ra nào là giảng đường, trai đường, phòng tắm, cầu tiêu nhà bếp, kiến trúc có lớp lang.

Ban ngày thiện nam tín nữ tới lui tấp nập, tôi lại chỉ còn những bóng người lặng lẽ kinh hành, quán tưởng dưới tàn cây u tịch.

(*) Kiết hạ là an cư trong 3 tháng mưa, từ rằm tháng 6 đến 16 tháng 9. Trong 45 năm, Đức Phật kiết hạ tại Kỳ Viên 25 mùa.

104. Đức Vua nào trị vì xứ Kosala, tại Savatthi và Ngài đối với Đức Phật ra sao?

Chính Đức Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc). Hay tin Đức Phật ngự đến Tinh xá Cấp Cô Độc, Vua và bá quan trong triều thân hành đến chào mừng. Vua Ba Tư Nặc, cũng như các vị vua khác, khi đến viếng Đức Phật, đều áp dụng một nghi thức xã giao giống nhau. Trước đoàn xe giá có toán quân nhạc mở đường, sau có binh gia hộ tống. Đến trước cổng Tinh xá. Vua và bá quan xuống xe, lột cát nắm biểu chương: Lông, mào, quạt và giầy rồi từ từ đi chân không vào. Đến trước Đức Phật, Vua và bá quan quì lạy đánh lễ. Phong tục Ấn Độ đặt phẩm cách tinh thần trên uy thế Đế vương.

105. Vua Pasenadi có lòng mộ đạo không?

Vua Pasenadi cũng như Vua Bimbisàra, đồng tuổi với Đức Phật thấy Ngài cũng là dòng Vua, lại dám hy sinh

ngôi báu xuất gia tìm đạo và khi thành công đắc quả, còn phải sống một cuộc đời phiêu lưu khổ cực, tận tụy với nghĩa vụ tế thế độ nhân, nên hết sức kính phục và nhiệt thành ủng hộ Đức Phật trong việc Hoằng pháp.

106. Tại Savatthi Đức Phật còn người đệ tử nào trung thành như ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) chăng?

Kể ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) là bà Visàkhà, một tin nữ giàu có đã giúp Đức Phật một cách đặc lực. Bà rất đông con và nhiều cháu chắt, được dân chúng thành Xá Vệ xem như bậc phúc hậu đệ nhất, nên trong mỗi cuộc lễ luôn luôn mời bà chủ tọa để nhờ hồng phước của bà. Bà được nổi danh là một vị đại thí chủ. Các nhà sư đến Xá Vệ đều nhờ bà châu cấp mọi vật cần thiết. Bà nguyện với Đức Phật, trọn đời dâng cúng y phục tắm mưa cho Tăng ni, thuốc men cho các nhà sư có bệnh, vật thực cho các vị mới đến hoặc sắp đi và mỗi sáng dâng cháo lót lòng cho Chư Tăng.

Đối với bà Visàkhà cũng như phần đông phụ nữ, người ân nhân hay người đáng cảm ơn, chẳng phải người cúng dường Đức Phật và Chư Tăng, mà chính là Đức Phật, bởi Ngài chỉ dạy cách thức thực hiện công hạnh bố thí để cho mỗi người được dự vào phần thưởng của công hạnh bố thí ấy.

107. Trong thời gian Đức Phật an cư tại Savatthi có điều chi xảy ra chăng?

Tại Tinh xá Cấp Cô Độc, Đức Phật thâm nhận đệ tử càng ngày càng đông; có nhiều người chứng đạo quả Tứ Thánh tiếng đồn khắp xứ, thiên hạ đua nhau đến qui y thọ giáo với Đức Phật, làm cho các đạo giáo phải lu mờ và các vị Đạo sĩ phải thiếu thốn mọi bề, nên họ đâm ra ganh tị thù oán, tìm mọi mưu chước làm hại Đức Phật.

108. Họ làm hại cách nào?

Đây chỉ tóm lược hai sự tích:

a) Để thỏa mãn lòng ganh tị, bọn tà sư nhóm lại định dùng mỹ nhân kế làm cho mất thanh danh uy tín của Đức Phật. Mỗi buổi tối, giữa lúc thiện nam tín nữ từ Kỳ Viên ra về, sau khi nghe pháp của Đức Phật, một nữ Đạo sĩ, nhan sắc đậm đà, xiêm áo lòn loẹt, tay cầm hoa thơm, đi ngược chiều về hướng Tinh xá. Có người kêu hỏi: Cô đi đâu giữa đêm tâm tối vậy cô? Nàng ấy tên Cinca, ngoe ngoắt trả lời: "Tôi đi đâu, căn cứ chi mấy người mà hỏi." Đi khỏi đám người, nàng Cinca trở lại nghỉ trong chùa của bọn tà sư, gần Tinh xá Cấp Cô Độc. Rạng sáng, lúc thiện tín, từ ngoài thành

Savatthi vào Tinh xá yết kiến Đức Phật, nàng Cinca lại trở ra, cũng như nàng từ Tinh xá đi về.

Có ai hỏi: Cô ngủ đâu mà về sớm vậy?

Nàng cũng ngoe ngoáy trả lời:

- "Tôi ngủ đâu, mặc kệ tôi."

Liên tiếp gặp nàng với cử chỉ khả nghi, nhiều người ngạc nhiên hỏi nữa: Cô ngủ đâu mà về sớm vậy?

Nàng Cinca trả lời:

- "Tôi ngủ trong Tinh xá với ông Sa môn Gotama."

Từ đó Tín đồ xâm xì, bàn tán, phân vân, nghi ngờ. Bốn tháng sau ai ai thấy bụng của nàng Cinca càng ngày càng lớn. Đến tám chín tháng bụng nàng lại càng to lên, tỏ ra người mệt nhọc, như gần ngày sanh đẻ. Một buổi chiều nọ, lúc Đức Phật đang ngồi trên bảo tọa thuyết pháp cho Tín đồ nghe, nàng Cinca vào đứng trước mặt Đức Phật kêu nói rằng:

- "Này ông Đại Sa môn, ông giảng đạo lý cho mọi người với giọng thật là ngọt ngào dễ thương nhưng đối với tôi đây, vì ông mà phải mang thai nghén, nay gần ngày nở nhụy khai hoa, mà không thấy ông để ý lo tạo cho tôi một chòi tranh, cùng mua sắm những vật

cần thiết cho việc sanh đẻ. Cũng không thấy ông đề lời cậy mượn những người trung thành với ông như Đức Vua Pasenadi. Ông Anàthapindika hoặc bà Visàkhà, thay thế lo giùm cho ông. Ông biết chơi hoa thưởng nguyệt mà ông không biết ngăn ngừa hậu quả.”

Đức Phật ngưng cuộc thuyết pháp, dòm ngay nàng Cinca và thốt rằng:

- "Này cô em, những lời cô vừa thố lộ đó, thật hay giả, chỉ có cô và Như Lai biết thôi.”

Nàng Cinca cũng bình tĩnh trả lời:

- "Thật vậy, thưa ông Sa môn, chỉ có đôi ta mới rõ thấu sự tình này thôi.”

Vừa dứt lời, một khúc gỗ hình bán cầu, mà nàng Cinca đã ràng rịt trước bụng, thỉnh linh rớt xuống đê đập căng nàng [1]. Mưu gian bại lộ, thiện nam tín nữ rộ lên, kẻ phun nước miếng, người thì tát vã vào mặt nàng. Đức Phật liền ngăn cản, khuyên Tín đồ dung thứ và thương hại cho kẻ lỗi lầm. Nàng Cinca chạy ra khỏi Tinh xá, vừa khuất dạng, thì đất sụp, vùi thân nàng dưới một cái hố sâu đầy lửa Địa ngục [2].

[1] Tục rằng mỗi khi có việc chẳng lành xảy ra đến cho các bậc phạm hạnh trong dục giới, Trời Đế Thích

có cảm giác bảo tọa của Ngài ra hơi nóng và nhờ Thiên nhân, Ngài biết Đức Phật đương bị hàm oan, liền sai bốn vị hộ giá lập tức xuống tận Kỳ Viên, biếng làm 4 con chuột bạch, chung vào cắn đứt dây nịch của nàng Cinca.

[2] Mười ba thế kỷ sau, Thầy Huyền trang đến Savatthi còn thấy cái hố chôn nàng Cinca.

b) Bọn tà sư chưa chịu dừng bước trên đường tội lỗi. Định hy sinh một nữ Đạo sĩ nữa tên Soundari (người đẹp), họ mượn kẻ côn đồ bóp họng cô này, rồi lén đem thân vùi dưới đống tràng hoa héo, chất gòn biệt thất của Đức Phật. Mặt khác họ đi khai báo với nhà Vua rằng cô Soundari mất tích. Phụ lục với nhà chức trách họ cho bộ hạ đi tìm kiếm cô Soundari. Dĩ nhiên họ kiếm được tử thi cô này một cách dễ dàng và để nằm trên một cái vũng khiên vào thành Savatthi, truyền rao cho thiên hạ thấy rõ bằng cơ dâm đặng hiển nhiên của ông Cồ Đàm, mà đệ tử của ông cố ý che đậy, nên giết cô Soundari để phi tang. Dư luận xôn xao phẫn uất. Nhà cầm quyền đương ngấm ngấm điều tra, thì bọn sát nhân được trọng thưởng rủ nhau ra tửu lầu, gây tiệc vui say, để rồi chia nhau số tiền thù lao. Thần men ám ảnh, anh nào cũng muốn dành phần nhiều, cãi cọ,

âu đả, rồi tố cáo lẫn nhau. Kết cuộc cả bọn sát nhân và kẻ đồng lõa đều phải đền tội trước công lý.

Một lần nữa, hàm oan của Đức Phật được minh giải. Trong đời kẻ tiểu nhân muốn làm hại một người chân chánh, không phải dễ như ý muốn, hà tất là cáo gian một vị Chánh đẳng Chánh giác.

109. Tại Savatthi, Đức Phật còn gặp trở ngại chi nữa chăng?

Nhóm Lục Sư còn đề nghị tranh tài, đấu phép với Đức Phật, có Vua Pasenadi chứng kiến. Đức Phật bắt buộc phải làm vừa lòng họ. Trước khi tranh biện, Đức Phật dùng phép thần thông hóa ra một cây xoài to lớn, cao tận mây xanh, đầy bông trái, giữa sân đã dọn trống cho cuộc hội họp, rồi Ngài đến ngự dưới gốc xoài để trả lời từ câu chất vấn của nhóm Lục Sư.

(Theo sử tích khác, Đức Phật hóa phép ngồi trên một tòa sen lớn bằng bánh xe. Nhân đó, trong thời đọi sau, các chùa đều tượng cốt Phật ngồi trên tòa sen. Một nguồn tài liệu khác ghi rằng Đức Phật hóa ra vô số vị Phật đi đứng nằm ngồi trên không gian).

Bao nhiêu biện chứng của Lục Sư đưa ra đều bị Đức Phật đánh tan, với lý lẽ không chối cãi được. Không thấy kinh sách ghi rõ những biện chứng chi.

110. Đức Phật có thần thông quảng đại mà không có phương pháp nào tế độ nhóm Lục Sư sao?

Đức Phật chỉ độ người có duyên lành với Ngài. Những người ấy dầu say mê lầm lạc theo tà đạo, đúng giờ khắc nhất định, gặp một cơ duyên họ thức tỉnh ngay. Người không duyên lành, dầu sống bên cạnh Đức Phật, họ cũng vẫn thiên về tà đạo, huống hồ là người đã sẵn có một tôn chỉ khác biệt như nhóm Lục Sư.

111. Có người nào lạc theo tà giáo mà được Đức Phật tế độ?

Tại Savatthi (Xá Vệ) trong một hạ, Đức Phật có tế độ một tên sát nhân, cuồng tín theo tà giáo, đã gây ra sự kinh khủng cho dân xứ Kosala. Kẻ sát nhân ấy tên Angulimàla (Ngón tay tròn cổ), con của một vị Đại Thần tại Savatthi. Chàng được gửi đến thọ giáo với một vị Đạo sĩ danh tiếng. Rất thông minh, văn hay võ giỏi, chàng được Thầy yêu mến, trọng đãi hơn các bạn học sinh. Bọn này sanh lòng ganh tị, bao phen lập kế, mét thót với Thầy rằng Angulimàla âm mưu phản Thầy. Ông Đạo sĩ không tin nhưng ba lượt bị thúc

giục phải xua đuổi Angulimàla ra khỏi nhà, để tránh tai hại về sau. Xiêu theo lời nịnh bợ bất chính, ông Thầy lập kế đưa Angulimàla vào chốn lao tù, mới kêu bảo rằng: "Này con, Thầy thấy con võ nghệ tinh thông. Thầy muốn truyền cho con một phép màu nhiệm để sau này còn nhờ lấy đó mà lập thân; nhưng trước khi truyền phép huyền bí cho con, con phải giết cho đủ một trăm (có nơi ghi một ngàn) người, cắt lấy ngón tay, xỏ làm một xâu tràng hoa đem về đây." Angulimàla tuy thông minh nhưng tham vọng rất nhiều, không suy nghĩ, phần ỷ lại tài nghệ xuất chúng, liền từ giả Thầy đi tìm giết cho đủ 100 người. Ai đi vào rừng cùng, đi lẻ loi nơi vắng vẻ đều bị Angulimàla giết chết và cắt ngón tay xỏ xâu đeo lên cổ. Tiếng đồn dân chúng kinh sợ. Vua Pasenadi định đem binh đi bắt tên sát nhân về trị tội. Lúc ấy Angulimàla đã giết được 99 người, càng giết càng hăng máu không gớm tay mong mau có đủ số, để sớm trở về cho Thầy truyền đạo. Cũng lúc ấy bà mẹ của Angulimàla dò hỏi tin tức, biết tên sát nhân là con của bà. Bà liền vào rừng tìm Angulimàla để khuyên giải và báo tin cho con bà hay rằng Đức Vua sắp gửi binh đến bắt chàng. Thấy mẹ, Angulimàla bị tội ác ám ảnh, định giết mẹ cho đủ số 100 người. Bà mẹ kinh hồn chạy trở lại, liền khi ấy Đức Phật hiện ra chậm rãi đi trước mặt, chặn đường

Angulimàla, để cho bà mẹ chàng thoát thân. Tên sát nhân liền đổi ý, định giết ông Sa môn, nỗ lực chạy đến gần để hạ thủ. Đức Phật mang bát từ từ bước trở ra, tên sát nhân chạy theo sau như tên bay, trên cả ba do tuần, mà không theo kịp. Tức mình, Angulimàla kêu:

- "Kìa ông Sa môn, sao ông không dừng chân lại?"

Đức Phật ngoái lại mỉm cười đáp:

- "Này Angulimàla, Như Lai dừng bước đã lâu rồi, chỉ có người chưa chịu dừng bước đó thôi."

Angulimàla hỏi lại:

- "Ông nói ông đã dừng bước, sao tôi chạy theo ông không kịp. Ông là người nói dối."

Đức Phật đáp:

- "Như Lai đã dừng bước trên con đường tội lỗi. Như Lai đã bỏ hết gươm giáo từ lâu rồi."

Nghe được có bấy nhiêu lời Angulimàla chợt tỉnh cơn lầm lạc, hối ngộ ăn năn, liệng cả gươm đao, quỳ lạy Đức Phật, xin ra tay tế độ. Đức Phật liền vỗ về an ủi giải thích cho Angulimàla biết rằng: "Tiền kiếp người đã dày công tu hành và có duyên lành gặp Chánh Pháp, nếu Như Lai không đến cứu người thì người đã

phạm tội giết mẹ. Với cái ngộ nghịch đại tội ấy, người phải sa vào vô gián Địa ngục, biết đời kiếp nào chuộc cho xong.” Đức Phật dắt Angulimàla về Tinh xá Cấp Cô Độc cho xuất gia làm Tỳ kheo.

Vua Pasenadi, trước khi gửi binh nã tróc tên sát nhân vào thỉnh tôn ý của Đức Phật, vì Ngài biết đủ mọi việc quá khứ vị lai. Hơn nữa, tiếng đồn Angulimàla là một võ tướng vô địch, binh sĩ nghe đến tên chàng đều khiếp sợ nên Đức Vua không muốn mạo hiểm, sợ phải hao binh tổn tướng nhiều. Đức Phật biết trước nên khi Vua Pasenadi vào đến nơi Đức Phật hỏi: "Tâu Đại Vương, tên sát nhân đã gây tội tày trời, đối với luật nước Đại Vương sẽ trừng trị để làm gương. Nhưng khi kẻ ấy biết ăn năn tội lỗi, hồi đầu hướng thiện, xin vào đây xuất gia tu hành, như các ông Tỳ kheo của Như Lai đây, thì Đại Vương sẽ đối xử với kẻ ấy như thế nào?"

- "Bạch Đức Thế Tôn, nếu kẻ sát nhân ấy, thật tâm ăn năn vào xuất gia dưới sự hướng dẫn của Đức Thế Tôn, thì không chi quý báu bằng. Chừng ấy, Trẫm sẽ lễ bái cúng dường, như Trẫm lễ bái cúng dường chư vị Tỳ kheo, môn đệ của Đức Thế Tôn vậy."

Đức Phật mỉm cười, đưa tay chỉ vào nhóm Tỳ kheo mà nói rằng: "Tâu Đại Vương, đây là Angulimàla, là người mà Đại Vương sắp đem binh nả tróc." Vua Pasenadi ngạc nhiên mọp đánh lễ ông Tỳ kheo Angulimàla. Khi ấy binh tướng ngồi chung quanh hầu vua, giật mình, len lét liếc dòm người võ tướng vô địch, nổi tiếng hung ác, đương ngồi chễm chệ trong oai nghi đạo đức.

112. Đức Phật còn châu du nơi nào nữa?

Sau khi tranh tài đấu phép với nhóm Lục Sư (câu 109) thì mùa mưa cũng vừa đến, Đức Phật lên kiết hạ cung trời Đao Lợi, thuyết pháp Vi Diệu Pháp, độ mẹ Ngài là Hoàng hậu Maya đến đạo quả Niết bàn.

113. Đã nói rằng Đức Phật độ bà Maya tại Bodhi Gaya (câu 50) sao nay còn độ nữa? Vi Diệu Pháp là pháp chi? Sao ở thế gian biết được Đức Phật giảng pháp ấy cho mẹ Ngài?

Nếu tại Bodhi Gaya, bà Maya đắc được đạo quả A la hán thì bà đã vào Niết bàn rồi, không còn làm chúng sanh ở cung trời. Lịch sử không ghi rõ nhưng có lẽ lần đầu tiên bà Maya chỉ đắc đạo quả A na hàm thôi. Để giữ trọn đạo làm con, Đức Phật tùy thời cơ, độ mẹ Ngài đến tận bờ giải thoát.

Ba tháng sau, Đức Phật trở xuống Ấn Độ, tại thành Sankasya, một nơi xa xăm về hướng Tây Savatthi, hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Bà la môn giáo. Trên hai trăm năm sau, Vua Asoka (A Dục) có đến tận chỗ chiêm bái và xây tháp kỷ niệm đặt tên là tháp Sankissa, hiện nay vẫn còn di tích.

Trở lại thế gian, Đức Phật lần lượt đem pháp mà Ngài đã thuyết tại cung trời Đao Lợi giảng giải cho chư Thanh văn La hán nghe. Pháp ấy dạy về tâm ý, danh sắc và Niết bàn, rất cao sâu khó hiểu nên gọi là Vi Diệu Pháp (Abhidhamma). Sau lại được ghi chép trong Tạng thứ ba cũng gọi là Tạng Vi Diệu Pháp mà người ta thường gọi là Tạng Luận.

(Có chỗ ghi rằng Đức Phật lên cung trời trong hạ thứ 7, chỗ khác nói hạ thứ 16).

114. Người có duyên lành nhưng ở xa xăm lại cũng không phải là thân nhân của Đức Phật, có hy vọng được tế độ chăng?

Những người hữu duyên gặp Đức Phật ra đời đều được tế độ cả thảy. Mỗi buổi sớm mai, Đức Phật dùng Thiên nhãn soi khắp mọi nơi coi có người đứng duyên kỳ, dầu xa xăm đến đâu, Ngài cũng đến tế độ, như trường hợp của chàng Angulimàla (câu 111). Ngoài

ra, Tín đồ nào có chánh tín, thường ngày tưởng nhớ đến Ân đức Tam Bảo mà không cầu cạnh van vái để xin ân huệ, chỉ lo làm lành ở phải, tin lý Nhân quả, thì chẳng những gia đình họ càng được an vui hòa thuận, mà họ lại còn có thể làm nhíp cầu đưa thân nhân quyền thuộc đến cho Đức Phật tế độ.

115. Xin cho vài bằng chứng.

Từ Sankasya, Đức Phật trở lại Savatthi. Nơi đây Ngài có dịp tế độ gia đình của ông Cấp Cô Độc. Ai cũng biết ông này là một nhà triệu phú nhưng vì có những thông gia tà kiến, nên dâu và rể của ông thường gây ra sự bất hòa trong gia đình mà ông vẫn nhẫn nại nín chịu. Ngày nọ, ông thỉnh Đức Phật và chư Thanh văn đến nhà thọ thực, Đức Phật biết dâu của ông là nàng Sujata thường ý mình là con nhà quyền thế giàu sang, không kiêng nể cha mẹ chồng, hỗn ẩu với chồng và đày xắt tôi đòi nên khi thọ thực rồi Đức Phật cho mời cô ra, đem đạo lý khuyên giải nàng, dạy nàng tư cách làm dâu, làm vợ, để tìm cội phúc hiện tại và vị lai. Nhờ vậy, nàng trở thành một người dâu thảo, vợ hiền và một tín nữ rất nhiệt thành.

Ông Cấp Cô Độc còn một người con gái cũng khổ tâm vì phải gặp một gia đình tà kiến. Làm dâu cho một nhà

triệu phú ở xứ Bengale (miền Calcutta), mỗi ngày phải lo đủ lễ vật cho cha mẹ chồng cúng dường đến các vị Đạo sĩ hỏa thể. Ngày nọ, các Thầy Đạo sĩ ấy được thỉnh về nhà thọ thực, cha mẹ chồng ép nàng phải ra lễ bài chào mừng. Vừa bước ra thấy các Đạo sĩ trần truồng, dơ dáy, nàng bụm mặt trở vô, tỏ ý khinh bỉ. Ông cha chồng nổi xung, quở trách thậm tệ. Nàng trả lời: "Thưa cha, con chưa từng gặp những hạng người hỏa thể như vậy và con chỉ biết lễ bái cúng dường ông Cha lành duy nhất của con là Đức Phật Gotama cùng hàng Thánh Tăng, đệ tử của Ngài thôi. Đức cha lành của con và hàng môn đệ của Ngài dung nghi lâm liệt, ăn mặc tề chỉnh rất xứng đáng cho trời, người lễ bái."

Ông cha chồng mới hỏi:

"Mi nói thật chẳng? Nếu quả thật vậy mi hãy mời các vị ấy đến đây thọ thực ngày mai. Bằng mi nói dối, ta sẽ tống khứ mi ra khỏi nhà này."

Trong lúc bối rối nàng liền trả lời:

- "Dạ xin vâng."

Trọn ngày ấy, nàng đem hết tâm thần hướng về Tinh xá Cấp Cô Độc, hết dạ tín thành cầu thỉnh Đức Phật và chư Thanh văn đến thọ thực ngày mai tại nhà cha mẹ

chồng nàng, để cứu rỗi nàng khỏi tai hại và phổ độ gia quyến của chồng nàng theo về với Chánh Pháp.

Tại Savatthi, chiều ngày ấy ông Cấp Cô Độc vào yết kiến Đức Phật và thỉnh Ngài cùng chư Tăng ngày mai đến thọ trai tại tư gia. Đức Phật mỉm cười trả lời rằng: "Nhu Lai đã lỡ nhận lời thỉnh cầu của con gái ông rồi; nên ngày mai Nhu Lai và chư Thanh văn phải đi thọ trai tại xứ Bengale."

Con gái ông Cấp Cô Độc đĩnh ninh rằng Đức Phật sẽ đến, nên lo sắp đặt chỗ tiếp rước trong một gian phòng lớn trên lầu.

Đúng giờ Đức Phật và chư Thanh văn bay đến đứng giữa hư không, trước phòng trai tăng. Nàng hết sức vui mừng, mọp lạy cung thỉnh Đức cha lành và chư vị Thánh tăng vào an tọa, cả nhà ngạc nhiên, kính phục, thành tâm lễ bái cúng dường ông Đại Sa môn Gotama và đoàn tùy tùng của Ngài. Thọ thực rồi Đức Thế Tôn thuyết pháp độ cả gia quyến từ cha mẹ chồng đến chồng và tôi trai tớ gái của nàng. Mọi người đều phát tâm tín ngưỡng xin qui y thọ giới làm thiện nam tín nữ.

Đức Phật đã đem an vui hạnh phúc cho người thiện nữ chánh tín là con gái ông Cấp Cô Độc và gia đình bên chồng của nàng.

116. Hiện nay, nếu có người chánh tín cầu khẩn Đức Phật gia hộ cho, có linh nghiệm chăng?

Nên nhớ rằng hai câu chuyện kể trên xảy ra lúc Đức Phật còn tại thế. Những người đã có gieo nhiều duyên lành, mới được sanh vào thời kỳ ấy. Gặp lúc Đức Phật ra đời mà không có Chánh kiến, cũng không thể nhờ Phật tế độ được. Chẳng phải vì lòng sùng mộ, vì sự cầu khẩn mà Đức Phật sửa đổi được nghiệp quả của mỗi người.

Với một đức tin chân chánh, kiên nhẫn thực hiện đời sống, y theo giáo lý của Đức Phật, mỗi Tín đồ phải tự lực mưu cầu hạnh phúc an vui cho mình, chớ nên mù quáng y lại nơi sự gia hộ của Đức Phật, bởi mỗi hành động thiện ác do luật Nhân quả.

117. Đức Phật có gặp kẻ nào cương ngạnh, khêu chọc Ngài chăng?

Phật giáo ra đời làm lu mờ các đạo giáo khác, không sao tránh được kẻ cương ngạnh phá rối. Đức Phật là người lễ độ ôn hòa, không bao giờ làm Phật lòng ai cả,

trừ khi nào có người đến gây chuyện. Ngài mới đôi phó nhưng cũng dùng kim ngôn mỹ từ để cảm thán họ.

118. Xin cho vài bằng chứng.

Đây chỉ tóm lược vài chuyện trong muôn ngàn chuyện đã xảy ra:

1) Ngày nọ, có một Thầy Bà la môn trong tay giấu một con chim vào đố Đức Phật: "Này ông Sa môn Gotama (Cồ Đàm), tôi đang cầm trong tay một con chim, ông có tài giỏi thử nói cho mọi người biết con chim ấy sống hay chết?"

Đức Phật bảo:

- "Này Thầy Bà la môn, Thầy nên đem con chim của Thầy ra ngoài, hội nhiều người làm chứng, rồi đem trở vô đây, Như Lai sẽ cho biết chim ấy sống hay chết." Đức Phật biết rằng chim ấy sống nhưng nếu Ngài nói nó sống, Thầy Đạo sĩ bóp nghẹt, dầu sống chim ấy cũng phải chết.

2) Một nhóm Bà la môn khác đến hỏi: "Này Thầy Gotama (Cồ Đàm), tục lệ xưa nay từ bậc Vua chúa đến hàng thứ dân, muốn cầu hạnh phúc cho gia đình, xã hội, ai ai cũng giết thú vật để cúng tế thần linh. Thủ

tục ấy có lợi ích cho bá gia bá tánh, cứ sao ông lại không cho Tín đồ của ông áp dụng.”

Đức Phật đáp:

- "Này các Thầy Bà la môn, con người khôn hơn muôn vật, tự mình phải tìm hạnh phúc cho muôn loài vạn vật. Trí tuệ để làm gì, mà phải hạ mình, ỷ lại nơi thần linh? Sát sanh hại vật để đổi lấy hạnh phúc cho mình; hạnh phúc đâu không thấy, mà tội ác đã hiển nhiên.”

"Không đâu Thầy Gotama (Cồ Đàm), các con vật bị giết để tế thần đều được siêu thoát về thượng giới, bởi thế chẳng phải là tội ác, mà chính đó là một việc lành để giúp các con vật ấy mau được thoát khỏi kiếp đọa đầy, siêu sinh về cõi yên vui. Thế tại sao Như Lai chưa từng thấy ai làm việc lành ấy để mưu cầu hạnh phúc thiên đàng cho thân nhân quyến thuộc của họ?"

3) Nhóm Bà la môn khác đến vấn nạn: "Bạch Thầy Gotama (Cồ Đàm), Thánh kinh từ ngàn xưa lưu truyền, có hiệu lực huyền bí thiêu đốt tội lỗi cho linh hồn người quá vãng được nhẹ nhàng, hồi qui nơi cực vị, cộng hưởng khoái lạc muôn đời với Brahma; đạo của Thầy được công bố là đạo cứu khổ, song mỗi khi

trong hàng tứ chúng của Thầy, có ai qua đời, chẳng thấy tổ chức tế thần, cứ im lặng khiêng xác đi thiêu?"

- "Này các Thầy Bà la môn, đạo của Như Lai hẳn thật là đạo cứu khổ, cứu khổ một cách thực tế. Hàng tứ chúng của Như Lai thường xuyên tự độ, không mong chờ một tha lực nào gia hộ; trọn đời ăn ngay, ở thẳng, làm lành, lánh dữ; tinh tấn trau dồi đức hạnh; bố thí trì giới, tham Thiền quán tưởng, tự giác giác tha; khi thở hơi cuối cùng, nếu chưa đắc đạo quả Niết bàn họ sẽ thọ sanh vào cảnh giới yên vui hiệp theo định luật công bình thiên nhiên mà Như Lai gọi là luật Nhân quả. Nếu Thánh kinh của các Thầy quả thật có hiệu lực đổi ác ra thiện, sửa tội ra phước; Như Lai xin đề nghị đem ra thí nghiệm để chứng minh sự thật: Các Thầy hãy lấy một cục đá và một cục bông gòn đồng cân với nhau để trước mặt rồi xúm lại tụng Thánh kinh cầu nguyện cho cục đá trở ra nhẹ như bông gòn và cho cục bông gòn trở ra nặng như cục đá. Khi tụng kinh cầu nguyện rồi, các Thầy đem hai vật ấy thả xuống sông Găng, các Thầy nghĩ sao? Cục đá sẽ nổi phêu trên mặt nước hay cục bông gòn?"

119. Tại sao trong Phật giáo có tục lệ cầu an và cầu siêu?

Đức Phật không có để lại bài kinh nào gọi là kinh cầu an hay cầu siêu. Do nơi sự đòi hỏi của người thế tục mê tín mà nảy sanh tục lệ cầu an và cầu siêu. An hay không tự mình, siêu hay không cũng tự mình, nếu mình biết hành đúng theo giáo lý của Đức Phật. Hiện nay những Phật ngôn mà người ta thường đem ra tụng trước một xác chết, một linh cửu thuộc về loại pháp thức tỉnh những người còn sống có mặt nơi đám tang, cho họ hiểu rằng chúng sanh trong Tam giới phải chung chịu cái luật Vô thường sanh diệt và khi chết rồi còn phải tái sanh nơi vui, nơi khổ tùy theo nghiệp lực, chỉ khi nào tu hành đến đạo quả Niết bàn mới diệt được cái khổ sanh tử luân hồi. Ít ai giải thích, để mặc tình người thế hiểu sao cũng được. Tình trạng mập mờ ấy dĩ nhiên làm mất giá trị của đạo.

Trong trường hợp cầu bệnh giải ách, người ta dùng một thứ Phật ngôn mà xưa kia Đức Phật đã có dịp thuyết cho một vài vị Tỷ kheo có bệnh, hoặc dạy các Thầy ân dật trong rừng phải hành động cách nào để tránh những việc chẳng may. Lẽ dĩ nhiên người cầu kinh phải biết nghe, biết hiểu để suy xét quán tưởng nhân nại với cái đau, cái khổ và tinh tấn làm lành, lánh dữ. Nhưng phần đông chỉ tin nơi sự phù hộ của Đức Phật; nếu mạnh được thì cho rằng kinh có hiệu lực trừ

bệnh, quên để ý đến công điều trị của ông Bác sĩ; bằng thoát được tai ách cũng cho rằng nhờ kinh mà vận mạng được sửa đổi không ai tin nơi Nhân quả vô hình.

Đối với người cầu phước xin tội còn một thứ kinh chúc phúc khác, không lớp lang, đặt ra để thỏa mãn nhu cầu của thí chủ.

Nếu ba loại kinh kể trên quả thật có hiệu lực, mà không cần phải thực hành theo Phật ngôn cùng vun trồng đạo đức thì trước nhất các ông Thầy không bao giờ có bệnh, không gặp việc rủi ro và cũng được siêu sanh về Niết bàn. Nếu lời chúc phúc của các Thầy có kết quả, thì thân bằng quyến thuộc của các Thầy đều được mọi sự an lành: sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh, giàu sang vinh hiển và những Tín đồ trung thành với các Thầy cũng được hưởng lây.

G. Giả Từ Savatthi trở lại Rajagaha

120. Từ Savatthi, Đức Phật còn tính đi mở đạo nơi nào khác nữa chẳng?

Ở Savatthi lâu ngày, Đức Phật trở lại Rajagaha. Ngài thường qua lại hai xứ Kosala và Magadha nhiều lượt vì Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) và Vua Bimbisàra (Tần Bà Sa) hết lòng tin tưởng và giúp đỡ Đức Phật trong

mọi phương diện. Nơi hai xứ này lại có nhiều người hữu duyên với Đức Phật; lâu ngày vắng bóng Phật, dường như họ thương nhớ và khao khát muốn được nghe pháp của Ngài.

121. Đức Phật giảng đạo cách nào mà người ta mê thích dữ vậy?

Đức Phật tùy trình độ của mỗi người, mỗi nhóm, đem những pháp phù hợp với tâm địa, hoàn cảnh của thính giả mà giảng giải cho họ nghe. Thường khi trước công chúng, Ngài bắt đầu dạy những pháp thông thường dễ hiểu, dễ hành như sự bố thí đến kẻ tật nguyên, đói khổ, tư cách ăn ở theo luân thường đạo lý để gieo trồng cội phúc, hầu tiến hóa từ địa vị con người đến ngôi phẩm của các vị Trời. Ngài chỉ rõ những tội lỗi trong sự đam mê theo tình dục và những phước báu của sự trì giới tham Thiền. Khi nhận thấy tinh thần của người hỏi đạo hoặc của thính giả, đã được tầm gột, mềm dịu, hân hoan và có đức tin nơi Ngài thì Ngài bắt qua giảng giải về cái khổ ở đời, về nhân sanh khổ, về phương pháp diệt khổ và con đường giải thoát khỏi khổ. Chẳng khác nào như một tấm vải vừa giặt sạch sẽ, trắng trẻo, liền được nhúng vào nước nhuộm, vải ấy cảm màu tươi tắn; cũng như người hỏi đạo hoặc thính giả được tâm trí mở rộng liền liễu ngộ chân lý,

ngay khi Đức Phật dứt lời. Được khai sáng, đã thấy, đã chứng, đã thấm nhuần lý đạo đã dứt hoài nghi, đầy tin tưởng, hoàn toàn bị chinh phục bảo sao họ không hoan hô ca tụng: "Bạch Đức Thế Tôn, thật là huyền diệu, phi thường chẳng khác nào chúng con té, được Đức Thế Tôn đỡ dậy; chẳng khác nào chúng con lạc đường, được Đức Thế Tôn chỉ nẻo; chẳng khác nào chúng con đi trong đêm tối, được Đức Thế Tôn rọi đèn. Đức Thế Tôn chỉ dạy rành rẽ đủ phương diện. Từ nay chúng con xin qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng."

122. Có lúc nào Đức Phật thấu phục toàn cả thính giả trong một thời pháp chẳng?

Có. Một ngày nọ, Vua Bimbisàra triệu tập tám muôn vị lý trưởng trong xứ Magadha về kinh thành Rajagaha để dạy phương pháp trị dân. Sau cuộc hội nghị, Vua Tần Bà Sa khuyên họ đến viếng Đức Phật đương tịnh dưỡng trên núi Kicchakuta (Kỳ Xà Quật). Các vị lý trưởng ấy vốn không thích tu hành nhưng khi Đức Phật giảng cho họ nghe một thời pháp, họ liền xin qui y thọ giới làm thiện nam trong Phật giáo.

124. Có lúc nào Đức Phật bị người ta âm mưu hãm hại chẳng?

Một lúc nọ, Đức Phật ngự tại vườn Veluvana (Trúc Lâm), ngoài thành Rajagaha, có một vị giáo chủ trong nhóm Lục Sư tên Purana phái một Tín đồ đại phú gia đến lân la tỏ vẻ nhiệt thành sùng mộ Đức Phật. Ngày nọ, ông đến thỉnh Phật và chư Tăng thọ trai tại tư gia. Trước khi tổ chức bữa trai tăng, ông cho đào giếng sâu ngay lối vào nhà một cái hầm sâu ngập đầu, chờ khi Đức Phật sắp đến, ông cho đốt lửa than đỏ rực, trên miệng gát ván mỏng, trải chiếu lót đường nghênh tiếp Đức Phật và chư Tăng. Biết trước mưu sâu kế độc của ông Trưởng giả Srigupta, Đức Phật cũng vẫn đến. Khi Ngài cùng chư Tăng tới nơi, cái hầm lửa bỗng trở thành một hồ sen tươi tốt, bông to lá lớn, nổi lên làm cầu cho Đức Phật và chư Thanh văn đi vào. Đức Phật cũng thản nhiên như không hay biết chi cả. Thọ thực rồi Ngài thuyết pháp độ được vợ ông Srigupta.

Thất bại, hôm sau Đạo sĩ Purana và nhóm đồ đệ mang bát đến nhà ông Srigupta xin ăn như thường lệ. Vào trong ông ta chép miệng cười. Một vị Đạo sĩ nhỏ đã toa rập trước với Thầy liền hỏi:

"Bạc Tôn Sư, thiên nhãn của Ngài đã thấy điều chi phi thường, mà hôm nay Ngài lại chép miệng cười?"

Ông Tôn Sư nghiêm nghị trả lời:

- "Không có chi lạ, bản tăng vừa thấy cách đây trăm dặm, một con khỉ té xuống nước, đương chơi vui giữa dòng sông, chãy ngang qua thành Savatthi (Xá Vệ).

Cả nhà kinh ngạc cảm phục, ngoại trừ bà Srigupta. Để thử tài vị Tôn sư của chồng, bà bước ra rước bát và trái hơn thường lệ, bà để vật thực dưới đáy bát rồi mới đổ cơm lên trên, đem dâng trả lại cho Đức Thầy. Liếc mắt thấy toàn là cơm trắng, ông Đạo sĩ Purana liền kêu bà nói:

- "Này con, con quên để vật thực cho Thầy."

Bà tín nữ của ông Sa môn Gotama (Cồ Đàm) giả bộ không nghe xoay lưng trở vào, vừa đi vừa nói:

- "Vật thực ở dưới đáy bát mà không thấy, lại thấy khỉ chết chìm cách xa trăm dặm."

124. Tại xứ Magadha Đức Phật còn ở chỗ nào khác hơn Vườn Trúc Lâm và còn thu được Tín đồ nữa chăng?

Rajagaha (Vương Xá) là một kinh đô phồn thịnh, các vị thương gia khắp xứ Ấn Độ thường tới lui buôn bán, được dịp nghe Đức Phật thuyết pháp giảng đạo, đi tới nơi khác họ loan truyền và ca tụng thanh danh của Vị Giáo chủ mới ra đời, nên từ bốn phương các nhà mộ

đạo, đủ giai cấp, cho đến những người lâu xanh kỳ nữ, đều lũ lượt đến Trúc Lâm ra mắt Đức Phật, chẳng khác nào kẻ khát nước đi tìm mạch nước. Hằng ngày đàn ông, đàn bà, thanh niên, thiếu nữ, trang phục xinh đẹp, kẻ đem bông hoa, người đem vật thực đến cúng dường Đức Phật và bao vây qui y hỏi đạo. Đức Phật ân cần dạy dỗ, khuyến khích trì trai, thọ giới. Ngày này sang qua ngày nọ, Đức Phật luôn luôn ôn tồn niềm nở đón tiếp trai lành, gái tín: như một nguồn nước công cộng ngọt ngào mát mẽ, để cho mọi người tự do đến giải khát. Mỗi ngày Đại đức Ananda có phận sự tiếp khách đưa vào yết kiến Đức Phật và sau khi khách ra về phải lo đi gom gót cát giùm đồ vật của khách bỏ quên lại, ông cũng như Đức Phật không biết mệt mỏi. Đối với hai Thầy trò, nghệ thuật cảm hóa chúng sanh vào cửa chân lý tựa hồ như một môn thể thao.

Lúc nào có chút thì giờ rảnh rang, Đức Phật cùng Đại Đức Ananda, khi thì ngự tại Tinh xá "Vườn xoài" của Ông Ngự y Jivaka cất dăng cho Đức Phật, dưới triền núi Kỳ Xà Quật, khi thì lên tịnh dưỡng trên núi VEDIYAKA (núi kên kên), cũng gọi là núi KICCHAKUTA (Kỳ Xà Quật), cách Trúc Lâm không bao xa.

Không gặp Đức Phật tại Trúc Lâm, thiện nam tín nữ cũng lên núi tìm Ngài, trong thạch động Indasàlà. Nơi đây, ban ngày Đức Phật vẫn phải tiếp chuyện với thập phương bá tánh, ban đêm còn phải giảng đạo cho hàng Chư Thiên và Càn Thát Bà nữa.

126. Cũng có các Vị Trời xuống thọ giáo với Đức Phật nữa sao?

Chúng sanh trong Tam giới còn ở trong vòng sanh tử luân hồi; Đức Phật là bậc siêu thoát khỏi Tam giới, nên Ngài là Thầy của chư Thiên và Nhân loại. Gặp thời kỳ Đức Phật ra đời, các Vị Trời có chánh kiến, đêm khuya thanh vắng thường xuống hầu Phật hỏi đạo, nên có nhiều Vị đắc Thánh quả.

Một đêm nọ, tại thạch động Indasàlà, Vua Trời Sakka (Đế Thích) và Chư Thiên trên cõi Đạo Lợi có xuống yết kiến Đức Phật và yêu cầu Ngài giải thích 42 điều hoài nghi. Sau khi được cởi mở hoài nghi, Vua Trời Sakka đắc Tu đà hườn Đạo Tuệ cùng một lượt với một muôn Vị trời trong đám tùy tùng của Ngài. Nhờ đắc quả Tu đà hườn Đạo Tuệ Vua Trời Đế Thích, vừa mãn kiếp, được hoá sanh trở lại ngôi vị cũ. Tích này rất dài có lợi ích cho người tìm chân lý, đã được trích dịch ra viết văn, tựa đề: Sakkapanha (Đế Thích vấn đạo), soạn

giả: Thông Kham (Bộ kinh Dighanikàya: Trường A Hàm; phẩm Mahàmagga).

H. Từ Rajagaha trở lại Savatthi

126. Đức Phật ở Rajagaha bao lâu và còn đi đâu nữa?

Lịch sử ít khi đề cập đến thời gian Đức Phật cư ngụ mỗi nơi là bao lâu. Từ Rajagaha, Ngài trở lại Savatthi.

127. Tại sao Đức Phật chỉ qua lại hai kinh thành Vương Xá và Xá Vệ mà không đi mở đạo nơi khác?

Rajagaha và Savatthi là hai trung tâm Phật giáo rất quan trọng. Vương Xá ở miền Nam, Xá Vệ thuộc về miền Tây Bắc, trong lưu vực phồn thịnh của sông Găng. Từ thành này qua thành kia, dĩ nhiên Đức Phật phải đi cả tháng và ghé nhiều thành nhỏ như Kusinara, Saketa... cùng nhiều làng mạc thôn quê, phổ độ dân chúng; vì không xảy ra việc chi đáng kể nên lịch sử không ghi chép. Và lại mỗi nơi ấy đều có các Vị Thánh Tăng lãnh nhiệm vụ Hoằng pháp, lâu lâu Đức Phật qua lại cũng như đi kinh lý.

128. Đức Phật đối đãi với các môn đệ của Ngài ra sao?

Đức Phật luôn luôn ân cần lo lắng cho các Thầy Tỳ kheo. Mỗi bữa vào xế chiều Ngài hội các Thầy lại, chỉ dạy đường lối tu hành, dìu dắt mọi người mạnh tiến trên đường giải thoát. Đối với các Thầy Tỳ kheo kiệt hạ ở phương xa, Đức Phật hằng có hai mối bận lòng: lo cho họ không hòa thuận với nhau và không được no ấm, bởi hai điều này là nguồn tai hại thường đe dọa những người sống chung chạ, nhàn rỗi, lại bám nhờ nơi đàn na tín thí. Ra hạ, các Thầy tìm đến vấn an Đức Phật; vừa gặp các Thầy, Ngài lắng xãng cật hỏi: "Các Thầy được an vui không? Các Thầy no đủ không? Các Thầy có hòa thuận nhau không? Có gây gổ nhau không? Có thiếu thốn vật thực không?" Tự thấy trách vụ lớn lao đối với hàng môn sinh, về phương diện vật chất lẫn tinh thần, Đức Phật hằng khuyến khích Tín đồ bỏ thí cúng dường đến các bậc tu trì giới đức, để hưởng lấy phước báu nhân thiên.

129. Đối với các Thầy Tỳ kheo có bệnh, Đức Phật làm sao?

Hàng cư sĩ không để cho Đức Phật bận lo về việc ấy. Tại Vương Xá, Vua Bimbisàra giao nhiệm vụ săn sóc Đức Phật và chư Tăng cho Ông Jivaka, vị ngự y đại tài của hoàng triều; tại Xá Vệ có Ông Cấp Cô Độc và

Bà Visakhà; ngoài ra còn nhiều Tín đồ sẵn lòng lo thuốc men cho Chư Tăng. Còn Đức Phật thì ít đau ốm.

130. Thầy Tỳ kheo đối với nhau trong lúc bệnh hoạn ra thế nào?

Các Thầy có phận sự kiểm thuốc giùm cho người có bệnh và nếu cần, họ phải thay phiên nhau chăm nom canh giữ ngày đêm cho đến khi lành mạnh. Nhưng đôi khi họ cũng quên phận sự của họ. Một bữa nọ tại Savatthi, Đức Phật và Đại đức Ananda, rảo bước trong vùng Tinh xá Cấp Cô Độc, Ngài gặp một vị Tỳ kheo Girimananda té nằm trên phân và nước tiểu, Ngài vội vã bước đến đỡ ông ấy và hỏi Đại đức Ananda đi xách nước; rồi hai Thầy trò xúm nhau tắm rửa sạch sẽ, khiêng Thầy để lên giường, thay y phục, an ủi và hỏi:

- "Thầy đau bệnh chi? Không ai săn sóc Thầy sao? Tại sao các Thầy Tỳ kheo không chăm nom giúp đỡ Thầy? "

- "Bạch Đức Thế Tôn, con đau cả tạng phủ, lại thêm kiệt lý. Chẳng có người bạn nào săn sóc con vì con đã không giúp ích họ."

Đức Phật liền triệu tập Tăng chúng lại quở trách và dạy rằng: "Này các Thầy, nơi đây các Thầy là người

không cha, không mẹ để chăm nom săn sóc các Thầy, nếu các Thầy không trợ giúp lẫn nhau, thì lấy ai nương nhờ trong khi đau ốm? Từ nay về sau, Thầy nào muốn ân cần săn sóc Như Lai, xin để tâm ân cần săn sóc các bạn mình trong cơn bệnh hoạn.”

131. Đức Phật có tâm Từ bi rộng lớn bao la, tại sao môn đệ của Ngài lại chẳng giống Ngài?

Trong Tăng chúng có hai hạng: Thánh Tăng và Phàm Tăng. Các Vị Thánh Tăng mới có tâm rộng lớn như Đức Phật. Các Ngài được phó thác trọng trách Hoảng pháp độ sanh, dĩ nhiên hàng Thanh văn La hán cũng chăm nom săn sóc môn đệ của các Ngài với tấm lòng Từ bi như Đức Phật. Trái lại, trong nhóm Phàm Tăng có rất ít người xuất gia với chí nguyện giải thoát, đại đa số là những người xuất thân từ giai cấp thấp thỏi, chưa cởi bỏ được tánh nết xấu xa; họ chỉ lợi dụng uy danh và đức độ khoan hồng của Đức Phật, xin nhập môn giữ đạo, vì hoàn cảnh cô độc, nghèo khó, tạm mang lột Tỳ kheo để làm kế nuôi mạng. Trong các bộ chú giải có nhiều tích chỉ cho thấy rằng xưa kia Đức Phật phải buộc lòng khiển trách các Thầy Tỳ kheo thiếu tư cách nhã nhặn, thiếu tiết độ liêm sĩ, thiếu nết na trinh khiết. Ngài hết sức ngăn cấm không cho họ nêu gương xấu, không cho họ xúc phạm đến phong

tục tập quán, đến tín ngưỡng cổ truyền của từng lớp dân chúng. Mỗi khi, vì hành động xấu xa của các Thầy Tỳ kheo, mà có sự chê bai, chỉ trích của người thế tục, Đức Phật nhóm họp chư Tăng để nghe Ngài xử phạt các Thầy đã làm mất thanh danh Tăng già và liền lúc ấy Ngài chế định điều luật răn cấm.

132. Phải chăng tại Giới luật nghiêm khắc mà ít người theo nôi?

Ngoài đời có pháp luật để duy trì an ninh trật tự cùng bảo tồn thuần phong mỹ tục, thì trong đạo cũng phải có Giới luật để diệt trừ tham sân tật đố tà mạng mê tín; như thế không thể gọi là nghiêm khắc. Không ai bắt buộc phải tu, nếu muốn tu, chẳng những phải nghiêm trì Giới luật trong đạo, mà cũng phải thừa hành luật pháp ngoài đời.

133. Có khi nào xảy ra những cuộc xung đột giữa các Thầy Tỳ kheo chẳng?

Sự xung đột không thể tránh được trong một đoàn thể bình đẳng đông người trình độ khác nhau. Ngoài các vị Thánh Tăng đã diệt tận Tham, Sân, Si và các vị Phạm Tăng chân chánh đương nông trang tu học, còn lại những Thầy Tỳ kheo chưa tẩy sạch được bợn trần; hoài nghi, biếng nhác, sân hận, buông lung theo điều

ác, dính mắc trong tình dục, xan tham, nguyện cầu, ganh gố, không hoan hỷ, không tri túc là hạng người còn mang những chứng bệnh trầm kha, dầu họ có học thức, nắm lòng kinh pháp của Đức Phật giảng giải hằng ngày, họ cũng chẳng khác nào như cái vá nằm trong nồi canh. Chân lý đối với họ không có giá trị bằng lợi dụng uy danh của Đức Phật và oai lực của bộ Cà sa để làm kế sinh nhai cấp thời.

Những sự gây gố, cãi vả là thường sự. Đức Phật hằng lo sợ họ nuôi mầm chia rẽ, lưu truyền gương xấu cho hậu thế, mà làm cho Phật Pháp phải suy đồi. Biết rằng đoàn kết là sống, chia rẽ là chết, nên Đức Phật khép tội chia rẽ vào bốn Ngõ nghịch đại tội:

- Giết cha
- Giết mẹ
- Hãm hại Phật
- Chia rẽ Tăng chúng.

Tội này sẽ đem lại kết quả thảm khốc trong đời hiện tại.

I. Từ Savatthi sang qua Kosambi

134. Có khi nào các Thầy Tỳ kheo tỏ thái độ vô lễ với Đức Phật chăng?

Lúc nạn Đức Phật cùng chư Tăng ngự đến Kosambi, kinh đô của Vua Udayana, thuộc dòng Vatsas, ở về hướng Tây xứ Magadha và hướng Nam xứ Kosala. Đức Thế Tôn và chư Tăng nhập hạ tại Tinh xá Ghosita. Trong hạ có một vị Tỳ kheo, một hôm nạn vào phòng tắm rửa xong, vô tình quên dọn quét và cũng quên xách nước châm thêm vào lu. Kế một vị khác, cũng bậc Thượng tọa như ông trước, vào tắm. Có lẽ vì thiếu nước nên ông này bất bình; thay vì đi ngay lại nhắc nhở người bạn của mình, ông đem câu chuyện ấy thuật với nhóm học trò của ông và bảo rằng ông kia phạm điều luật răn cấm của Đức Phật. Đám học trò này, ác nghiệt, đem câu chuyện thuật lại cho nhóm đồ đệ của ông kia nghe với giọng nhạo báng, khoe rằng Thầy mình là một vị đệ nhất Luật sư. Câu chuyện rất xoàng, trở thành quan trọng. Vì binh Thầy tỏ, bên nào cũng giành phần phải, sanh ra gây gỗ, la lối, cãi vả om sòm, cho đến thấu tai Đức Phật. Ngài vội vàng đến nơi, vừa đi vừa nói: "Thôi rồi, Tăng chúng đã chia rẽ." Xây qua nhóm của vị Luật sư, Đức Phật khuyên: "Các Thầy nên hoan hỷ tha thứ cho nhau đi." Dòm qua phía đối lập, Ngài dạy: "Các Thầy nên thành thật sám hối

với nhau đi.” Rồi Đức Phật phân giải cho đôi bên thấy rõ đặc tính cao thượng của bậc tu hành là khoan từ và dễ dạy; nhưng chẳng ai đếm xỉa đến Ngài. Đức Phật nhân nại thuật lại cho họ nghe một tiền tích rất cảm động, để chỉ rõ những tai hại về sự kết cấu oan trái, mà chúng sanh phải vay trả nhiều đời nhiều kiếp, do sự không tha thứ cho nhau, và khuyên họ biểu dương tinh thần khoan dung hòa thuận để làm gương cho Tín đồ. Lời vàng, tiếng ngọc của bậc Chí tôn không còn hiệu lực thức tỉnh các ông Tỳ kheo đương quên mình vì tự ái và danh dự của phe đảng. Chẳng những không biết phục thiện, họ còn cưỡng biện với Đức Phật bằng những lời mĩa mai vô lễ: "Bạch Đức Thế Tôn, bởi Đức Thế Tôn là bậc Giáo chủ, nên Ngài cần phải nhân nại. Vậy xin Ngài chẳng nên bận lòng, cứ tĩnh tọa an hưởng hạnh phúc; chúng tôi gây gỗ, cãi vả, xung đột, xin để chúng tôi chịu lấy trách nhiệm." Nghe qua mấy lời, Đức Phật tự nghĩ: "Kẻ ngu ngốc này đã lâm vào tình cảnh tuyệt vọng, hết còn biết phải quấy!" Rồi Ngài ôm bát vào rừng, sống với một con khỉ đột và một con voi chúa đoàn. Voi và khỉ cũng vì sự quấy rầy của bầy dã thú, chán nản tìm nơi thanh vắng tịnh cư an nhàn. Đồng một cảnh ngộ cô độc, như Vị chúa đoàn của loài người, voi và khỉ hết lòng săn sóc nuôi dưỡng

Đức Phật, để hưởng lấy sự mát mẻ an vui bên cạnh Ngài.

Hay tin các Thầy Tỳ kheo xung đột chia rẽ nhau vì một nhân nhỏ mọn, đã không vâng lời khuyên nhủ lại còn vô lễ với Đức Phật, Tín đồ Kosambi họp lại quyết định không bố thí vật thực cho các Thầy ấy nữa. Biện pháp cương quyết này làm cho các Thầy không còn sức lực để tranh chấp nhau nữa. Các Thầy phải xuống nước kêu gọi Tín đồ: "Chúng tôi đã ăn năn và hòa thuận nhau rồi; các ông, các bà nên hoan hỷ hộ độ chúng tôi cho qua ba tháng hạ này. Chúng tôi đói khát còn da bọc xương, các ông các bà đành bỏ chúng tôi chết đói hay sao?" Thấy vậy, thiện tín không nỡ làm lơ, trở lại hộ độ cầm chừng và ra điều kiện: "Các Thầy phải tìm cho được Đức Phật, sám hối tội lỗi và thỉnh Ngài trở lại, thì chúng tôi sẽ cung cấp đầy đủ vật thực như xưa." Túng thế, các Thầy yêu cầu Đại đức Ananda đi tìm thỉnh giùm Đức Phật trở về cho họ sám hối. Đại đức Ananda nói rằng Ngài không dám lãnh sứ mạng ấy; hơn nữa Ngài không được phép bỏ hạ ra đi, chờ mãn hạ sẽ hay. Các Thầy phải cam chịu mọi sự thiếu thốn; xanh xao, ốm gầy, trông cho mau hết mùa hạ đặng đi tìm Đức Phật.

Tiếng đồn đến thành Savatthi, Ông Anathapindika (Cấp Cô Độc) và Bà Visakhà nóng lòng lo sợ cho Đức Phật phải sống khổ cực trong rừng. Vừa ra hạ, Ông Cấp Cô Độc và Bà Visakhà thỉnh Chư Tăng nhập hạ tại Kỳ Viên cấp tốc lên đường sang qua thành Kosambi, hiệp cùng Đại Đức Ananda tìm thỉnh Đức Phật về Savatthi. Một phái đoàn 500 vị Tỳ kheo đến Kosambi đi cùng Đại Đức Ananda tìm gặp Đức Phật ở giữa rừng. Hỏi lại thì trong hạ, Đức Phật nhờ con voi chúa đoàn và một con khỉ cung cấp đủ loại trái cây và mật ong, nên Ngài vẫn khỏe mạnh. Đại Đức Ananda chuyển lời thỉnh cầu của Ông Cấp Cô Độc và Bà Visakhà lên Đức Phật. Khi Đức Phật ra đi, voi chúa đoàn và con khỉ tỏ vẻ buồn rầu, đứng ra cản đường, ra dấu yêu cầu Đức Phật ở lại. Đức Phật vuốt ve an ủi chúng nó an phận ở rừng và Ngài cũng không thể đem chúng nó theo Ngài từ xứ này sang xứ nọ. Ra tới mé rừng, Đức Phật an ủi chúng nó một lần nữa, bảo rằng vì mang lột thú, chúng nó không thể sống chung chạ với loài người, khuyên chúng nó trở lại. Hai con thú buộc lòng từ biệt Đức Phật và hết sức đau khổ vì cảnh chia lìa nên ngã ra chết rục giữa rừng.

Hai thế kỷ sau, Hoàng đế Asoka (A Dục) đến chiêm bái chỗ Đức Phật chung sống với voi và khỉ và có cho

xây một trụ đá kỷ niệm, trên ấy có khắc chiếu chỉ nghiêm cấm sự chia rẽ trong Tăng già.

J. Từ Kosambi trở lại Savatthi

135. Ra khỏi rừng, Đức Phật và Chư Tăng có trở lại Kosambi không?

Đức Phật và đoàn tùy tùng trực chỉ về Savatthi vì có lời thỉnh cầu của Ông Cấp Cô Độc và Bà Visakhà.

136. Các Thầy Tỳ kheo ở Kosambi tính sao?

Hay tin Đức Phật ngự về Savatthi, các Thầy liền lên đường đến đó, để xin sám hối tội lỗi.

Nghe vậy, Đức Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) vào Kỳ Viên Tinh xá yết kiến Đức Phật và bạch rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, Trẫm nhất định cấm các Thầy Tỳ kheo đã phạm tội chia rẽ và vô lễ với Đức Thế Tôn tại Kosambi, để chân vào lãnh thổ Kosala của Trẫm, xin Đức Thế Tôn biết cho." Đức Phật can gián: "Tâu Đại Vương, các Thầy ấy đã biết lỗi, ăn năn, Đại Vương nên rộng lượng cho họ đến đây sám hối với Như Lai."

Nghe lời Từ bi khoan hồng của Đức Phật, Vua Pasenadi cảm động, vâng lời.

137. Thái độ của Tín đồ Savatthi đối với các Thầy ấy ra sao?

Khi các Thầy đến trước cổng Kỳ Viên Tinh xá, người gác cổng, khoá cổng không cho vào vì có lệnh của Ông Cấp Cô Độc. Đức Phật hay tin cho mời Ông Cấp Cô Độc đến khuyên lơn: "Này Ông Trưởng giả, các Thầy Tỳ kheo xứ Kosambi đã lỡ làm gây ra tội lỗi, nay họ đã ăn năn cải hóa, Ông cũng nên hoan hỷ cho họ vào gặp Như Lai, để họ sám hối."

Không dám cãi lời Đức Phật, Trưởng giả Cấp Cô Độc buộc lòng cho họ vào; nhưng khi các Thầy Tỳ kheo Kosambi vừa đến thêm cửa, thiện nam tín nữ giả vờ rộ lên hỏi: "Bạch Đức Thế Tôn, những Thầy Tỳ kheo nào ngoan ngoan, vô lễ với Đức Thế Tôn và đã chủ trương sự chia rẽ Tăng chúng tại Kosambi, xin Đức Thế Tôn hoan hỷ giới thiệu cho chúng con biết với."

Đức Phật trở tay chỉ ra cửa: "Đó, các Thầy đang bước vào đó."

Các Thầy tủi nhục, không dám ngược mặt lên, ríu ríu vào lạy dưới chân Đức Phật, tỏ lời thiết tha xin ân xá tội lỗi. Đức Phật vui vẻ tha thứ và để lời phủ vạ: "Các Thầy, từ nay phải cố gắng trau giồi hạnh kiểm, trước tỏ ra xứng đáng với lòng sùng mộ của hàng thiện nam

tín nữ, sau chuyên lo tu học, để mạnh tiến trên đường Giác ngộ.”

Tín đồ xâm xì: "Họ báo hại cho Đức Cha lành của chúng mình phải liên đới chịu mọi sự thiếu thốn trong hạ này; chẳng thấy Ngài để lời quở trách, lại còn nhỏ nhẹ an ủi. Cao cả thay lòng Từ bi vô lượng của Bạc Chí Tôn.”

138. Đức Phật còn tại tiền mà có những Thầy Tỳ kheo quá quắt như vậy; nhờ đâu mà Phật Pháp còn tồn tại tới ngày nay?

Sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, Phật Pháp còn tồn tại tới nay, trước nhờ ảnh hưởng của các vị Thánh Tăng, ẩn dật nơi rừng núi, duy trì đạo quả Tứ Thánh và các vị Chân tu nơi chùa chiền, sau nhờ sự sáng suốt và tâm nhiệt thành của các nhà lãnh đạo, kể đó nhờ số Tín đồ chánh kiến. Nơi nào không có hai hạng Tín đồ hộ pháp như Đức Vua Pasenadi, như Ông Trưởng giả Anathapindika, như Bà tín nữ Visakhà, kế tiếp như hàng thiện tín chùa Kosambi và chùa Jetavana, thì nơi ấy không còn Thánh Tăng và cũng không còn Chánh Pháp.

Khi con người đã xuống dốc tội lỗi rồi, tâm của họ hết rung động trước lời thức tỉnh chân chánh của Đức

Phật. Đối với họ phải dùng biện pháp cứng rắn như các vị thiện nam tín nữ ở Kosambi và Savatthi, mới có thể đem họ trở lại lẽ phải.

Bài học ở Kosambi cho thấy rằng, dầu trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, hoặc trong những thế hệ hậu lai, những người gánh vai trò quan trọng trong sự duy trì Chánh Pháp, là hàng Tín đồ chân chánh, dám hy sinh và bất chấp dư luận tà vạy, cương quyết thực hành đúng theo lẽ phải.

139. Hành động cứng rắn quá đối với các Thầy Tỷ kheo, sợ e mang tội chăng?

Hành động theo lẽ phải, để đánh thức kẻ mê lầm, trở về với Chánh Pháp, sao gọi là cứng rắn, là tội lỗi?

Cương quyết bỏ đói và làm cho hổ thẹn các phần tử ngỗ nghịch, không kỷ luật, không hạnh kiểm, cố tâm gây mầm chia rẽ, các Ông thiện nam xứ Kosambi và Savatthi đã giúp một cách đắc lực Đức Phật cứu vớt họ khỏi vòng đọa lạc; ấy là thi ân cho họ, là bảo tồn Phật Pháp. Đây là một bài học đáng ghi nhớ cho toàn thể Phật giáo đồ.

Ngày nay, những Tín đồ nào cương quyết bài trừ hành động xấu xa của các Thầy Tỷ kheo, đều bị các Thầy

khép vào tội: khi Tăng, dứt Qui, phá Đạo. Bài trừ tật xấu để nâng cao giá trị Tăng già là có tội, người Phật tử nghĩ sao, trước những lời hăm dọa ngông nghênh ấy? Không lẽ vì sợ tội mà phải xúm nhau cung cấp đủ mọi nhu cầu cho các Thầy Tỳ kheo giả dối, ngụy thiện, ích kỷ, không kiêng nể Giới luật, không ghê sợ tội lỗi; giúp đủ phương tiện cho người bất chánh tự do thao túng, lập phe chia đảng, tranh dành địa vị, nuôi mộng lập giáo?

So sánh lại hai cách hành động kể trên, rồi mới thấy rõ ai là kẻ mang tội: khi Tăng, dứt Qui, phá Đạo.

K. Từ Savatthi sang qua Rajagaha

140. Ở Savatthi lâu ngày, Đức Phật tính đi đâu?

Đức Phật trở lại Rajagaha, vì có tin bất tường thấu đến tai Ngài.

141. Tin chi mà gọi là bất tường?

Tại Rajagaha, là nơi Đức Phật lập nền tảng vững chắc cho Đạo của Ngài, nhờ Vua Bimbisara hết lòng ủng hộ. Nhưng lâu ngày phải có sự thay đổi; vì một tiền nghiệp ác nghiệt của chúng sanh, mà Đức Phật phải cam chịu mất người hộ pháp nhiệt thành; Vua Tần Bà Sa đã bị Hoàng tử Ajàtasatta (A Xà Thế) đoạt ngôi, hạ

ngục và bỏ đói đến chết. Tội giết cha làm cho Hoàng tử trở thành kẻ thù địch với Đức Phật. Người bình can cho Hoàng tử A Xà Thế giết Vua cha là một Thầy Tỳ kheo trong Giáo hội. Kẻ ác độc này cố ý mượn tay Hoàng tử A Xà Thế thủ tiêu Vua Tần Bà Sa, để mưu toan cướp Ngôi Giáo chủ của Đức Phật. Khi tước vị Đế vương rồi, vua A Xà Thế dùng uy quyền ủng hộ Thầy nọ thi hành thủ đoạn dã man của Thầy. Trong triều đình, ai lộ vẻ tin tưởng Đức Phật đều bị tử hình. Ông Ngự y Jivaka nhiệt thành sùng mộ Đức Phật, cũng phải ôm lòng nín chịu.

Đấng Từ bi Vô lượng, đã từng ném đủ mùi cay đắng trên đường thực hiện các pháp Ba la mật và biết rằng nợ oan trái của chúng sanh phải vay trả là thường, nên Ngài thản nhiên đón rước nghịch cảnh.

Thầy Tỳ kheo ác độc đương ngấm ngấm hãm hại Đức Phật, chính là Thầy Devadatta (Đề Bà Đạt Đa), anh ruột của Công chúa Yasodhara (Da Du Đà La). Thầy quen tánh kiêu căng, mục hạ vô nhân, đầy tham vọng, nặng mang chứng bệnh trầm kha rất phổ thông và nguy hiểm, là bệnh Ái dục, mặc dầu Thầy đã đắc Tứ Thiên và các pháp thần thông. Thầy chỉ thua Đức Phật vài ba tướng tốt; về giai cấp xã hội, Thầy cũng ngang hàng với Đức Phật; Thầy cũng được Tín đồ tôn kính.

Vì đó Thầy xin Đức Phật để cho Thầy thay thế chương quản Giáo hội Tăng già. Đức Phật không thể làm vừa lòng Thầy. Ngài đã không tính phó thác trọng trách ấy cho hai vị đại đệ tử xứng đáng là Đại đức Sariputa (Xá Lợi Phất) và Moggalàna (Mục kiên Liên), thì lẽ nào Ngài lại khứng giao quyền bính cán chur Tăng cho một người mà Ngài dư biết có tánh đê tiện tạt đổ như Đề Bà Đạt Đa.

Không được toại nguyện, Thầy Devadatta tìm chiến lược khác. Trong Tăng già có nhiều Thầy Tỳ kheo còn tin tưởng nơi hiệu lực của lối tu khổ hạnh. Thầy Devadatta thấu hiểu tâm lý ấy thường khen tặng cách tu hành của phái Lục Sư và chỉ trích thuyết trung đạo của Đức Phật. Nhờ tài giả dối ngụy thiện, Thầy Devadatta chinh phục được một số người và lập ra một nhóm gọi là nhóm "Thanh nghiêm tu sĩ."

Ngày nọ, giữa Đại hội, Thầy Devadatta, nhân danh nhóm Thanh nghiêm tu sĩ, đứng ra yêu cầu Đức Phật tái lập thủ tục khổ hạnh cổ truyền, bắt buộc các Thầy Tỳ kheo, từ nay về sau phải: ăn dật nơi thanh vắng, đi xin ăn mỗi ngày, mặc y bằng giẻ rách chằm vá, ở nơi không che lợp và kiêng cử thịt cá.

Là người yêu chuộng tự do chủ nghĩa, Đức Phật nhất quyết để cho các Thầy Tỷ kheo tùy thích áp dụng cùng không năm qui tắc của Thầy Devadatta đề nghị.

Thầy Devadatta cũng chưa chịu thua. Nhờ một đồ đệ đầy tham vọng lại có tánh sàm báng, tên Kokàlika, giúp sức, lợi dụng sự từ khước của Đức Phật, khoe khoang với mọi người rằng Thầy Devadatta là người chính túc nghiêm trang; nhờ đó Thầy dụ dỗ được 500 người từ Vesali mới đến, vừa được Đức Phật cho phép xuất gia. Hay tin các vị Tỷ kheo này cuốn gói theo Thầy Devadatta. Đức Phật phái hai vị Đại đệ tử Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đến thuyết phục họ. Nhận rõ mình là bầy chiên đi lạc, họ kéo nhau trở về với Đức Phật.

Devadatta càng tức giận thêm, nhất định phải hạ sát cho được Đức Phật. Thầy liền vào kể lễ công ơn với Vua A Xà Thế và xin giúp thế lực cho Thầy chiếm đoạt ngôi vị của Đức Phật. Được sự ủng hộ của nhà vua, Thầy Devadatta tổ chức liên tiếp ba cuộc mưu sát Đức Phật. Đầu tiên Thầy mượn bọn côn đồ thích khách Đức Phật. Nhưng khi bọn ấy đến nơi bị Đức Phật bắt gặp và đem lời đạo đức thức tỉnh; chúng nó liền bỏ gươm đao mọp lạy, xin xuất gia theo Phật.

Kể đó Thầy Devadatta chực đón Đức Phật trên đường lên núi Kỳ Xà Quật, xeo một tảng đá to lớn, từ trên chót núi lăn xuống cho nát thây. Rất may, chỉ có một mảnh đá nhỏ va chạm nhằm bàn chân Đức Phật, làm cho rướm máu.

Đến lượt thứ ba, Thầy Devadatta cho thả voi Nalagiri, là một con voi hung dữ đệ nhất của Vua A Xà Thế, đón chà đạp Đức Phật, giữa lúc Ngài đi trì bình trong thành Vương Xá (Rajagaha). Voi này được phục rượu cho hăng thêm, vừa gặp Đức Phật nó ngóng vòi, vảnh tai, cong đuôi, xốc tới. Mọi người kinh hải chạy trốn, kêu réo Đức Phật, bảo Ngài mau mau tạm lánh trong một nhà kế cận. Đức Phật thản nhiên đi tới và rải tâm Từ bi cho voi. Con vật hung ác này liền tỉnh trí, mọp quì dưới chân Đức Phật, chịu cho Ngài vuốt tay lên trán, như rước lấy pháp qui y tế độ, để rồi từ đó trở nên hiền lành; về sau có câu phương ngôn:

Người ta chế ngự loài voi,

Bằng cày, bằng móc, bằng roi, bằng xiềng;

Tay không khí giới, thản nhiên,

Đức Phật chỉ lấy Đức hiền thắng voi.

Lúc ấy chỉ có Đức Phật thấu rõ mưu sâu kế độc của Thầy Devadatta. Ngài không nói ra và Ngài cũng biết kẻ thù của Ngài chưa chịu dừng bước trên đường tội lỗi. Ngài thương hại Devadatta, nhưng chẳng biết làm sao cứu rỗi Thầy, vì tham vọng mà Thầy quá đỗi si mê cuồng nhiệt.

142. Tại sao Đức Phật cảm hoá được bọn côn đồ đến thích khách Ngài và voi Nalagiri, mà Ngài không độ được Thầy Devadatta, là vị Thầy tu đã đắc tứ Thiên và các phép thần thông?

Trường hợp của bọn côn đồ và voi Nalagiri khác với cảnh ngộ của Thầy Devadatta. Bọn côn đồ không có ác tâm giết Đức Phật, họ chỉ vì tiền bạc thôi. Voi Nalagiri có thú tánh hung dữ, gặp ai giết nấy, không phải cố tâm thù oán Đức Phật. Thầy Devadatta tham lam vô độ, cố ý thủ tiêu Đức Phật, để đoạt ngôi giáo chủ, như Hoàng tử A Xà Thế cũng vì ngôi vua mà nở lòng giết cha.

Ác tâm của Thầy Devadatta, của Vua A Xà Thế, làm cho họ si mê, không phân biệt phải quấy, không ghê sợ tội lỗi, nên những lời đạo đức không có năng lực cảm hóa họ được.

Thầy Devadatta, mặc dầu nhờ Đức Phật chỉ dạy đường lối tu hành, đắc được tứ Thiên và các pháp thần thông; nhưng còn nặng mang bầm tính sâu độc, Thầy không chứng Tuệ giác để diệt tận Tham, Sân, Si, cùng các ác pháp trầm nịch ẩn khuất trong tiềm thức. Khi ác tâm của Thầy phát khởi, thì Thiên định của Thầy đã đứt mất, các pháp thần thông cũng tiêu ma. Đã không tự tỉnh ăn năn, lại còn muốn sánh với Đức Phật, muốn làm Thầy các bậc phàm Tăng và Thánh Tăng. Bên trong có bọn tà sư ca tụng kích thích, bên ngoài có nhóm mê tín sùng bái cúng dường, nên càng ngày Thầy càng đi sâu vào đường tội lỗi.

Sẵn tánh tự đắc ngã mạn, Thầy Devadatta thấy sự tu hành được phát triển tốt đẹp, càng hãnh diện tự cao, làm tưởng rằng không ai bằng mình; chẳng dè tâm xấu xa ấy là nhân che lấp con đường Niết bàn và cũng là nhân thiêu hủy những kết quả của Thầy đã gieo trồng. Không tìm trở lại được những pháp lành trong Thiên định, các pháp thần thông cũng không còn linh nghiệm, Thầy Devadatta đã trở thành người thất vọng cuồng si. Càng thất bại trong mưu mô chia rẽ Tăng chúng và hãm hại Đức Phật, tâm của Thầy càng ác độc thêm lên.

Do đó, có tục truyền rằng Thầy Devadatta có kết oan trái với Đức Phật từ khi còn làm vị Bồ tát trong vô lượng tiền kiếp và trong các kiếp luân hồi, mỗi oan trái ấy càng tăng bồi thêm mãi, vì mỗi khi Thầy Devadatta ra tay rửa thù, thì Bồ tát sẵn có phước báu Ba la mật che chở được bình yên vô sự. Vì đó mà Thầy Devadatta căm hận, nhất nguyện phải trả thù cho được mới thôi. Ác ý sâu độc ấy đưa đẩy hai bên gặp nhau trong mỗi kiếp. Đến kiếp cuối cùng, mối thù của Thầy Devadatta đã biểu lộ từ thuở thiếu niên, trong những lúc chơi đùa trưng giỡn, đến những buổi tập luyện võ nghệ với Hoàng tử Sĩ Đạt Ta. Một đảng thì khoan dung hỷ xả, đảng khác tiểu mọn cố chấp, càng thận trọng nhau, mối thù càng thêm nguy hiểm.

L. Từ Rajagaha Đức Phật trở lại Savatthi

143. Thầy Devadatta còn tính hại Đức Phật bằng cách nào nữa?

Thất bại trong ba cuộc mưu sát Đức Phật, Thầy Devadatta còn tìm kế hoạch khác. Lúc ấy Đức Phật lên đường trở qua Savatthi (Xá Vệ), cư ngụ tại Tinh xá của Ông Cấp Cô Độc.

Mưu kế sắp đặt xong, Thầy Devadatta và Thầy Lokàlika theo qua Xá Vệ, giả bộ ăn năn, đi tìm Đức

Phật để sám hối, chờ lúc vào mọp lạy, với móng tay tằm thuốc độc, sẽ quào cho rách chân Đức Phật. Mưu chước sâu độc của kẻ tiểu nhân, muốn tiêu diệt một bậc Chánh đẳng Chánh giác không dễ gì thành tựu được.

Hay tin Thầy Devadatta đã hồi đầu hướng thiện, đến xin yết kiến Đức Phật để sám hối tội lỗi, ai ai cũng hoan hỷ, mong từ nay trong nội bộ Tăng già sẽ được yên vui hòa thuận. Chẳng dè một chập sau có tin báo cáo rằng hai Thầy trò của Thầy Devadatta vừa bị đất sụp chôn thây dưới vực thẳm. Nghiệp lực nặng nề đã đến lúc phát hiện, để lôi kéo kẻ hiểm độc đi đến tội trong muôn đời.

Trải qua 25 thế kỷ, dưới sức tàn phá của thời gian, chùa Kỳ Viên của Ông Cấp Cô Độc hiện nay chỉ còn chút ít nền gạch để làm di tích, trái lại cái hố sâu đã vùi thân Thầy trò Devadatta dưới tro bụi vẫn còn nguyên vẹn; dường như tạo vật muốn cho thập phương du khách, trong các thế hệ về sau, đem cái bản án về ba cái trọng tội của Thầy Devadatta (xúi Thái tử A Xà Thế giết cha đoạt ngôi, chia rẽ Tăng chúng, hãm hại Đức Phật) nêu lên sách vở, hầu cảnh tỉnh các Thầy Tỳ kheo trong bốn phương vũ trụ, chẳng nên nuôi

mộng lập giáo, làm tổ sư để thống trị Tăng đồ và Tín đồ.

144. Hành động xấu xa của Thầy Devadatta có gây ảnh hưởng chi trong Phật giáo chăng?

Ảnh hưởng của Thầy Devadatta được nhiều nơi hấp thụ và lưu truyền, cho nên khi Thầy Pháp Hiển (thế kỷ thứ bảy) sang Ấn Độ còn gặp trong hai miền thượng và hạ lưu sông Găng nhiều nhóm trung thành với chủ nghĩa Thanh nghiêm của Thầy Devadatta và bỏ Phật Thích Ca, thờ Phật quá khứ. Do khởi nguyên thờ phượng trái lý và chủ nghĩa Thanh nghiêm ấy mà nảy sinh ra nhiều loại kinh sách không thích hợp với tôn chỉ của Đức Phật Thích Ca.

145. Đức Phật là bậc Tuệ giác Viên Minh, có sao Ngài cho bọn hung ác vào hàng ngũ Tăng già làm chi cho chúng âm mưu phản bội và cũng không thấy Ngài dùng biện pháp nào để ngăn ngừa?

Đức Phật, thấu rõ quá khứ hiện tại vị lai, thông suốt ba giới bốn loài, biết trước sẽ có nhiều chướng ngại trong sự hoằng dương đạo giáo của Ngài, do oan trái của chúng sanh tạo ra những nghiệp lực không thể tránh được. Bởi thế, trước khi rời khỏi rừng Uruvela, Ngài đã xem xét đủ mọi khuynh hướng tín ngưỡng của dân

chúng, cân phân lợi hại và lập một chương trình châu du khai đạo. Cửa chân lý đã rộng mở cho người hữu duyên, nhưng chẳng vì đó mà không đón tiếp kẻ bạc phước. Dầu vô duyên xấu phước mà biết phân biệt chánh tà, ghê sợ tội lỗi, cũng có thể tiến đến nơi Giác ngộ.

Đức Phật thường tuyên bố rằng Ngài chỉ là người hướng đạo dẫn đường, không có quyền năng sửa đổi luật Nhân quả để cứu vớt những kẻ gây nhân tạo nghiệp, dầu cho kẻ ấy là môn sinh hay thân nhân quyến thuộc của Ngài.

Những biện pháp để ngăn ngừa các Thầy Tỳ kheo hư hỏng là những điều răn cấm trong Giới bốn, nhưng chỉ có một số ít người tu hành chân chánh tuân theo.

146. Người ta thường nói xuất gia để gieo duyên Niết bàn là nghĩa sao?

Đây là nói về những bậc xuất gia có chí nguyện giải thoát. Trọn đời nghiêm trì Giới luật, tinh tấn tu hành, nếu kiếp này chưa đắc đạo quả tứ Thánh, cũng là một đoạn đường tiến lần đến mục đích cứu cánh. Nhờ nền tảng sẵn tạo ấy, trong các kiếp vị lai mới nhớ được mà tiếp tục xây dựng thêm mãi mãi, cho đến khi đạo đầy quả đủ, gặp Phật khai sáng, chứng ngộ chân lý. Như

thể gọi là gieo duyên Niết bàn. Nhưng nói thì dễ, mà làm thật rất khó. Bởi nói dễ, nên có nhiều người xuất gia. Bởi làm khó, nên không có người đắc đạo.

Có kẻ lại làm hiểu rằng miễn là xuất gia có đủ y bát có sắc tướng Tỳ kheo, là gieo duyên Niết bàn.

Xuất gia cho có cái dạng bề ngoài là một việc mà ai ai cũng làm được; nhưng chí nguyện giải thoát, tu hành chân chánh, là một điều rất cao thượng mà hàng thức giả không dám liều lĩnh nghe theo những lời rủ ren ngọt ngào, khi họ chưa làm chủ được tâm họ, nhất là khi họ chưa gặp được bậc giới đức để làm nơi nương nhờ. Cạo đầu mặc áo cà sa, làm Thầy Tỳ kheo, ăn không ngồi rồi, hưởng của thập phương bá tánh, mà không cố gắng tu hành cho xứng đáng với sự cúng dường của thí chủ, tâm còn quyền luyến theo trần tục, tham danh trục lợi, muốn có đệ tử cho nhiều, muốn gây dựng chùa chiền cho đồ sộ, nếu chẳng phải với mục đích lợi dụng Phật Pháp để khuếch trương sự nghiệp, thì cũng không đúng với đường lối giải thoát. Như thế không phải là gieo duyên Niết bàn, mà chính đó là mở nẻo đi đến nơi đọa lạc.

147. Còn những người nào đã gieo duyên Niết bàn, được Đức Phật tế độ như Angulimàla chẳng?

Trọn 45 năm châu du hoằng pháp, Đức Phật tế độ toàn những người có gieo duyên Niết bàn ít nhiều. Những người ấy thường gọi là người hữu duyên được tế độ.

Trong hạ thứ 16, nhằm lúc Đức Phật ngự tại Tinh xá Cấp Cô Độc (Savitthi), có chỗ nói tại xứ Lichavi. Ngài soi thiên nhãn biết nơi xứ Alavi (không biết thuộc về hướng nào) một đứa trẻ con sắp bị một con Dạ xoa (Chàng tinh) ăn thịt. Đứa trẻ ấy là Hoàng tử Alavi có duyên đặc quả A na hàm; con Dạ xoa tên Alavaka, lại cũng có duyên đặc quả Tư đà hàm. Nếu Đức Phật không thân hành đến tế độ kịp thời, thì hai chúng sanh ấy mất cơ hội giải thoát và cũng nhờ duyên lành của họ sẵn có, nên đúng thời giờ, nhân duyên đưa đẩy họ gặp Đức Phật.

Số là 12 năm về trước, Vua xứ Alavi, trong một cuộc săn bắn, vì mê rượt thịt, lạc vào rừng sâu, bị Dạ xoa Alavaka bắt, tính ăn thịt. Đức vua yêu cầu xin tha và hứa mỗi ngày sai quân lính dẫn đến nạp cho một người và một mâm cơm, để chuộc mạng. Dạ xoa bằng lòng cho về, Vua trọng lời hứa, ban đầu bắt tù tử hình đem nạp, lần lần tới trọng tội, nhẹ tội. Tiếng đồn không còn ai dám phạm tội, khám đường bỏ trống. Vua ra lệnh bắt những người già cả, kể đến con nít nhỏ. Dân chúng sợ hãi, bé con trốn ra khỏi xứ; chỉ còn

Hoàng tử Alavì là trẻ con; vua phải đành chịu cho quân lính dẫn con đem nộp cho Dạ xoa.

Trước khi Hoàng tử Alavĩ bị đưa tới chỗ chết, Đức Phật thân hành đến tận nơi lâu đài của Dạ xoa. Thừa lúc Dạ xoa vắng mặt, Đức Phật vào thẳng bên trong, ngồi chờ giữa nhà. Dạ xoa trở về gặp một Ông Sa môn liền lĩnh đến nộp thịt, lại còn cả gan chiếm chỗ ngồi của mình, liền hóa phép bắt Đức Phật; nhưng Đức Phật vẫn ngồi bình yên. Dạ xoa tức giận đem hết phép tắt ra chiến đấu với Đức Phật; nào là binh ma tướng quỷ, mưa đá, mưa tro, mưa lửa, Đức Phật thản nhiên ngồi xem, chẳng một phép nào va chạm đến Ngài. Hết phép rồi, Dạ xoa nghĩ rằng Ông Sa môn này ắt có tu pháp nhẫn nhục cao siêu, nên khó bề thắng nổi. Dạ xoa định thí nghiệm pháp nhẫn nhục của Đức Phật, nên kêu bảo rằng: "Sa môn kia, ngươi phải đi ra khỏi chỗ này." Đức Phật đứng dậy đi ra. Dạ xoa kêu: "Sa môn kia, ngươi hãy trở vô." Đức Phật trở vô. Ra vô ba lượt, đến lượt thứ tư, Đức Phật nhất định không ra và bảo Dạ xoa: "Ngươi còn phép nào đem ra thử nữa đi; nếu Như Lai thua. Như Lai mới đi ra."

Vô phương thắng Đức Phật, Dạ xoa đem lòng cảm phục, dùng lời nhỏ nhẹ, đem những câu phương ngôn của ông cha truyền lại, nhờ Đức Phật trả lời, để nhóng

xem Trí tuệ của Ngài: "Này Ông Sa môn, nếu Ông trả lời đúng lý những câu hỏi của tôi, tôi sẽ cảm phục ông:

1. Cái chi là của quý báu nhất trên thế gian?
2. Cái chi đem lại sự an vui hơn hết?
3. Cái chi có mùi vị ngon lành hơn hết?
4. Sống cách nào mới gọi là sống cao thượng hơn hết?"

Đức Phật đáp:

1. Đức tin là của quý báu nhất trong đời.
2. Thiện pháp đem lại an vui hơn hết.
3. Lời nói chân thật có mùi vị ngon hơn hết.
4. Sống bằng Trí tuệ là sống cao thượng hơn hết."

Dạ xoa thỏa mãn, yêu cầu Đức Phật giảng đạo cho nghe; rồi xin qui y thọ giới.

Sáng ngày, quân lính đem Hoàng tử Alavi nạp cho Dạ xoa. Vì đã qui y thọ giới nguyện làm tôi Đức Phật, Dạ xoa không còn ăn thịt người nữa; nên bồng Hoàng tử trao cho Đức Phật, yêu cầu Ngài giao trả lại cho đức

Vua. Từ đó, Hoàng tử có cái biệt hiệu là Hattaka Alavaka, nghĩa là người được Dạ xoa Alavaka ẵm trên tay, trao trả lại cho Đức Phật.

Dạ xoa bắt đầu tu hành theo Chánh Pháp, chẳng bao lâu đắc quả Tư đà hàm. Hoàng tử lớn lên xuất gia đầu Phật, tu đắc A na hàm đạo quả.

M. Đức Phật Ngự Đến Vesali

149. Đức Phật còn ngự đến xứ nào khác chăng?

Một đoạn lịch sử nói về cuộc châu du của Đức Phật tại xứ Licchavi, nhưng không ghi rõ vào thời kỳ nào. Xứ Licchavi ở vào hướng Bắc xứ Magadha, thuộc quyền cai trị của nhiều vị Tiểu vương; kinh đô là thành Vesali (Tỳ Da Ly), nằm trên tả ngạn sông Găng (bên hữu ngạn là thành Pataliputta, kinh đô mới của xứ Magadha), rất giàu có thanh mậu. Nơi đây hiện giờ còn nhiều di tích của Đức Phật, nhất là thạch trụ của vua A Dục.

Tục truyền rằng trong kiếp chót, tiền thân của Đức Phật đã sanh trưởng tại Vesali và Bồ tát có thọ giáo với Thầy Đạo sĩ Aràdà Kàlàma. Kiếp này, sau khi thành Phật, Ngài được thỉnh đến Vesali tẩy trừ một bệnh dịch khí đã giết hại rất nhiều dân chúng. Thuở

ấy, cũng như hiện giờ ở khắp thôn quê, ôn binh tà quái là vi trùng của bệnh dịch. Khi Đức Phật được thỉnh đến Vesali, Ngài sai Đại Đức Ananda tới trước, trón ba canh, đi ba vòng thành, tụng Ân đức của Phật Pháp Tăng, cho Chư Thiên và dân chúng phát tâm trong sạch, hướng về Ba Ngôi quý báu, cải ác tùng thiện, đem lòng Từ bi thương xót lẫn nhau. Nhờ oai lực Tam Bảo và lòng từ thiện phát sanh trong từng lớp dân chúng mà thành Vesali trở lại bình an và phồn thịnh như xưa.

Để tỏ lòng sùng kính Đức Phật, các vị Tiểu vương xứ Licchavi dâng cho Ngài một vuông rừng, nằm về hướng Bắc thành Vesali. Chính nơi đây Bà kế mẫu Gotami của Đức Phật đến yêu cầu nhiều lượt xin cho hàng phụ nữ xuất gia làm Tỳ kheo ni. Cũng tại Vesali, Bà đắc Đạo Quả A la hán và Niết bàn.

Theo lịch sử, Đức Phật đến viếng Vesali hai lượt.

Thuở ấy, tại thành này có nàng kỳ nữ tên Ambapàli, đẹp đẽ, yêu kiều, màu da tuyệt mỹ, có thiên tài về ca xướng nhạc vũ, khiến cho hàng Vương tôn Công tử tứ phương đến tìm mua vui với nàng. Chính nhờ nàng mà thành Vesali càng ngày trở nên hào hoa lộng lẫy.

Các vị Tiểu vương Licchavi tướng mạo oai phong lắm liệt ăn mặc rất sang trọng; bọn tùy tùng cũng vận sắc phục lộng lẫy.

Mỗi khi các Vị Tiểu vương Vesali đến yết kiến Đức Phật, từ xa thấy họ đến, Ngài thường nói với các vị Tỷ kheo: "Thầy nào chưa từng thấy 33 Vị Trời ở cung Đạo Lợi, nên dòm các vị Tiểu vương kia kìa." Các Vị Tiểu vương này và nàng Ambapàli thường tranh nhau thỉnh Đức Phật về nhà thọ thực. Ngày nọ, nàng Ambapàli đến thỉnh Đức Phật, trên đường về gặp xe giá các vị Tiểu vương, nàng khoe rằng: "Tâu cùng Chư Đại Vương, thiếp rất hân hạnh được Đức Thế Tôn và Chư Tăng nhậm lời ngày mai đến thọ trai tăng tại tỳ xá."

Các Vị Tiểu vương cũng tính vào Tỳ Xá thỉnh Đức Phật, nghe vậy mới đề nghị rằng:

- "Này cô Ambapàli, cô nhường buổi trai tăng ấy cho chúng tôi đi; chúng tôi sẽ chịu cho cô 1.000 đồng."

Nàng Ambapàli đáp lại:

- "Xin Quý Ngài tha thứ cho, dầu Quý Ngài cho trọn cả thành Vesali, thiếp cũng không thể hồi bữa trai tăng ấy để nhường lại cho Quý ngài."

Các vị Tiểu vương thất vọng, búng tay nói:

- "Quả thật chúng ta bị thua một người đàn bà yếu nhược."

Sau buổi trai tăng này, nàng Ambapàli dâng cho Đức Phật một vườn xoài, trong ấy có cất một vọng tháp tốt đẹp, nằm về hướng Đông Bắc thành Vesali.

N. Đức Phật sang qua thành Rajagaha

150. Từ Vesali Đức Phật còn đi đâu nữa?

Qua mùa thu, Đức Phật trở lại Rajagaha, cư ngụ nơi vườn xoài của Ông Jivaka (Ngự y của vua Bimbisara), dưới chân núi Kỳ xà Quật. Tình hình xứ Magadha lúc bấy giờ đã thay đổi, không còn ảnh hưởng xấu xa của Thầy Devadatta. Vua Ajàtasattu (A Xà Thế) bị lương tâm cắn rứt vì tội giết cha cướp ngôi, rất hối hận và lo sợ ngày sau con mình là Hoàng tử Udayibhadda lớn lên sẽ giết trở lại mình.

Một đêm nọ, dưới ánh trăng thu, vua A Xà Thế ngự cùng các quan trên nóc lầu bằng để thưởng nguyệt; cảm thấy trong lòng nao nao buồn thảm, thở ra và định ý đi tìm một vị Bà la môn cùng vị Sa Môn nào để tỏ bày tâm sự, cầu xin chỉ dạy một đường lối nào cho cõi lòng được thơ thới an tịnh.

Các vị đại thần đề nghị đi viếng sáu Đạo sĩ, giáo chủ của phái Lục sư; nhưng vua A Xà Thế đã dư biết trình độ của họ nên không nhận lời. Riêng ông Jivaka, là vị cựu thần, ngồi làm thính; chờ Vua phán hỏi, ông liền khuyên Vua nên đi yết kiến Đức Phật, đương ngự tại vườn xoài của ông với 1.200 vị Tỳ kheo: "Tâu Đại Vương, nếu Đại Vương gặp được Đức Thế Tôn, ắt Đại Vương sẽ cởi mở được những nỗi khổ trong lòng." Đức vua liền nhận lời, truyền lệnh thắng voi cùng đi với Cung phi và triều thần đến tịnh xá của Ông Jivaka. Đường sá quanh co theo triền núi, càng vô sâu chùng nào càng thấy quang cảnh vắng lặng rùng rợn. Đức vua sanh nghi, phát run sợ tự hỏi: Phải chăng Ông Jivaka muốn gạt trẫm vào sào huyệt để hại trẫm? Dầu là ở giữa rừng núi, nhưng gần nơi cu hội của trên cả ngàn người, mà sao không có một chút ồn ào, khoa động, cho đến một tiếng ho khạc cũng không nghe. Ông Jivaka đoán biết, nên đến gần trấn tĩnh Đức vua và trở tay chỉ nơi xa xa phía trước có lập lòe ánh đèn, từ trong ngôi nhà tròn lớn mà ông đã cất để làm giảng đường cho Đức Phật thuyết pháp dạy đạo hằng ngày.

Vua đến nơi được Đức Phật ân cần tiếp rước. Sau khi lễ bái Đức Thế Tôn, Vua A Xà Thế xin phép hỏi một

câu, chưa ai từng nghe, để mở đường sang qua mục đích của sự viếng thăm hôm nay: "Bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn hoan hỷ giải cho trăm cùng bá quan có mặt nơi đây những điều lợi ích lớn nhỏ mà người ly gia thoát tục có thể thu hoạch được trong phạm hạnh của bậc xuất gia."

Đức Phật vui vẻ thuyết nhiều pháp về phạm hạnh của bậc xuất gia, từ sự lợi ích của tư cách ăn mặc, đi đứng, nằm ngồi, chuyện vãn, suy tưởng cho đến những sự lợi ích về tư cách thu thúc lục căn, chế ngự dục vọng, gìn giữ lòng an tịnh, khai thông Trí tuệ, chứng ngộ chân lý, tận diệt Vô Minh, siêu thoát luân hồi. Rồi Đức Phật hỏi: "Ví như Đại vương có một người bộ hạ đã xuất gia thực hành đúng theo phạm hạnh như thế. Đại vương có thể nào muốn cho người ấy trở lại làm bộ hạ để chịu lụy phục vụ Đại vương chăng?" Bạch Đức Thế Tôn, nếu người bộ hạ của trăm đã xuất gia tu hành đúng đắn theo phạm hạnh, trăm sẽ nghiêng mình chào hỏi, mời ngồi và cúng dường y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc men và cam đoan sẽ bảo hộ, che chở cho xứng đáng theo bậc có đầy đủ phạm hạnh.

Sau khi thỏa mãn hiếu kỳ của Vua A Xà Thế, Đức Phật lần lần khôn khéo mở đường cho người đương nặng mang trọng tội giết cha, gieo sâu đức tin trong

Phật Pháp, phát tâm vui thích muốn vào gần ngôi Tam Bảo, để tìm phương giải lấy oan nghiệp.

Vua A Xà Thế rất thỏa thích, liền xin qui y làm người cận sự nam và tỏ lời sám hối: "Bạch Đức Thế Tôn, trong cơn điên dại, mù quáng vì tham muốn ngôi vua, đệ tử đã phạm tội sát phụ; cúi xin Đức Thế Tôn nhận lời thú tội của đệ tử, hầu từ nay về sau đệ tử ăn năn cải hối, không còn tái phạm trong tội ác nữa."

Đức Phật đáp: "Tâu Đại vương, thật vậy, do một oan trái ác nghiệt trong tiền kiếp, Đại vương đã gây ra trọng tội thảm khốc, hôm nay Đại vương đã thú nhận và hối ngộ ăn năn, Như Lai hoan hỷ chứng minh cho Đại vương. Tâu Đại vương, chính đó là quan điểm của một kỷ luật cao thượng, dành để cho người biết nhìn nhận tội lỗi, tỏ dấu ăn năn, hầu diệt mầm oan trái trong ngày vị lai."

Vua A Xà Thế cảm thấy lòng được nhẹ nhàng thơ thới, hết sức vui mừng, liền bái tạ Đức Phật trở về hoàng cung.

151. Tại sao Đức Phật không cứu độ Vua Bimbāsara, là người có công giúp cho Phật giáo được thanh hành trong xứ Magadha, cũng không tế độ Hoàng tử

Ajatasattu, để tránh tội giết cha, cũng như Ngài đã độ tướng cướp Angulimala khỏi tội giết mẹ?

Thật vậy, Vua Bimbisara, cũng như Vua Pasenadi xứ Kosala, là một vị Quốc vương đồng tuổi với Đức Phật, thông hiểu Phật Pháp, tinh tấn giữ đạo với Đức Phật từ buổi khai đạo; lẽ thì Đức Phật đã tìm mọi phương thế cứu độ cho khỏi bị Thái tử A Xà Thế phế ngôi, hạ ngục, không cho ăn uống cho đến bỏ mình trong ngục thất. Nhưng vì bởi oan trái của vua Bimbisara đã gây ra trong tiền kiếp với Thái tử A Xà Thế, nay đúng giờ phút phải trả quả đền tội; Đức Phật không thể sửa đổi luật Nhân quả, đành cam chịu mất một người tín đồ nhiệt thành và cũng là người bạn thân mến. Tuy nhiên Đức Phật đã độ vua Bimbisara (Tần Bà Sa) chấm dứt oan nghiệp và tiến bước khá sâu vào đường giải thoát: Khi Thái tử A Xà Thế nghe lời Thầy Devadatta, mang gươm vào cung nội, tính hạ sát vua cha, bị bại lộ, vua đã không bắt tội, lại còn nhường ngôi cho Thái tử. Được tức vị rồi, vua A Xà Thế cũng còn nghe lời Thầy Devadatta, hạ ngục vua cha, bỏ đói đến chết cho Thầy rãnh tay hạ sát Đức Phật. Trong ngục thất, vua Tần Bà Sa nhờ biết đạo, không oán giận con, cam lòng chịu trả cho dứt mọi oan nghiệp tiền khiên, nên khi qua đời được siêu thoát về cõi yên vui.

Cũng vì oan trái mà nghiệp lực đưa đẩy Thái tử A Xà Thế sanh làm con Vua Bimbisara, chớ đúng giờ khắc, ác tâm phát sanh, hết biết tình cha nghĩa con, hành động mù quáng của Thái tử giúp cho mối thù xưa thực hiện, y theo quả báo mà hai bên đã cố tâm gieo trồng.

Chớ chi Thái tử A Xà Thế theo một đường lối với Vua cha, thông hiểu được Phật Pháp, biết luật Nhân quả tự mình biết sửa đổi nghiệp lực của mình, không làm bạn với kẻ ác Devadatta, thì chẳng những Đức Phật có thể cứu độ khỏi tội giết cha, lại còn dìu dắt Thái tử trên đường Thánh đạo. Cho nên sau khi Vua A Xà Thế nghe pháp, qui y và sám hối tội lỗi, Đức Phật liền bày tỏ cho các Thầy Tỷ kheo biết rằng, mặc dầu Đức vua đã thành thật ăn năn, nhưng nếu không có cái trọng tội sát phụ, thì đã được chứng ngộ chân lý (đắc quả Thánh) giữa lúc Ngài thuyết pháp cho nghe.

Tướng cướp Angulimala và Vua Ajatasattu ở trong hai hoàn cảnh khác nhau; người trước là kẻ mới vay nợ; người sau là chủ nợ đến đòi lời vốn. Angulimala phạm tội giết người, quả báo chưa phát sanh kịp thời, nhờ hiểu Phật Pháp, tự mình sửa đổi đường hướng phát triển tinh thần, để tiến đạo quả Niết bàn.

152. Sau khi qui y, Vua Ajatasattu đối xử với Đức Phật như thế nào?

Vua A Xà Thế hết lòng tôn kính và tin tưởng Đức Phật, như Vua cha khi trước. Mỗi khi triều đình có việc quan trọng phải giải quyết, Vua thường đến thỉnh giáo Đức Thế Tôn.

Một ngày nọ, Vua A Xà Thế sanh lòng tham, muốn đem binh chiếm xứ Videha, bên tả ngạn sông Găng, thuộc của bên ngoại, để tiện bề chinh phục cả vùng kế cận rất giàu có thịnh mậu của dòng Vajjis và Licchavis. Vua bèn phái vị Đại thần Vassakara đến núi Kỳ Xà Quật đem lời khôn khéo dò hỏi ý kiến Đức Phật về mưu chước nói trên.

Khi nghe vị Đại thần Vassakara dĩ hơi về ý định xâm lăng của Vua A Xà Thế, Đức Phật liền bắt qua nói chuyện khác với Đại Đức Ananda để giáng tiếp trả lời cho vị khách của Ngài:

- "Này Ananda, người có nghe dân tộc Vajjis đối xử với nhau bằng cách nào mà xứ sở họ được hùng mạnh giàu có chẳng? "

- "Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử thường nghe rằng người Vajjis, từ bậc Vua chúa đến hàng thứ dân đều áp dụng

chánh sách rất khôn ngoan, để bảo tồn vĩnh viễn bờ cõi và sự phồn thịnh của họ.”

"Thật vậy Ananda, dòng Vajjis có lập bảy nguyên tắc căn bản để duy trì đất đai và sự giàu có cho xứ sở họ:

1. Thường nhóm họp nhau để giải quyết những vấn đề lợi ích cho quốc gia dân tộc.

1. Đoàn kết hòa thuận với nhau.

2. Thi hành đúng theo luật pháp chế định.

3. Tôn kính bậc Trưởng thượng.

4. Kính nể hàng phụ nữ.

5. Bảo tồn các đền thờ trong xứ.

6. Sùng bái các bậc Thánh nhân.”

Nhờ áp dụng trung thành bảy nguyên tắc ấy, mà chẳng có cuộc ngoại xâm nào thắng họ được.

Vị sứ giả Vassakara, già dặn về môn chánh trị, tiếp lời kết luận: Nếu quả thật vậy thì chẳng nên mạo hiểm xâm chiếm đất đai của dòng Vajjis. Còn muốn thắng họ, thì trước nhất phải tìm cách làm cho họ chia rẽ, thù ghét lẫn nhau. Dứt lời, ông bái tạ kiêu từ Đức Phật và hứa khi rảnh việc sẽ trở lại thỉnh giáo cầu đạo. Trên

đường về, Ông Vassakara lập tâm phá rối sự đoàn kết của dân xứ Vajjis.

Khi Sứ giả Vassakara vừa xuống núi Kỳ Xà Quật, Đức Phật hội Chư Tăng lại, dạy Bảy pháp cần thiết để duy trì Giáo hội cho được lâu dài:

1. Các Thầy Tỳ kheo phải sống một đời sống tập đoàn và thường hội họp để học hỏi cùng nhau.
2. Các Thầy Tỳ kheo luôn luôn phải hòa hảo trong đời sống tập đoàn, trong lúc hội họp và trong khi hành Tăng sự.
3. Các Thầy Tỳ kheo chẳng nên sửa đổi hoặc phé bỏ các điều học, mà phải nghiêm trì cho đầy đủ.
4. Các Thầy Tỳ kheo phải tôn kính và vâng lời các bậc trưởng lão có nhiều kinh nghiệm.
5. Các Thầy Tỳ kheo không nên để cho lòng tham muốn chi phối.
6. Các Thầy Tỳ kheo phải vui thích nơi thanh vắng.
7. Các Thầy Tỳ kheo phải biết tự chủ, biết dìu dắt đàn em có tài đức, đến chỗ an vui hạnh phúc.

O. Đức Phật sang qua thành Vesali

153. Đức Phật còn châu du nơi nào khác chăng?

Sau khi ở Rajagaha (Vương xá) một thời gian khá lâu, Đức Phật và đoàn tùy tùng lên đường trở lại Vesali.

Chặng đầu, Ngài ghé vào vườn xoài Ambalatthika của vua A Xà Thế, là nơi Ngài đã đến hai lần, để thuyết pháp nhắc nhở tín đồ nông trang tu hành.

Kế đó, Đức Phật ngự đến làng Nalanda, chỗ sanh đẻ của Đại đức Sariputta (Xá Lợi Phất). Về sau, Vua xứ Magadha có lập nơi đây một trường Phật học để đào tạo Tăng tài. Trường ấy trở thành một Đại học đường sản xuất nhiều triết học gia danh tiếng, trong thời trung cổ. Thầy Huyền Trang, lúc đến Ấn Độ, có xin vào học môn triết lý và khảo cứu tài liệu về Phật giáo Đại thừa, trong nhiều năm.

Đến chặng thứ ba, Đức Phật ghé làng Patali, trên một ngã ba rạch, vừa mé sông Găng, thuận tiện buôn bán nên có nhiều dân cư và cũng là một địa thế về chiến lược quân sự, nên Vua A Xà Thế định dời kinh đô lại đây, lấy tên là Pataliputta (hiện nay là Patna), để ngăn ngừa dân Vajjis và Licchavis và cũng để mưu toan đô hộ dân ấy.

Đến đây dân chúng tổ chức tiếp đón Đức Phật rất trọng thể và kết thuyền đưa Đức Phật và Chư Tăng qua sông, vì nhằm cuối mùa xuân, tuyết rả từ trên núi chảy xuống ngập bờ. Cũng nơi đây, trên đường hành trình đầu tiên, từ rừng Uruvela qua vườn Isipattana (Lộc Giả), Đức Phật muốn qua sông mà không có tiền, tên đưa đò không chịu đưa. Túng thế, Ngài phải dùng thần thông bay qua; chừng ấy tên chèo đò ăn năn hối hận, vì mất dịp làm phước đến Vị Thánh nhân. Câu chuyện này thấu tai Vua Bimbisara, nên Ngài hạ lệnh cấm chủ đò thu tiền các vị Thầy tu qua sông.

Đức Phật vừa đến Vesali thì các Vị Tiểu vương Licchavis và nàng Ambapali đua nhau thăm viếng cúng dường.

154. Đức Phật đến Vesali kỳ này có việc chi xảy ra khác thường chăng?

Đức Phật đến viếng xứ Licchavis lần này là lần cuối cùng.

Mùa mưa sắp tới, Đức Phật dạy các Thầy Tỷ kheo lựa nơi nhập hạ, trong các làng kế cận. Riêng Ngài, Ngài sang nhập hạ tại làng Beluva. Vừa an cư, Đức Phật lâm bệnh nặng, thân thể đau nhức, tứ chi rủ liệt, nhưng Ngài gom tâm định thần, nín chịu không rên siết. Lúc

ây, Đức Phật nghĩ: "Nếu Như Lai bỏ xác mà không tỏ lời vĩnh biệt với những môn đệ, đã hết lòng lo lắng cho Như Lai, hầu an ủi họ và không cho Giáo hội Tăng chúng biết trước, thì thật là một việc không hay. Vậy Như Lai phải dùng năng lực của ý muốn, để chế ngự căn bệnh và tạm giữ sự sống lại." Nói rồi, Ngài thực hiện theo ý muốn, nên chứng bệnh chấm dứt. Vừa phục hồi sức khỏe, Đức Phật đứng dậy, bước ra ngồi dưới bóng mát, ngoài thêm tịnh thất.

Đại đức Ananda đến gần đánh lễ rồi ngồi kề bên thỏ thẻ:

"Đệ tử thấy Đức Thế Tôn đã lành mạnh rồi; lúc Đức Thế Tôn lâm bệnh, thân thể của đệ tử đã thất thần, thị lực của đệ tử tán loạn, nhưng đệ tử được an ủi khi tưởng rằng, trước khi viên tịch, Đức Thế Tôn còn phải cho biết ý định của Ngài về Giáo đoàn Tăng chúng."

- "Này Ananda, Giáo đoàn Tăng chúng còn muốn gì nữa? Như Lai đã truyền dạy đầy đủ Giáo pháp rồi; Như Lai không phân biệt bên trong, bên ngoài; chân lý đã chỉ dạy cặn kẽ không thiếu sót chỗ nào. Này Ananda, kẻ nào cố ý muốn thống trị Giáo đoàn Tăng chúng, hoặc muốn cho Giáo đoàn Tăng chúng phải chịu đặt dưới quyền cai quản của họ, thì kẻ ấy cứ ban

huân lệnh cho Giáo đoàn; điều ấy không phải là tư tưởng, là ý muốn của Như Lai đâu. Như Lai đã già yếu rồi, đã đến mức cuối cùng rồi, tuổi thọ của Như Lai đã tám mươi rồi. Nay Ananda, bởi thế, từ nay hoặc sau khi Như Lai nhập diệt rồi, người nào biết tự làm cây đuốc để soi đường, tự nương nhờ lấy, không nương nhờ nơi đâu khác hơn, tự lấy Pháp bảo làm đuốc soi đường, chẳng tìm nương nhờ nơi nào khác hơn, kẻ ấy sẽ là đệ tử cao thượng của Như Lai, sẽ tiến đến nơi giác ngộ.”

Nói rồi Đức Phật mang bát vào thành Vesali trì bình; trở về thọ thực xong, Ngài vào rừng ngồi nghỉ dưới cội cây, chuyện vãn với Đại đức Ananda: "Nay Ananda, người nào đã vun trồng và thực nghiệm sâu xa bốn pháp 'Nguyện Vọng Pháp Mâu' (Iddhipàda: Tứ Căn Thông hay Tứ Thần Túc), nếu muốn, có thể sống lâu trọn một kiếp, hoặc nhiều hơn một kiếp; bậc Chánh đẳng Chánh giác cũng vậy." Đức Phật lập lại ba lượt, Đại đức Ananda ngơ ngẩn không hiểu ý Phật, ngồi lặng thinh. Đức Phật bảo Ông Ananda đi nghỉ dưới cội cây khác ở kế cận. Mara (Ma vương) liền hiện đến gần Đức Phật, nhắc lại lời thỉnh cầu Ngài vào an nghỉ trong Niết bàn, từ buổi Ngài mới thành Phật dưới cội Bồ đề. Lúc ấy Đức Thế Tôn từ chối không

chịu nhập diệt, vì đạo pháp chưa được truyền bá; ngày nay Ngài đã đào tạo rất nhiều Tăng chúng kế nghiệp Giáo pháp của Ngài cũng đã được phổ cập cùng khắp mọi nơi; đệ tử đến đây thỉnh Đức Thế Tôn nhập Vô lượng thọ Niết bàn.

Đức Phật đáp: "Này Ma vương, người chớ nên âu lo, người khỏi cần chờ đợi; giờ nhập diệt của Như Lai sắp đến; trong ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết bàn." Ma vương vui mừng biến mất. Đức Phật liền định từ nay là ngày trăng tròn tháng Tư, Ngài sẽ vào Niết bàn. Quả địa cầu bỗng nhiên rung động, sấm sét nổ vang giữa bầu trời thanh bạch, làm cho mọi người kinh khủng. Đại đức Ananda chợt tỉnh, sức nhớ lại những lời Đức Phật đã thốt ra lúc giờ ngộ. Ông đâm ra lo sợ, và khi mặt trời lặn đến giờ Tăng chúng tựu họp lại nghe pháp, ông đến gần Đức Phật hỏi duyên cớ của hiện tượng phi thường vừa xảy ra lúc xế chiều. Đức Phật giải thích cho Ông nghe rằng Ngài đã nhận lời thỉnh cầu nhập diệt của Ma vương, và khi Ngài định ba tháng nữa sẽ từ biệt thế gian vào Niết bàn, quả địa cầu rung động như thế ấy. Ông Ananda liền qui lạy thỉnh cầu Đức Phật ở lại trọn kiếp thế gian. Đức Phật trả lời: "Này Ananda, bậc Chánh đẳng Chánh giác chỉ

nói một lời, Như Lai không thể vì người mà thất hứa với Ma vương.”

Vì Ông Ananda không thỉnh Đức Phật lưu lại thế gian, lúc ban trưa, khi Ngài cho Ông biết rằng Bạc Chánh đã chứng Chánh giác, nhờ bốn pháp Thần túc, có thể sống thêm một kiếp hoặc hơn một kiếp, nên sau lại người ta khép Ông Ananda vào cái đại tội "để cho Đức Phật nhập Niết bàn quá sớm.”

Đại đức Ananda, trọn 25 năm trường, đã hy sinh tận tụy, hầu hạ, săn sóc Đức Phật từ giờ khắc, đã không được ban thưởng, lại còn phải gánh trách nhiệm về ý định nhập Niết bàn của Đức Phật, thật là bất công. Đúng ra không ai phiền trách Ông Ananda, về sự xao lãng của Ông, bởi xét kỹ; việc nào đến, nó phải đến và Đức Phật cũng thường dạy: "Có sanh thì phải có diệt.”

Kế tiếp, Đức Phật xây qua dạy các Thầy Tỳ kheo: "Này Chư môn đệ, các con rán học cho thông suốt Giáo pháp của Như Lai, và phải thực hành, rèn luyện, tiến tới hầu duy trì cho lâu dài đời sống Thánh nhân, đem lại sự tấn hóa cho nhiều người; vì lòng thương nhân loại, ban bố hạnh phúc an vui cho trời và người. Giáo pháp của Như Lai đã truyền dạy cho các môn đệ như thế nào?

Ấy là:

- Tứ Niệm Xứ (Satipatthāna)
- Tứ Chánh Cần (Samappadhāna)
- Tứ Thần Túc (Iddhipāda)
- Ngũ Căn (Indriya)
- Ngũ Lực (Bala)
- Thất Bồ Đề Phần (Bojjhanga)
- Bát Chánh Đạo (Atthangikamagga)

Các pháp ấy Như Lai đã tìm và đã truyền đủ cho các con rồi. Như Lai cũng thường dạy rằng mọi sự vật trên thế gian đều Vô thường, các con hãy bền chí tranh đấu. Còn chẳng bao lâu Như Lai sẽ nhập diệt; từ nay đến ba tháng nữa, Như Lai sẽ vào Niết bàn. Đời sống của Như Lai sắp đến mức cuối cùng. Như Lai sẽ đi, các con ở lại; chỗ của Như Lai đã dọn sẵn rồi. Các con hãy thức tỉnh, đừng xao lãng, hãy sống luôn luôn theo bậc Thánh nhân, cương quyết gìn giữ tâm trí sáng suốt. Thầy Tỳ kheo nào không thôi chuyển, bền chí, trung thành sống theo chân lý, Thầy ấy sẽ thoát khỏi vòng sanh tử, sẽ đến nơi diệt khổ.”

P. Đức Phật từ già Vesali đi Kusinara

155. Đức Phật có định nhập Niết bàn tại đâu chăng?

Đức Phật không cho biết trước. Sáng ngày Đức Phật vào thành Vesali khát thực. Khi trở về, Ngài ngoái mặt nhìn thành Vesali và nói với Đại Đức Ananda: "Này Ananda, Như Lai ngắm xem thành Vesali lần cuối cùng, Như Lai sẽ không còn trở lại đây nữa." Về đến chỗ ngụ, thọ, thực. Đức Phật và đoàn tùy tùng lên đường, trực chỉ về hướng Kusinara. Tín đồ theo khóc lóc đưa đón, không muốn rời Đức Phật. Ngài khuyên giải nhiều lượt, họ mới chịu trở về.

Sau khi trải qua nhiều chặng đường, ngày nọ Đức Phật đến thành Pava, vào tạm trú một đêm trong vườn xoài của người thợ rèn tên Cunda. Người chủ vườn hay tin, lật đật đến xin yết kiến chào mừng Đức Phật và thỉnh Ngài cùng Chư Tăng bữa sau đến nhà thợ thực.

156. Bữa trai tang nơi nhà người thợ rèn có chi đặc biệt chăng?

Đây là bữa cơm cuối cùng trước giờ nhập diệt của Đức Phật. Khi thợ thực rồi, Đức Phật bị kiệt lực, làm cho Ngài mệt nhọc vô cùng. Tuy vậy, Đức Phật cũng ráng sức lên đường cho kịp đến Kusinara.

157. Tại sao Đức Phật gặp đến Kusinara và trong cơn bệnh hoạn đi đường có xảy ra điều chi chằng?

Đức Phật đã sắp đặt cuộc hành trình của Ngài, từ Vesali đến Kusinara, và định phải đến nơi nội buổi xế chiều ngày ấy, để kịp giờ nhập diệt.

Thân già yếu đi bộ rờn rã trong ba tháng trường, ngày thì lần bước theo đường gồ ghề xuyên qua đồng ruộng, rừng núi, vượt suối lên đèo, đêm thì ẩn nấu dưới cụm tre chòm xoài, dãi nắng dầm sương, tránh sao cho khỏi lao thân mệt xác, nên đi được nửa đường, Đức Phật đuối sức, dừng chân tạm nghỉ dưới một cội cây, và bảo Đại đức Ananda mau kiếm nước cho Ngài dùng đỡ cơn trầm trọng của chứng bệnh. Ông Ananda bạch cho Đức Phật biết vừa rồi có 500 cỗ xe thương mại qua suối, nước nổi chặn bùn và yêu cầu Đức Phật rón đi thêm một đôi nữa đến rạch Kudhãnadĩ, có nước trong trẻo, tắm rửa và giải khát chằng muợn chi. Đức Phật cố gắng đè nén căn bệnh, nhưng vì mệt nhọc quá sức, tứ chi rũ liệt, bảo Ông Ananda cho uống nước, rồi mới tiếp tục lên đường được. Ông Ananda không đành cho Đức Phật uống nước chặn đực, nhưng vì bị thúc dục ba lượt, Ông buộc lòng ôm bát xuống khe; tới nơi, thấy nước đã lóng trong lại, Ông vui mừng mút một bát đem dâng cho Đức Phật.

Vừa lúc ấy, có một vị Hoàng tộc tên Pukkusa, dòng Malla xứ Kusinara, đi ngược chiều về hướng Pàvā, thấy Đức Phật ngồi nghỉ dưới cội cây, ông dừng bước chào hỏi và truyện trò với Ngài. Chính Ông Hoàng Pukkusa này cũng đồng thọ giáo, như Đức Phật lúc mới đi tìm đạo với Vị Đạo sĩ Alāra Kālāma. Ông thuật lại cho Đức Phật nghe một chuyện phi thường của Đức Thầy chung: "Ngày nọ, Đức Thầy Alāra Kālāma ngồi nhập định dựa mé lộ, có 500 cỗ xe đi ngang qua, mà Thầy không hay biết chi cả. Chừng xuất định, thấy bụi đóng một lớp dày trên thân mình, mới biết đã có rất nhiều đoàn xe đi qua."

Đức Phật cũng thuật cho Ông Hoàng một chuyện tương tự: "Ngày nọ, tại làng Atumā, Như Lai nhập đại định trong một chòi tranh giữa đồng, trời phát giông tố, mưa đổ tầm tả, sét nổ đánh chết hai anh em người nông phu và bốn con trâu, kế cận Như Lai. Như Lai cũng không hay biết."

Nghe vậy, Ông Hoàng Pukkusa tỏ lòng kính phục Thầy Cồ Đàm, liền xin qui y làm thiện nam và kêu người tùy tùng đem vào hai sấp vải thượng hạng, màu vàng sặc sỡ chói ngời, dâng cho Đức Phật. Ngài thọ một sấp và cho Ông Ananda một sấp. Ông Hoàng bái từ Đức Phật, lên đường về hướng Pàvā.

Ông Ananda lấy sấp vải mặc cho Đức Phật; Ông rất kinh ngạc thấy toàn thân của Đức Phật bây giờ lại lóng lánh chiếu ngời một màu vàng rực rỡ, làm cho sắc vàng của sấp vải kia mất hết vẻ đẹp sáng chói của nó. Ông hỏi duyên cớ, Đức Phật giải rằng thân của bậc Chánh đẳng Chánh giác ửng vàng một cách phi thường trong hai thời kỳ: trước giờ Thành đạo và trước giờ nhập Niết bàn.

Liên đó, Đức Phật đứng dậy lên đường. Đến rạch Kudhànadi, Ngài xuống tắm rửa, giải khát để lấy sức lại, nhưng dường như Ngài đã gần kiệt lực. Tạm nghỉ một chập rồi Ngài chậm rãi lần bước tới sông Hiranyavàti. Sông cạn phơi bày những rãnh nước trong, giữa bãi cát trắng, chỉ xấn y bước qua, nhưng tứ chi rũ liệt, Đức Phật không thể lội qua sông được.

Nhờ thanh khí bờ sông, vừa khỏe được đôi chút, Đức Phật hồi hã đứng dậy, kêu Ông Ananda nói: "Ráng một đoạn chót nữa Ananda, bên kia sông Hiranyavàti là rừng Salas, vườn thượng uyển của Vua Mallas, thuộc địa phận thành Kusinara, nơi Như Lai sẽ nhập diệt."

Có sách ghi rằng từ chỗ gặp Ông Hoàng Pukkusa tới sông Hiranyavati, Đức Phật phải nghỉ chân hai mươi tám lượt; nhờ pháp Tứ thần túc đè nén căn bệnh và chủ trì xác thân, nên Ngài vững lòng từ từ tiến tới, mặc dầu sức lực tiêu mòn gần đến cực độ.

Vừa qua sông, Đức Phật đã kiệt quệ, hỏi Ông Ananda dọn chỗ nằm, giữa hai cây Salas và nói: "Nhu Lai đã mệt lắm rồi, kíp lấy y cà sa trải cho Nhu Lai nằm nghỉ."

158. Có xảy ra điều chi khác thường tại Kusinara và trước giờ nhập Niết bàn, Đức Phật có để lời di chúc chẳng?

Đại Đức Ananda hỏi hủ trải y trên tảng đá, giữa hai cây Song long thọ. Vừa xong Đức Phật lên nằm, nghiêng mình bên phải, tay mặt lót đầu làm gối, mặt nhìn về hướng Tây, đầu day qua phương Bắc, thì bông Sala rớt trên mình Ngài như mưa, và từ không trung nhạc trời reo trời.

Đức Phật kêu Ông Ananda phán rằng: "Thân Nhu Lai bao phủ đầy bông, mặc dầu không phải mùa hoa trổ; Chư Thiên tấu nhạc cúng dường Nhu Lai. Nay

Ananda, còn một sự kính mến, sùng bái, tôn thờ, chiêm ngưỡng Như Lai bằng cách khác: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thiên nam, Tín nữ nào thực hành đúng theo Giáo pháp của Như Lai, chuyên tu phạm hạnh sống một đời Thánh nhân, kẻ ấy mới thật là kính mến, sùng bái, tôn thờ, chiêm ngưỡng Như Lai bằng cách cao thượng vậy. Bởi thế, Ananda, người nên cố gắng thực hành đúng theo Giáo pháp của Như Lai, chuyên tu phạm hạnh và sống cao thượng theo bậc Thánh nhân.”

Ông Ananda quá cảm động, bước ra ngoài, dựa vào gốc cây than khóc: "Ta còn phải tu học rất nhiều mà Thầy ta lại sắp nhập diệt; Ngài có lòng Từ bi thương xót ta nhiều: Rồi đây ta biết nương nhờ nơi ai?"

Đức Phật thấy vắng Ông Ananda, liền cho gọi vào an ủi: "Này Ananda, đừng đau khổ than khóc nữa: Như Lai đã từng nói rằng ở thế gian này có lúc phải xa lìa nhân vật yêu mến; có sanh phải có diệt, không sao tránh khỏi. Ananda ôi, bấy lâu nay những hành động, lời nói và tư tưởng của người đối với Như Lai, đã chứng tỏ rằng người là một môn đệ tận tâm trung thành và đáng thương. Người đã tạo nhiều công đức, chỉ thêm một chút cố gắng nữa, người sẽ tiến đến đạo quả Niết bàn.”

Đức Phật xoay qua các Thầy Tỳ kheo dạy rằng: "Các Thầy, Chư Phật quá khứ và Vị lai không có một nghĩa đệ nào ưu tú như Ananda. Ananda có tài tổ chức những buổi tiếp tân của Như Lai, được mọi người vừa lòng cảm phục.

Đối với Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thiện Nam, Tín nữ, Vua chúa cùng các quan đại thần, các Đạo sĩ Bà la môn, Ananda đã tỏ ra khôn khéo lịch duyệt."

Kể đó, Đức Phật sai Ông Ananda làm sứ giả vào Hoàng cung tâu cho Đức Vua Mallas hay ý định của Ngài nhập diệt tại rừng Salas nội đêm nay. Ông Ananda vội vã ra đi. Đến hoàng cung gặp lúc Vua cùng bá quan đương hội yến đông vầy; Ông xin vào chào Vua Mallas và tâu rằng: "Tâu Đại Vương, Bần tãi vâng lệnh Đức Thế Tôn đến báo tin cho Đại Vương rõ, Ngài vừa ngự đến rừng Salas và định nhập Niết bàn tại đó vào canh chót đêm nay."

Khi hay được tin ấy, Vua và Triều thần đồng cảm động: "Đức Gotama là dòng Vua sang cả; vì thương xót chúng sinh, chẳng nài lao khổ, băng rừng lướt bụi, rày đây mai đó để cứu vớt sanh linh, nay phải cam chịu bỏ xác giữa rừng, thật đáng cho chúng ta lễ bái cúng dường." Vua và bá quan đồng rơi lụy và đồng

nhau đến rừng Salas xin vào yết kiến Đức Thế Tôn. Đức Phật đề lời khuyên nhủ Vua Mallas cùng bá quan nên lấy đạo đức và lòng Từ bi dìu dắt dân chúng hướng thiện tu hành, dọn đường thẳng tiến đến nơi hạnh phúc yên vui.

Tin buồn được loan báo cùng khắp kinh thành, dân chúng mũi lòng than tiếc, kéo nhau đến vườn Salas bái yết Đức Phật. Đến cuối canh một mới rảnh khách; nhưng Đức Phật và Ông Ananda không nghỉ ngơi được.

Đạo sĩ Subhadda đến xin ra mắt Đức Phật. Ông biết rằng trong thế gian ít có Phật ra đời; ông vừa hay tin Phật Tổ Gotama sắp nhập Niết bàn, ông hy vọng gặp Ngài đề cầu xin giải giùm những mối hoài nghi. Ba lượt Ông Ananda từ chối: "Này Hiền huynh, Đức Thế Tôn mệt nhọc lắm, xin Hiền huynh đề Ngài an nghỉ." Đức Phật nghe liền kêu Ông Ananda dạy rằng: "Thôi Ananda, đừng cản trở Đạo sĩ Subhadda. Ý ông muốn thỉnh giáo nơi Như Lai, chẳng phải muốn làm rộn Như Lai đâu."

Ông Ananda buộc lòng phải cho Ông Subhadda vào. Đến trước Đức Phật, ông đánh lễ, tỏ lời viếng an rồi xin phép hỏi đạo:

- "Bạch Thế Tôn, các vị Lục Sư tự cho là bậc Trí tuệ cao thượng, nên được nhiều người sùng bái kính phục; xin Thế Tôn cho biết họ quả thật là bậc Trí tuệ uyên thâm chăng?"

- "Subhadda này, chẳng nên bàn luận đến Giáo pháp của người khác. Nếu người muốn nghe giáo lý của Như Lai. Như Lai sẽ giảng giải cho người."

"Bạch Thế Tôn, xin Ngài Từ bi chỉ giáo."

- "Này Subhadda, đạo của Như Lai là phương pháp thực nghiệm có tám chi, con đường duy nhất đưa người đến nơi tận diệt Phiền não. Người nào hành đúng theo, thì ắt sẽ được chứng quả Tứ Thánh chẳng sai. Ngoài giáo lý của Như Lai, chẳng có Bốn hạng Thánh nhân ấy. Nếu trong cõi đời này, có người hành đúng theo lời chỉ dạy của Như Lai, thì người ấy sẽ chứng đạo quả A la hán."

Ông Subhadda được thỏa mãn, xin Đức Phật cho xuất gia.

Biết người có duyên lành, Đức Phật dạy Ông Ananda làm lễ xuất gia cho Ông Subhadda và bảo ông kiêm chỗ thanh vắng tham Thiền nhập định, trong giây lát

ông đắ quả A la hán. Ông là người đệ tử cuối cùng của Đức Phật.

Chính tại Kusinara, nơi rừng Salas này, trong vô lượng tiền kiếp, khi Đức Phật còn là một vị Bồ tát, cũng đã cứu độ người đệ tử chót này rồi. Thuở nọ, Bồ tát sanh làm chúa đoàn một bầy nai. Một ngày kia bị một trận lửa rừng kinh đởm, bầy nai chạy ra mé rạch, tìm lối thoát thân. Nước đổ như thác, tuy rạch nhỏ nhưng không thể lội qua bên kia bờ được. Lửa cháy gần tới mé rạch bầy nai sợ hãi xăn vắn chờ chết. Bồ tát liều thân, nỗ lực cõng từ con nai, lội ngầm dưới nước đưa qua bờ kia. Con nai cuối cùng được cứu khỏi hỏa hoạn, trước khi Bồ tát bị giòng nước cuồng mất, chính là tiền thân của Ông Subhadda.

Đêm đã gần tàn, Đức Thế Tôn kêu Ông Ananda lại dạy: "Này Ananda, sau này ắt có nhiều người tưởng rằng lời nói của Như Lai đã mất rồi, họ không còn Thầy Tổ nữa. Này Ananda, chẳng nên tưởng như thế. Giáo pháp và Giới luật của Như Lai di truyền, để noi theo đó mà sống một cuộc đời trinh khiết, chính là Thầy của các người, sau khi Như Lai tịch diệt."

Rồi Đức Phật dạy qua hỏi hàng Tăng chúng: "Này các Thầy Tỳ kheo, các Thầy còn hoài nghi điều chi về

Giáo pháp của Như Lai, các Thầy cứ nói đi, Như Lai sẽ giải thích cho.” Hỏi ba lượt, chẳng có một ai trả lời, Đức Phật tiếp thêm: "Như Lai đã thường dạy các Thầy rằng trong đời có sanh thì phải có diệt; vậy các Thầy hãy cố gắng tu hành đến nơi giải thoát, chớ nên dãi dãi, dễ dôi.” Đó là lời di huấn tối hậu của Đức Thế Tôn.

159. Giờ nào Đức Thế Tôn mới nhập diệt?

Từ đó, Đức Phật lặng thinh, nhập diệt, từ Sơ Thiên Hữu Sắc đến Tứ Thiên Vô Sắc, đến Diệt thọ tưởng định kế trở lần xuống Sơ Thiên Hữu Sắc, rồi trở lên đến Tứ Thiên Hữu Sắc, rồi nhập Vô lượng thọ Niết bàn. Lúc ấy trời vừa rạng đông, nhằm sáng ngày 16 tháng Vesakha.

Quả địa cầu rung động và nhạc trời tiêu trời từ không trung.

Trời Phạm Thiên Sahampati cất tiếng bi ai:

"Ô hô! chúng sanh trong hoàn vũ

Ngày kia sẽ bỏ xác lại thế gian;

Cũng như Đức Thế Tôn, Đấng Từ Hàn Đại giác

Đã vào chôn an lạc Niết bàn.”

Trời Đế Thích Sakka tiếp lời:

"Các pháp Hữu vi Vô thường biến đổi,
Hết sanh đến diệt, diệt rồi lại sanh;
Diệt được pháp hành mới hết sanh diệt,
Hết sanh, hết diệt mới thật yên vui."

Hàng Tăng chúng có nhiều người khóc lóc than tiếc:

"Hỡi Đức Thế Tôn, sao Ngài vội nhập Niết bàn?"

"Ô hô! Con mắt thế gian đã nhắm lại rồi. Riêng các bậc đã thấu lý Vô thường của vạn vật, các vị Đại A la hán, đều bình tĩnh lặng thinh."

160. Ai lãnh nhiệm vụ lo phần nghi thức tẩn liệm và an táng Thánh thể của Đức Thế Tôn?

Sáng ngày Đại Đức Anurudha phái Tôn giả Ananda vào cung báo tin cho Vua Mallas hay Đức Thế Tôn đã viên tịch lúc sao mai vừa mọc. Vua chúa và triều thần cảm xúc rơi lụy. Dân chúng được lệnh đem trầm hương, bông hoa, nước thơm và nhạc lễ đến cúng dường Đức Phật tại vườn Salas.

Vua Mallas đích thân đứng ra đảm đương công việc tẩn liệm Thánh thể của Đức Thế Tôn, theo nghi thức

dành riêng cho một Vị Đế Vương: Dùng một ngàn cây lụa trắng bao bọc Thánh thể, liệm vào hòm sắt, sơn vàng; quàn lại bảy ngày đêm cho toàn thể dân chúng đến chiêm bái cúng dường.

Đức Vua cho thiết lập hỏa đài tại cửa Nam thành Kusinara. Đến giờ đi linh cửu ra hỏa đài, tám vị lục sĩ tắm rửa sạch sẽ, sắc phục chỉnh tề vào động quan, nhưng không thể đỡ hòm lên nổi. Vua Mallas ngạc nhiên, hỏi Đại Đức Anurudha. Ngài bảo rằng Chư Thiên Vương tỏ ý muốn thỉnh Thánh thể Đức Thế Tôn vào thành Kusinara do cửa Bắc, đến trung tâm thành phố trở qua cửa Đông, thẳng tới Hoàng điện "Tôn Vương", rồi sẽ cử hành lễ trà tỳ tại đó.

Đức Vua phải ra lệnh dời hỏa đài qua cửa Đông. Chừng ấy tám lục sĩ thỉnh hòm ra đi nhẹ nhàng. Từ không trung nhạc trời reo trời và bông Mạn thù rớt xuống như mưa, mùi thơm bát ngát.

Hòm đặt xong trên hỏa đài, bốn vị Quốc sư, tay cầm bốn cây đuốc, từ từ bước đến châm vào bốn góc. Đuốc tàn mà lửa không cháy. Vua Mallas hỏi Đại Đức Anuradha. Ngài dạy rằng Chư Thiên Vương tỏ ý yêu cầu chờ Đại Đức Maha Kasappa (Maha Ca Diếp) sắp đến trong giây lát. Lễ hỏa táng phải tạm ngưng.

Đại Đức Maha Kasappa, cùng 500 đồ đệ, từ thành Pava sang Kusinara; vì mệt mỏi Thầy trò dừng chân nghỉ mát. Kế có người đi đường, từ hướng Kusinara đến, trên tay có cầm một bông Mạn thù, Đại Đức Ca Diếp kêu hỏi: Từ Kusinara đến, Ông có biết tin tức của Vị Đại Sa Môn Cô Đàm ra thế nào chăng? Ông Sa Môn Cô Đàm đã viên tịch từ bảy ngày qua; hôm nay Đức Vua Mallas làm lễ hỏa táng, chính bông Mạn thù này tôi lượm được tại hỏa đài.

Vừa nghe tin buồn ấy, nhiều Thầy Tỳ kheo ré lên khóc lóc thảm thiết. Lúc ấy có ông Tỳ kheo tên Subhadda (trùng tên với Vị đệ tử cuối cùng của Đức Phật) đứng ra khuyên giải; Các Thầy khóc lóc làm chi. Ông Cô Đàm đã ra người thiên cổ, không còn ai la rầy quở trách, bắt buộc chúng ta phải nghiêm trì Giới luật, bực bội khó khăn. Từ nay chúng ta sẽ được tự do hành động, các Thầy khóc nỗi gì?

Đây là nguyên nhân đầu tiên, làm cho Chánh Pháp sai lạc, Phật giáo phải suy đồi.

Đại Đức Maha Ca Diếp nghe Thầy Subhadda thốt lời đê tiện, rất lo ngại cho tiền đồ Phật giáo. Vì sắp lên đường đến Kusinara cho kịp lễ hỏa táng Đức Phật, nên

Ngài giả lơ, nhưng cũng để tâm ngăn ngừa kẻ cố tâm phá hoại.

Vừa đến nơi, Đại Đức Maha Ca Diếp đi vòng quanh hỏa đài ba lượt, rồi đến ngay giữa quì lạy ba lạy. Đoàn tùy tùng của ngài, tùy hạ cao thấp, lần lượt vào lạy trước hòm vàng.

Đại Đức Maha Ca Diếp và 50 vị Tỳ kheo vừa làm lễ xong, thì hòm vàng phụt hào quang sáng rỡ, lửa tự nhiên bốc cháy, làm mọi người kinh ngạc. Ngọn lửa vừa hạ, Vua Mallas lấy nước thơm tưới thêm cho thiệt nguội để thỉnh những mảnh xương còn lại đem về thờ. Tất cả gồm có: Một mảnh xương trán, 2 khúc xương vai, 4 răng nhọn, 5 cân xương nhỏ bằng hạt bắp, 6 cân bằng hạt gạo và 5 cân bằng hạt mè, đều được để vào ô vàng, cung nghinh về hoàng cung, thiết lễ cúng dường.

161. Đức Phật có cho biết vì lý do nào Ngài định nhập diệt tại Kusinara chăng?

Vừa đến Kusinara, Đại Đức Ananda thấy địa thế không mấy thích hợp, nên có yêu cầu Đức Phật chọn nơi khác thuận tiện hơn, để nhập diệt:

"Bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn chớ vội nhập Niết bàn trong chốn đồng áng thôn quê này. Đức Thế Tôn có thể lựa những đô thành lớn khác như Rajagaha, Savatthi, Champa, Kosambi hoặc Bénarès, vì nơi ấy có nhiều bậc Vua chúa, nhiều nhà quý phái, Bà la môn, trưởng giả rất trung thành với Đức Thế Tôn; họ sẽ lo phần hoả táng xứng đáng hơn."

Đức Phật trả lời:

- "Đừng nói thế, Ananda. Trong tiền kiếp, lúc Như Lai còn là một Vị Chuyển luân Vương, Như Lai đóng đô tại đây. Kusinara thuở ấy là kinh thành Kusavati, to lớn và phồn thịnh đệ nhất trên hoàn cầu. Vì đó, Như Lai chọn lựa nơi đây làm chỗ tịch diệt."

Còn một lý do khác Đức Phật không nói ra, nhưng sau rồi người ta mới biết Ngài đã dự liệu đủ mọi điều để tránh tai họa về sau.

Xương của Đức Phật gọi là Sarira Dhātu (Xá Lợi) được tất cả Phật tử xem như vật kỷ niệm vô giá, trân châu quý báu trong đời không thể sánh bằng, nên các Vị Quốc vương đều muốn có một phần, để lập đền thờ công cộng, cho bá tánh thường ngày đến lễ bái cúng dường, như lúc Đức Thế Tôn còn tại thế. Cho nên vừa hay tin Đức Phật nhập Niết bàn tại Kusinara, các Vị

Quốc vương liền phái Sứ thần đến xin lãnh một phần Xá Lợi về thờ. Cả bảy có bảy Vị Đại diện cho Vua xứ Magadha, Vesali, Kapilavastu, Savatthi, Allakappa, Ramagama, Veddhadipaka, rần rộ kéo binh mã đến đóng trại ngoài thành Kusinara.

Ban sơ Vua Mallas nhất định không chia Xá Lợi cho các Sứ thần; nhưng các vị này cố nài nỉ và tỏ rằng Đức Phật là dòng cao thượng, chính họ cũng thuộc dòng cao thượng, muốn có Xá Lợi đem về xứ lập đền thờ vật kỷ niệm vô giá của Đức Phật. Họ nhẫn nại nhưng tỏ ý cương quyết xin chia cho được Xá Lợi mới chịu trở về xứ.

Phần Vua Mallas lại tưởng rằng Đức Phật tìm đến nhập diệt tại Kusinara, cốt yếu giao phó nhiệm vụ cho dòng Mallas bảo tồn Xá Lợi, hầu ngày kia xứ Kusinara sẽ trở nên giàu có thịnh vượng lâu dài.

Thấy sự gây cản có thể kết liễu bằng một cuộc chiến tranh tàn khốc, mà xứ Kusinara là một nước nhược tiểu, không thể chống trả với bảy đạo hùng binh đương bố trí chung quanh, Ông Dona, vị Quốc sư của Vua Mallas xin đứng ra hòa giải: "Ngoài dòng Sakya tại xứ Kapilavastu, chúng ta không phải quyền thuộc thân nhân của Đức Thế Tôn; sở dĩ các Vị Quốc vương

muốn có Xá Lợi của Đấng Trọn Lành để lập đền thờ, là vì xứ nào cũng nhìn nhận Đức Gotama là vị Giáo Chủ của đạo Từ bi cứu khổ. Bởi lòng sùng mộ nên xứ nào cũng muốn có Ngọc Xá Lợi để tiêu biểu Đức Từ bi Vô lượng, mong nhờ ảnh hưởng của Đấng Từ Tôn hầu phát tâm tu hành, trước tự độ, sau xây dựng hạnh phúc an vui cho đời và duy trì Chánh giáo cho được bền vững lâu dài. Xưa kia Đức thế Tôn thường dạy chúng ta dứt bỏ oan trái, oán thù, đoạn tuyệt Tham, Sân, Si, chẳng nên giết hại lẫn nhau, phải thương yêu, hòa thuận, đoàn kết, hầu dìu dắt nhau trên đường giác ngộ. Nếu chúng ta thật tâm yêu chuộng giáo lý của Phật Đà và có lòng tôn thờ Ngài là Đấng Giáo Chủ, thì chúng ta nên hoan hỷ đem Xá Lợi ra chia tám phần đồng nhau cho mỗi xứ đem về lập đền thờ, cho dân chúng chiêm ngưỡng cúng dường, phát tâm trong sạch thực hành đúng theo kinh luật di truyền. Như thế ấy chúng ta mới thật là người xứng đáng làm đệ tử của Đức Cồ Đàm.”

Nghe được lời hòa giải đúng lý, Vua Mallas và bảy Vị Sứ thần đều tỏ lòng hòa thuận, giao cho Quốc sư Dona lãnh trách nhiệm phân chia Xá Lợi ra tám phần đồng nhau. Mỗi Vị Sứ thần lãnh một phần, đặt trong một bình vàng, để trên một thớt tượng to lớn, mở đường đi

trước, binh mã rần rộ theo sau, lên đường về xứ với tám lòng hân hoan sùng kính. Quốc sư Dona xin cây cân vàng dùng để chia Xá Lợi, làm vật kỷ niệm cho riêng phần ông.

Các xứ nhỏ ở xa xôi phái đại diện đến trễ, chỉ thỉnh được một mớ tro tàn đem về thờ.

Nếu Đức Phật nhập diệt trong một xứ nào hùng cường, như xứ Magadha chẳng hạn, thì các xứ nhỏ khó bề xin cho được Ngọc Xá Lợi về thờ. Đức Phật đã tiên đoán, biết thế nào cũng sẽ có sự tranh dành, nên Ngài nhất định nhập diệt tại Kusinara. Vua Mallas tự biết không đủ binh lực để thắng bảy xứ kia, kết cuộc cũng phải nhượng bộ hoà giải.

Các phần Xá Lợi được tám Vị Quốc vương thỉnh về lập đền thờ công cộng, giữa kinh đô cho thập phương bá tánh, hằng ngày đem nhang đèn, bông hoa, nước thơm đến cúng dường.

Tám tháp đầu tiên đều xây bằng gạch, hình bán cầu như vòm trời, trên những đồi cao. Nơi chót đỉnh có một cây tàng che, chung quanh có hàng rào và một hoặc bốn cửa vô.

Hai thế kỷ sau, Vua Asoka (A Dục) rất sùng mộ Phật Pháp, góp tất cả Xá Lợi, chia ra 84.000 phần, xây tháp thờ cùng khắp lãnh thổ Ấn Độ, để tiêu biểu đức lành của Bạc Vĩ nhân, cho dân chúng chiêm bái và tự tỉnh tu hành. Các cổ tháp ấy, lâu đời bị hư đổ; hiện nay Chánh phủ Ấn Độ đương lo sùng tu, kiến thiết; nhất là bốn nơi Động tâm:

Tại:

- Lumbini (Lâm Tỉ Ni): Chỗ Đức Phật giáng sanh
- Buddha Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng): Chỗ Đức Phật Thành đạo
- Isipatana (Lộc Giả): Chỗ Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên, độ Năm Thầy Kiều trần Như
- Kusinara (Câu Thi): Nơi Đức Phật nhập Niết bàn.

162. Hành trạng của Đức Phật có thể tóm lược như thế nào?

Đức Phật là một người như mọi người khác. Ngài đã qua đời vì có sanh phải có tử.

Ngài nhập diệt ở giữa trời, cũng như lúc Đản sanh, lúc Thành đạo và cũng như Ngài thường sống từ buổi xuất gia tìm đạo đến giờ viên tịch. Ngài chết vì bệnh, trong

tuổi già và chỉ nhờ đệ tử của Ngài, nhất là Đại Đức Ananda chăm nom săn sóc.

Đức Phật chết và không trở lại, như ngọn đèn cạn dầu hết tim. Tín đồ cảm phục Ân đức chí thiện của Ngài, kính mộ lòng Từ bi vô lượng của Ngài, nhưng không còn mong mỏi được trực tiếp tế độ. Mặc dầu như thế, trải qua trên 2.500 năm, tín đồ chẳng bao giờ quên Đức Phật. Đời còn đau khổ, lòng sùng kính của họ vẫn còn. Nhân loại luôn luôn nhớ đến Vị Y Vương đã tìm thuốc cứu rỗi tâm hồn. Ánh sáng của Ngài vẫn còn chiếu rọi vĩnh viễn; môn đệ của Ngài truyền nối đời đời.

Đức Phật vừa là một nhà đạo đức, vừa là một nhà tự do tư tưởng. Ngài không dụ dỗ ai theo Ngài và cũng không bắt buộc ai phải có một đức tin mù quáng.

Mặc dầu giáo lý của Ngài không nhìn nhận có linh hồn trường cửu, không nhìn nhận có tạo hoá, nhưng cũng đã có 500 triệu tín đồ trên khắp mặt địa cầu, và số ấy càng ngày càng tăng thêm mãi mãi. Điều ấy không chi lạ, vì ai ai cũng công nhận đời là Vô thường Khổ não; và nhờ Đức Phật chỉ dạy con đường diệt khổ, thoát khỏi luân hồi, đến nơi yên vui tuyệt đối là Niết bàn. Người Phật tử không xem sự diệt tặc luân

hồi là một cảnh trạng bi quan, lại còn tin tưởng rằng là một sự may mắn hy hữu, một thắng trận vinh quang.

Muốn tiến nhập Niết bàn, Đức Phật dạy phải xuất gia, để sống một cuộc đời rảnh rang, khỏi bận lo đến gia đình, nghề nghiệp và xã hội. Bởi tùy thuộc nơi kẻ khác là một điều khổ; tùy thuộc nơi mình là hạnh phúc, tự do như chim sỏ lông, sống không thù oán giữa kẻ thù oán, không dục vọng giữa kẻ dục vọng, không tham lam giữa kẻ tham lam, vui thú với cảnh cô độc, tự tại nơi thâm sơn cùng cốc, với cảnh vật thiên nhiên mà người thế không thể nếm được.

Trải qua vô lượng kiếp luân hồi, Đức Phật đã làm nhiều công đức lợi tha, nên đến kiếp chót Ngài đã vượt khỏi sự xấu xa ích kỷ của loài người. Khi Thành đạo quả Vô thượng Chánh giác, Ngài tiếp tục làm tròn sứ mạng phổ tế quần sanh.

Đức Phật không phải là một nhà vô thần luận, bởi Ngài tin có các Vị Trời, nhưng Ngài không cho rằng các Vị Trời có một quyền lực nào trong nguồn máy của vũ trụ, hoặc trong số mạng của loài người. Như thế Đức Phật cũng không phải là một nhà hữu thần luận.

Đức Phật không phải là người tạo ra cảnh giới Cực lạc, bởi tôn chỉ đạo đức của Ngài không đem lại sự vui sướng mà chỉ tìm sự diệt khổ.

Đức Phật không chối cái cái Ta, nhưng Ngài không cho rằng nó là một thực thể, bởi nó Vô thường biến đổi.

Đức Phật không dạy thuyết định mệnh, tuy rằng mọi người sanh do nghiệp lực cấu tạo từ trước, nhưng ai ai cũng có quyền định đoạt cho tương lai của mình. Ngài cũng không phải là một nhà cách mạng xã hội, bởi Ngài chỉ áp dụng sự đồng đẳng trong Giáo hội Tăng lữ của Ngài thôi.

Đức Phật có nghệ thuật biện luận mềm mại, khôn khéo, làm cho kẻ vẩn nạn Ngài ngạc nhiên khó nghĩ. Khi thấy họ bối rối, Ngài đem họ trở lại vấn đề và giải thích cho họ nghe bằng lời lẽ dịu ngọt. Luôn luôn Đức Phật tỏ ra người nhã nhặn, đoan trang, lễ độ. Hoàn toàn lánh tục, nhưng không câu nệ chấp nhất, ai mời thỉnh đi thọ trai nơi Thiên thị, Ngài cũng vui vẻ nhận lời.

Đức Phật nặng mang nhiệm vụ đối với đời; mỗi ngày sẵn sàng thuyết pháp giảng đạo cho mọi người nghe; giờ rước khách không kể ngày đêm, không kể mệt

nhọc. Ngoài ra Ngài còn đi vào làng mạc thôn quê tìm người tế độ.

Đối với các Thầy Tỳ kheo, Đức Phật dạy phải lễ nghi đoan chính, phải hòa thuận cùng nhau, để nêu gương tốt cho tín đồ. Ngài không cho các Thầy sống cuộc đời buông lung; luôn luôn Ngài khuyên các Thầy phải học, phải hành, phải đem đạo lý giảng giải cho tín đồ. Sống nhờ vật thực thuốc men của bá tánh, các Thầy phải nỗ lực tu hành và đem lợi ích cho đời.

Công trình giáo dục của Đức Phật không ngừng nghỉ. Có kẻ trách Ngài chỉ ở không đi xin ăn, trong lúc mọi người phải cày cấy mới có gạo; Ngài vui vẻ trả lời rằng chính Ngài trông tía từng giờ, từng phút; tối ngày Ngài chỉ rảnh rang được đôi chút để nghỉ ngơi tham Thiền. Thật vậy, Đức Phật là người hăng hái hoạt động duy nhất ở thế gian.

Đức Phật được người ta thương nhiều hơn là sợ. Ngài dạy chúng ta diệt bỏ tham lam ích kỷ, là nguồn cội của tội ác và khuyên đem lòng từ thiện, thương yêu trợ giúp lẫn nhau, để chữa trị những nỗi thống khổ trong đời.

Tóm lại, Đức Phật là Bạc Chí Tôn Chí Thánh, Đáng Trọn Lành duy nhất ở thế gian, đáng cho Chư Thiên và Nhân loại lễ bái cúng dường.

HẾT

<http://www.quangduc.com/DucPhat/index.html>